CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
NHÀ MÁY SẢN XUẤT MỘC GIA DỤNG, HÀNG TRANG TRÍ NỘI THẤT VÀ ĐỒ CHƠI TRẺ EM BẰNG GỖ (TRỪ ĐỒ CHƠI CÓ HẠI CHO GIÁO DỤC NHÂN CÁCH, SỨC KHOẺ CỦA TRẺ EM HOẶC ẢNH ĐẾN AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HÔI) CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Lô số 3, đường 5A Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0303290... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TIẾN THỌ

Đồng Nai, năm 2025

MỤC LỤC

1. Tên chủ cơ sở:. 5
2. Tên cơ sở: 5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở (bao gồm cả phần hiện hữu và phần dự kiến mở rộng, nâng công suất hoặc các thay đổi khác): 7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: 7
3.1.1. Công suất sản xuất của cơ sở 7
3.1.2. Công suất công trình bảo vệ môi trường của cơ sở 8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: 8
3.2.1. Công nghệ sản xuất hiện hữu: 9
3.2.2. Công nghệ sản xuất sau khi mở rộng và nâng công suất: 12
3.3. Sản phẩm của cơ sở: Sản phẩm mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ 14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 14
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất sử dụng của cơ sở 14
4.2. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất 14
4.3. Nhu cầu sử dụng điện 18
4.3.1. Nguồn cung cấp điện 18
4.3.2. Nhu cầu tiêu thụ điện 18
4.4. Nhu cầu sử dụng nước 18
4.4.1. Nguồn cung cấp nước 18
4.4.2. Nhu cầu sử dụng nước 18
4.4.2.1. Nhu cầu sử dụng nước hiện hữu 18
4.4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước tối đa 18
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 18
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, ... 21
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 21
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: 21
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường: 22
1.1. Hiện trạng thoát nước mưa 23
1.2. Hiện trạng thoát nước thải 23
1.3. Hiện trạng xử lý nước thải 23
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIÊN PHÁP BẢO VỆ . 27
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 27
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 27
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 27
1.2. Thu gom, thoát nước thải 27
1.3. Xử lý nước thải 28
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 30
2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất 30
2.2. Kiểm soát bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông 33

3. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải thông thường 33
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt 33
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường 34
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 35
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: 37
5. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: 37
5.1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động 37
5.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ 38
5.3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu 41
5.4. Phòng chống sự cố hệ thống khống chế ô nhiễm môi trường ngừng hoạt động 44
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 47
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: 49
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: 54
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn: 55
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 58
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: 58
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải: không thuộc trường hợp quan trắc 58
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải: không thuộc trường hợp quan trắc 58
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải 58
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở 60
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 61
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 61
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đáng giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 62
1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp thực hiện 66
2. Chương trình quan trắc chất thải 66
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm. 67
Bảng 22. Bảng tổng hợp chi phí đầu tư cơ sở 67
CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 69
PHẦN PHỤ LỤC 70

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Bảng thống kê các văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt của cơ sở 5
Bảng 3: Bảng thống kê nội dung xin cấp GPMT 7
Bảng 2: Công suất của cơ sở..... 7
Bảng 4: Công trình bảo vệ môi trường của cơ sở 8
Bảng 5: Danh mục nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất sử dụng của cơ sở..... 14
Bảng 6: Danh mục máy móc thiết bị sản xuất 14
Bảng 7: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở 18
Bảng 8: Quy mô sử dụng đất toàn khu nhà xưởng..... 20
Bảng 9: Diện tích xây dựng các hạng mục công trình 20
Bảng 10: kết quả phân tích chất lượng nước thải của KCN Nhơn Trạch II 25
Bảng 11: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở 27
Bảng 12: Thông số kỹ thuật của thiết bị thu hồi bụi bằng túi vải tại công đoạn gia công gỗ và công đoạn chà nhám 32
Bảng 13: Thông số kỹ thuật của thiết bị hấp thụ hơi hóa chất bằng nước..... 33
Bảng 33: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm 61
Bảng 34: Kế hoạch về thời gian lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường 63

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. Quy trình gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em.....9
Hình 2. Hình ảnh quá trình lắp ráp của cơ sở 10
Hình 3. Hình ảnh sản phẩm của dự án 11
Hình 4. Quy trình sản xuất mộc gia dụng, hàng trang t rí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) 13
Hình 5. Phạm vi dự án của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê 19
Hình 6. Vị trí thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa.....20
Hình 7. Quy trình công nghệ của HTXL bụi gỗ.....31
Hình 8. Quy trình công nghệ của HTXL khí thải công đoạn sơn.....32

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA.

- Địa chỉ văn phòng: 71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí minh, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: (Ông) NGUYỄN TIẾN THỌ– Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 0283.711.2054; Fax: 0283.37112055
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303292182 đăng ký lần đầu ngày 11/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 21/11/2003 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng Đăng ký Kinh doanh cấp

2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm.

- Địa điểm cơ sở: Lô số 3, đường 5A Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt của cơ sở như sau:

Bảng 1: Bảng thống kê các văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt của cơ sở

STT	Loại giấy phép/ văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Nội dung
1	Văn bản	Số 85/UBND ngày 19/06/2023	UBND xã Phú Hội tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:

+ Văn bản số 85/UBND ngày 19/06/2023 của UBND xã Phú Hội tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

- Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 26.000.000 (Hai mươi sáu tỷ) đồng thuộc nhóm C (điểm i khoản 4 Mục IV phần A và Mục III, phần B với vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng) được phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công theo Phụ lục I – Phân loại dự án đầu tư công, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư Công.

+ Theo quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Đối tượng phải có giấy phép môi trường:

1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuộc trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công được miễn giấy phép môi trường.

Khi cơ sở bổ sung sản phẩm như sản phẩm mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và công đoạn gia công, sơn hoạt động sẽ phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý (cắt, khoan, sơn,...) do đó các cơ sở này thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường (GPMT).

+ Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (Nhà máy chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ).

+ Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).
- Phân nhóm dự án đầu tư: nhóm III.
- Theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025:

Điều 26. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc các nhóm I, II, III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50 m^3/ngày trở lên;

b) Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m^3/ngày trở lên;

d) Có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý quy định tại điểm a và điểm c khoản này với tổng lưu lượng từ 50 m3/ngày trở lên;

đ) Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000 m3/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức;

e) Có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên và có phát sinh nước thải hoặc khí thải phải xử lý xả ra môi trường trong quá trình vận hành.

Khi cơ sở bổ sung sản phẩm như sản phẩm mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và công đoạn gia công, sơn hoạt động sẽ phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý (cắt, khoan, sơn,…) với tổng công suất 192.000 m^3/giờ > 2.000 m^3/giờ do đó Giấy phép môi trường (GPMT) của cơ sở thuộc Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở (bao gồm cả phần hiện hữu và phần dự kiến mở rộng, nâng công suất hoặc các thay đổi khác):

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

3.1.1. Công suất sản xuất của cơ sở

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa có địa chỉ Lô số 3, đường 5A Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với diện tích 20.000m^2.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa đã được UBND xã Phú Hội trả lời bằng văn bản số 85/UBND ngày 19/06/2023 với lĩnh vực hoạt động gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em.

Trong thời gian tới, công ty dự kiến mở rộng danh mục sản phẩm của nhà máy và nâng công suất sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường và đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm.

Công ty sẽ chuyển đổi từ hoạt động gia công đồ chơi trẻ em với công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm sang sản xuất các mặt hàng mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (không bao gồm các loại đồ chơi có thể gây hại đến giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), với công suất dự kiến đạt 7.000 tấn sản phẩm/năm.

Bảng 2: Bảng thống kê nội dung xin cấp GPMT

	Hiện hữu	**Xin cấp GPMT**
Loại sản phẩm	Đồ chơi trẻ em (gia công)	- Sản xuất hàng mộc gia dụng - Sản xuất hàng trang trí nội thất - Sản xuất đồ chơi trẻ em bằng gỗ
Chất liệu sản phẩm	Gỗ	Gỗ
Công suất sản xuất	5.000 tấn sản phẩm/năm	7.000 tấn sản phẩm/năm

Từ khi công ty đăng ký môi trường cho hoạt động của cơ sở đến thời điểm xin cấp giấy phép môi trường, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa hoạt động theo hồ môi trường đã đăng ký. Công suất gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em tối đa của nhà máy là 5.000 tấn sản phẩm/năm;

Bảng 3: Công suất của cơ sở.

STT	**Mục tiêu**	**Quy mô (tấn sản phẩm/năm)**		
		Năm 2024	**DKMT**	**Xin cấp GPMT**

STT	Mục tiêu	Quy mô (tấn sản phẩm/năm)		
		Năm 2024	**DKMT**	**Xin cấp GPMT**
1	Gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm	4.500	5.000	-
2	Sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm	-	-	7.000

3.1.2. Công suất công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa đã được công ty bố trí nhằm hạn chế ảnh hưởng hoạt động sản xuất của cơ sở đến môi trường. Công trình bảo vệ môi trường của cơ sở như sau:

Bảng 4: Công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Công suất
I	**Khu vực lưu giữ chất thải rắn**		
1.	Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt(1)	04	120 lít
2.	Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường(1)	01	15 m^2
3.	Khu vực lưu giữ chất thải rắn nguy hại(1)	01	10 m^2

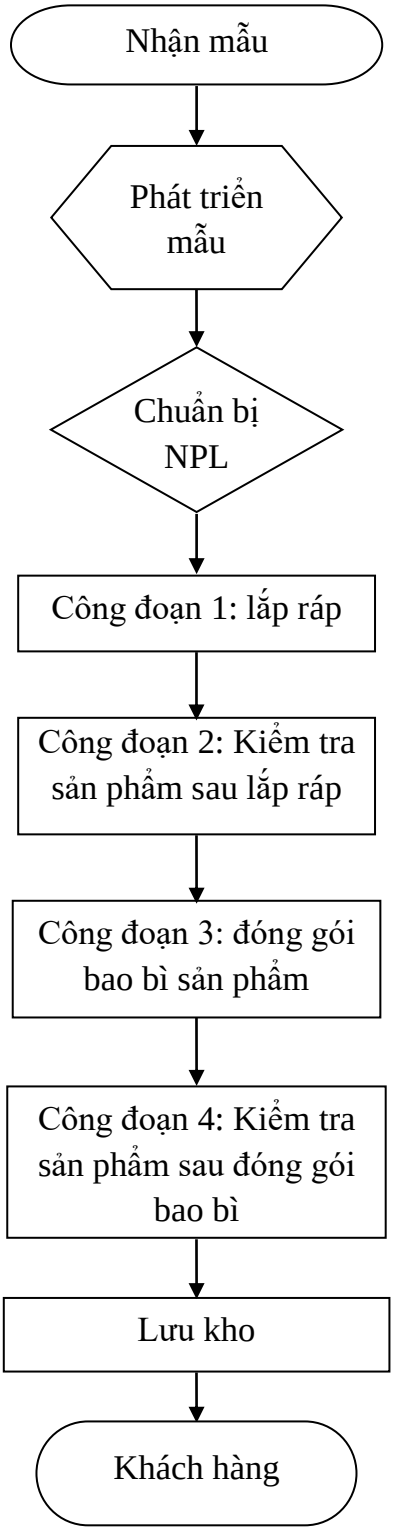
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Công ty đã được UBND xã Phú Hội trả lời bằng văn bảng số 85/UBND ngày 19/06/2023 đăng ký biện pháp bảo vệ môi trường của Nhà máy gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm. Trong nội dung đăng ký môi trường công ty đăng ký hoạt động với quy trình gia công đồ chơi trẻ em.

Trong thời gian tiếp theo, công ty sẽ đầu tư, mở rộng dây chuyền sản xuất, bổ sung công đoạn cắt - khoan, sơn để sản xuất, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về chất lượng và mẫu mã của thị trường.

Công nghệ sản xuất của cơ sở hiện tại và phương án nâng công suất được trình bày như sau:

3.2.1. Công nghệ sản xuất hiện hữu:



Hình 1. Quy trình gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em

Thuyết minh quy trình:

Sau khi trao đổi với khách hàng, công ty dựa trên nhu cầu thực tế để xác định mẫu sản phẩm cần sản xuất. Khi đã xác định được mẫu, bộ phận kỹ thuật sẽ phát triển từ mẫu sơ khai thành mẫu chi tiết, sau đó tiếp tục thiết kế, tách mẫu chi tiết thành các bộ phận cần thiết cho sản phẩm. Công ty tiến hành đặt hàng nhà cung cấp và nhập nguyên liệu về để phục vụ sản xuất. Tại cơ sở, các bộ phận sẽ được lắp ráp lại thành sản phẩm hoàn chỉnh.



Hình 2. Hình ảnh quá trình lắp ráp của cơ sở

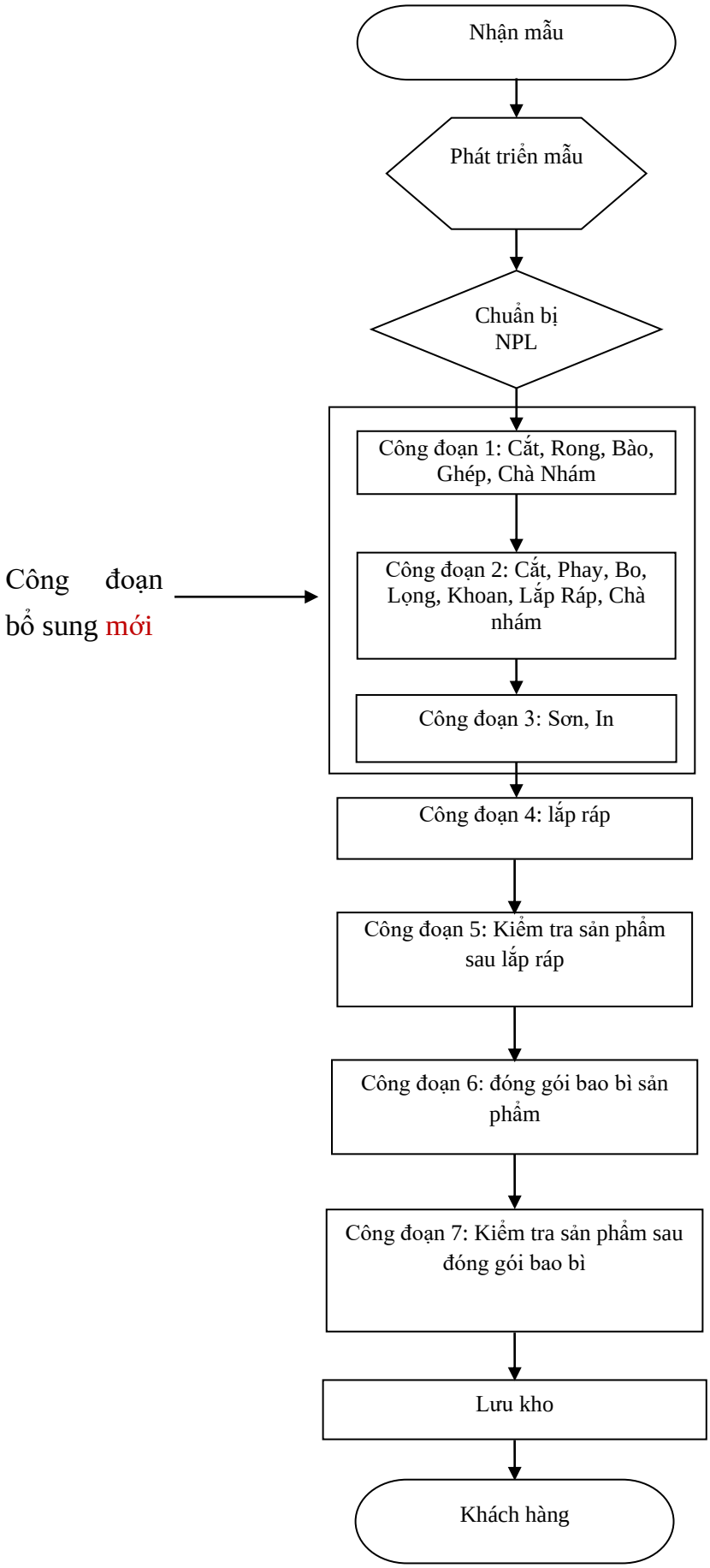
Sau quá trình lắp ráp, công ty tiến hành kiểm tra các mối lắp ráp để phát hiện các lỗi như lắp ráp sai vị trí, không chắc chắn, thiếu linh kiện hoặc cong vênh. Nếu phát hiện lỗi có thể sửa chữa, sản phẩm sẽ được chuyển về chuyền sản xuất để xử lý. Trường hợp lỗi không thể khắc phục, sản phẩm sẽ được thu gom và xử lý như chất thải thông thường. Nếu sản phẩm đạt yêu cầu, sẽ được chuyển sang chuyền đóng gói bằng các phương pháp thủ công như gấp hộp, dán keo, cắt keo bằng tay.

Vật liệu đóng gói sử dụng là bao bì nilon, thùng giấy cartoon. Sau khi đóng gói, công ty kiểm tra lại vật liệu đóng gói; nếu phát hiện lỗi, sẽ tiến hành đóng gói lại. Trong quá trình đóng gói và kiểm tra, có thể phát sinh bao bì hỏng, thùng carton hỏng, các loại chất thải này sẽ được thu gom và xử lý như chất thải thông thường. Cuối cùng, sản phẩm sau khi đóng gói được bàn giao cho khách hàng.



Hình 3. Hình ảnh sản phẩm của dự án

3.2.2. Công nghệ sản xuất sau khi mở rộng và nâng công suất:



Hình 4. Quy trình sản xuất mộc gia dụng, hàng trang t rí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)

Thuyết minh quy trình

Sau khi trao đổi với khách hàng, công ty sẽ dựa trên nhu cầu thực tế để xác định mẫu sản phẩm cần sản xuất. Khi đã thống nhất được mẫu, bộ phận kỹ thuật sẽ phát triển mẫu sơ khai thành mẫu chi tiết, tiến hành thiết kế và tách mẫu thành các bộ phận cần thiết. Sau khi hoàn thiện thiết kế chi tiết, thay vì đặt nhà cung cấp bên ngoài như quy trình sản xuất hiện hữu công ty bắt đầu gia công các chi tiết sản phẩm bằng nguyên liệu gỗ. Quá trình này bao gồm các công đoạn như cắt, khoan, phay, lọng, bào, rong và chà nhám.

Cụ thể, nguyên liệu gỗ sẽ được cắt tạo hình bằng máy cắt chuyên dụng. Sau khi cắt, bề mặt các chi tiết gỗ thường bị xù cạnh, xuất hiện các vết xước, bavia hoặc các vân gỗ không đều. Để xử lý, công ty tiến hành các bước gia công tiếp theo:

- Rong: Là quá trình loại bỏ phần thừa hoặc làm thẳng các cạnh của chi tiết gỗ, thường sử dụng máy rong chuyên dụng.
- Bào: Dùng máy bào để làm phẳng, làm mịn bề mặt, tạo độ dày đều cho chi tiết gỗ.
- Chà nhám: Sử dụng máy chà nhám hoặc giấy nhám để làm nhẵn bề mặt, loại bỏ các vết xước nhỏ còn lại sau quá trình bào.

Các công đoạn này sẽ phát sinh bụi gỗ với kích thước lớn, thường lắng đọng tại khu vực gia công. Ngoài bụi gỗ, các tác nhân ô nhiễm khác có thể phát sinh gồm tiếng ồn từ máy móc, mảnh vụn gỗ và khí thải từ động cơ thiết bị. Việc bụi gỗ sa lắng có thể ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, do đó công ty sẽ áp dụng các biện pháp kiểm soát như lắp đặt hệ thống hút bụi, cung cấp khẩu trang và vệ sinh khu vực làm việc thường xuyên để đảm bảo môi trường lao động an toàn.

Đối với những sản phẩm phức tạp, các chi tiết không thể tạo hình hoàn chỉnh ngay từ lần cắt đầu tiên mà cần thực hiện thêm các bước như cắt, phay, lọng, khoan một lần nữa. Trong đó, lọng là quá trình dùng máy cưa lọng để cắt các đường cong hoặc hình dạng phức tạp trên gỗ. Chi tiết sau gia công được chà nhám.

Tùy theo yêu cầu của khách hàng, một số chi tiết sẽ được chuyển trực tiếp đến công đoạn lắp ráp, trong khi một số khác sẽ chuyển sang công đoạn sơn. Quá trình sơn sử dụng súng phun sơn để phun hỗn hợp lên bề mặt sản phẩm. Công đoạn sơn được thực hiện trong buồng phun sơn, nơi có lắp đặt màn nước để hấp thụ bụi sơn phát sinh. Nước từ buồng sơn sau một thời gian sử dụng sẽ được thu gom và bàn giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại. Sản phẩm sau khi sơn được để khô tự nhiên trong buồng sơn.

Các sản phẩm đã sơn hoặc không cần sơn sẽ được chuyển sang công đoạn in các chi tiết nhỏ như chữ hoặc ký hiệu. Phương pháp in sử dụng là in lụa (silkscreen), trong đó mực in được ép qua lưới in lên bề mặt gỗ. Đặc biệt, khung in lụa sử dụng trong quá trình này sẽ được công ty nhập từ các nhà cung ứng bên ngoài, công ty không tự sản xuất khung in lụa tại nhà máy. Quá trình in có thể phát sinh khí thải do dung môi trong mực bốc hơi khi làm nóng, tuy nhiên, do mỗi sản phẩm chỉ in một vài ký tự nên lượng mực sử dụng rất nhỏ, tác động đến môi trường không đáng kể. Công ty vẫn có các biện pháp quản lý phù hợp để đảm bảo an toàn cho công nhân.

Các bộ phận sau khi hoàn thiện sẽ được lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh. Sau quá trình lắp ráp, công ty tiến hành kiểm tra các mối lắp ráp để phát hiện các lỗi như lắp ráp sai vị trí, không chắc chắn, thiếu linh kiện hoặc cong vênh. Nếu phát hiện lỗi có thể sửa chữa, sản phẩm sẽ được chuyển về chuyền sản xuất để xử lý. Trường hợp lỗi không thể khắc phục, sản phẩm sẽ được thu gom và xử lý như chất thải thông thường. Nếu sản phẩm đạt yêu cầu, sẽ được chuyển sang chuyền đóng gói bằng các phương pháp thủ công như gấp hộp, dán keo, cắt keo bằng tay.

Vật liệu đóng gói sử dụng là bao bì nilon và thùng carton. Sau khi đóng gói, công ty kiểm tra lại vật liệu đóng gói; nếu phát hiện lỗi, sẽ tiến hành đóng gói lại. Trong quá trình đóng gói và kiểm tra, có thể phát sinh bao bì hỏng, thùng carton hỏng, các loại chất thải này sẽ được thu gom và xử lý như chất thải thông thường. Cuối cùng, sản phẩm sau khi đóng gói sẽ được bàn giao cho khách hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở: Sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)

4. Nguyên liêu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất sử dụng của cơ sở

Chi tiết các loại hoá chất, nguyên liệu sử dụng của nhà máy như sau:

Bảng 5: Danh mục nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất sử dụng của cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng	
			Hiện hữu	Tối đa
1	Gỗ	Tấn/năm	6950	9.730
2	Vít sắt, long đền nhựa	Tấn/năm	20	30
3	Bao bì carton	Tấn/năm	30	42
4	Sơn	Tấn/năm	-	584,8
5	Mực in	Tấn/năm	-	7,3
6	Phụ liệu (ốc, vít,..)	Tấn/năm	-	418,5
7	Khung in	Cái năm	-	29,2

4.2. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất

Bảng 6: Danh mục máy móc thiết bị sản xuất

STT	Tên máy móc thiết bị công suất	Công suất	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng mới
I	**MÁY MÓC HIỆN HỮU**						
1	Máy bắn vít cầm tay	0,5kW	Cái	50	Việt Nam	2023	99%
2	Băng tải lắp ráp	2,2 kW	Cái	05	Việt	2023	99%

STT	Tên máy móc thiết bị công suất	Công suất	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng mới
					Nam		
3	Băng tải đóng gói	1,5 kW	Cái	05	Việt Nam	2023	99%
4	Bàn lắp ráp	-	Cái	05	Việt Nam	2023	99%
5	Bàn đóng gói	-	Cái	05	Việt Nam	2021	98%
II	**MÁY MÓC LẮP MỚI***						
6	Bàn nâng chữ E 1500kg Model: WML-E1500	3 kW	Cái	2	Việt Nam	2023	99%
7	Máy cưa rong Ripsaw lưới dưới tải nặng Model: JR-18F	15 kW	Cái	3	Việt Nam	2023	99%
8	Máy cưa rong Ripsaw lưới dưới Model: JR-14	11 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
9	Máy bào 2 mặt dao xoắn 635MM Model: GT-635ARD	18,5 kW	Cái	2	Việt Nam	2023	99%
10	Máy bào 4 mặt 5 trục cao tốc Model: WM-518GH	22 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
11	Máy cưa bàn trượt 2 lưỡi 3200MM Model: ST-320A	7,5 kW	Cái	18	Việt Nam	2023	99%
12	Máy cưa rong Ripsaw lưỡi trên (điều chỉnh vô cấp) Model: JRS-12TK	12 kW	Cái	2	Việt Nam	2023	99%
13	Máy cưa rong Ripsaw nhiều lưỡi (6 giàn dẫn phôi) Model: FE-320-S6	25 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
14	Máy chuốt gỗ tròn 60MM (2 bộ nạp phôi) Model: WM-60RR	5,5 kW	Cái	5	Việt Nam	2023	99%
15	Hệ thống Máy chà nhám chổi	11 kW	Cái	5	Việt Nam	2023	99%
16	Máy chà nhám thùng 2 trục tải nặng 700MM Model: WM-700RP	15 kW	Cái	5	Việt Nam	2023	99%
17	Máy chà nhám thùng 630MM 2	11 kW	Cái	1	Việt	2023	99%

STT	Tên máy móc thiết bị công suất	Công suất	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng mới
	trục Model: WM-25RP				Nam		
18	Máy chà nhám trục hơi	4 kW	Cái	4	Việt Nam	2023	99%
19	Máy chà nhám dĩa	3 kW	Cái	4	Việt Nam	2023	99%
20	Máy đục CNC 4 trục xoay 4D Model: WM-4RRC	9 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
21	Máy khoan ngang tự động 6 đầu Model: WM-240	4,5 kW	Cái	3	Việt Nam	2023	99%
22	Dây chuyền Máy khoan đứng 1 mũi	2,2 kW	Cái	12	Việt Nam	2023	99%
23	Máy phay định hình chà nhám cạnh hoàn thiện Model: WM-KGSB2	7,5 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
24	Máy phay Router trục đứng Model: WM-650	5,5 kW	Cái	4	Việt Nam	2023	99%
25	Máy phay Router lưới dưới Model: YL-60	4 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
26	Máy tiện gỗ nạp phôi tự động Model: CBL-1500	11 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
27	Máy tiện gỗ 1450MM Model: WM-380L	7,5 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
28	Máy tiện núm tay nắm gỗ CNC 4 dao 70MM WM-70R4L	5,5 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
29	Hệ thống Camera Nhà máy Nhơn Trạch	1 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
30	Máy chà nhám chổi 200 thủ công	3 kW	Cái	1	Việt Nam	2023	99%
31	Máy CNC khoan lỗ Model: JK-2312	7,5 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
32	Máy cắt bọ tự động Model: SM-2118	5,5 kW	Cái	2	Việt Nam	2024	99%
33	Máy chà nhám Model: MM-2043	11 kW	Cái	2	Việt Nam	2024	99%

STT	Tên máy móc thiết bị công suất	Công suất	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng mới
34	Máy phay khoan CNC 2 phương 4 trục 2800MM Model: HT-2800-S2R4	18,5 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
35	Máy phay mộng âm CNC 10 đầu 3200MM (8 giàn kẹp) Model: WM-5x2CNC	30 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
36	Máy phay khoan CNC 2 phương tự động (2 chiều 2 cạnh) Model: CNC-2300A2H	15 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
37	Máy phay CNC Router 1 đầu cao cấp (Option con lăn tỳ phôi) Model: PRO-1325R	9 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
38	Máy phay mộng âm dương CNC 4 trục 16 dao (6 bộ kẹp xoay 180 độ) Model: WM-4x4A6x180	22 kW	Cái	2	Việt Nam	2024	99%
39	Máy cưa cắt khoan 2 đầu 6 trục tải nặng Model: WM-250CD2H	18,5 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
40	Máy cắt góc vuông 90 độ Model: WM-V90C	4 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
41	Máy chà nhám chổi thùng 6 trục 1300MM Model: WM-1300-S6	18,5 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
42	Máy cắt bo tự động Model: SM-2118	5,5 kW	Cái	2	Việt Nam	2024	99%
43	Máy làm mộng dương 2 đầu CNC Model: SM 200/4CNC	11 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
44	Máy tiện CNC Model: SM 2030AF	9 kW	Cái	1	Việt Nam	2024	99%
45	Buồng sơn màng nước	2,2 kW	Cái	16	Việt Nam	2024	99%

(Nguồn: Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Nam Hoa)

Ghi chú:

** - Toàn bộ các thiết bị của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa dự kiến lắp đặt sẽ được mua lại từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê, máy móc của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để phục vụ dự án bổ sung, nâng công suất của dự án.*

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

4.3.1. Nguồn cung cấp điện

Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở được lấy từ lưới điện lực Quốc gia.Việc cung cấp điện do Công ty điện lực thực hiện thông qua hạ tầng KCN Nhơn Trạch 2.

4.3.2. Nhu cầu tiêu thụ điện

Điện năng tiêu thụ hàng tháng hiện hữu của nhà máy khoảng 227.179 Kwh/tháng. (*Theo hóa đơn điện từ tháng 9,10,11/2024*).

Khi cơ sở đạt công suất tối đa, điện năng tiêu thụ của nhà máy đạt khoảng 884.400 Kwh/tháng.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước

4.4.1. Nguồn cung cấp nước

Nguồn nước Công ty sử dụng được lấy từ hệ thống cấp nước KCN Nhơn Trạch II. Lượng nước cung cấp cho hoạt động sản xuất của dự án bao gồm sinh hoạt công nhân viên; sản xuất; mục đích tưới cây, tưới đường và hoạt động PCCC.

4.4.2. Nhu cầu sử dụng nước

4.4.2.1. Nhu cầu sử dụng nước hiện hữu

Nhu cầu sử dụng nước cho toàn nhà máy của Công ty trung bình là 962,3 m^3/tháng, tương đương 32 m^3/ngày (*Theo hoá đơn tiền nước 9,10,11/2024)*. Trong đó, lượng nước sử dụng trong sản xuất, sinh hoạt, tưới cây, tạo ẩm đường nội bộ như sau:

- Lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của 400 người làm việc khoảng 32 m^3/ngày;

4.4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước tối đa sau khi nâng công suất

Khi cơ sở đạt công suất tối đa, nhu cầu sử dụng nước cho toàn nhà máy của Công ty khoảng là 2.426,5 m^3/tháng, tương đương 96,1 m^3/ngày (Nhu cầu sử dụng nước tương ứng 100% công suất nhà máy). Trong đó, lượng nước sử dụng trong sản xuất, sinh hoạt, tưới cây, tạo ẩm đường nội bộ như sau:

- Lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của 750 người làm việc khoảng 60 m^3/ngày;
- Lượng nước cấp cho quá trình sơn khoảng 36 m^3/ngày.
- Lượng nước cấp cho quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 1,4 m^3/ngày.

Bảng 7: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	**Mục đích cấp nước sử dụng**	**Lượng nước sử dụng** (m^3/ngày)		**Lượng nước thải** (m^3/ngày)
		Hiện hữu	**Tối đa**	
1	Nước cấp cho sinh hoạt	32	60	60
2	Nước cấp cho quá trình sơn	-	36	36
3	Nước cấp cho quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị	-	1,4	1,4
Tổng cộng lượng nước sử dụng tính cho ngày lớn nhất *(không kể nước PCCC)*		**32**	**97,4**	**97,4**

(Nguồn: Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Nam Hoa)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Cơ sở "Nhà máy sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh đến an ninh trật tự, an toàn xã hôi) công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm" của Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Nam Hoa được thực hiện trên phần nhà xưởng hiện hữu được thuê lại của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê với diện tích 7.914,44m^2 tại Lô số 3, Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Phía Đông: giáp khu nhà xưởng sản xuất của Công ty Miền Quê
- Phía Tây: giáp với nhà xưởng cho thuê của Công ty Miền Quê
- Phía Nam: giáp với đường giao thông nội bộ của Công ty Miền Quê tiếp đến là đường 5A của KCN



Hình 5. Phạm vi dự án của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê



Hình 6. Vị trí thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Hiện tại, nhà xưởng và các hạng mục công trình phục vụ quá trình hoạt động đã được xây dựng hoàn chỉnh. Các công trình khác như giao thông, bãi đậu xe, sân bãi, bể nước phòng cháy chữa cháy, cây xanh, hệ thống cống thoát nước mưa, hệ thống cống thu gom, thoát nước thải sẽ được dùng chung với các nhà xưởng khác theo quy hoạch của cụm nhà xưởng xây sẵn của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Miền Quê.

Quy mô sử dụng đất của toàn khu nhà xưởng cho thuê của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Miền Quê như sau.

Quy mô sử dụng đất của toàn khu nhà xưởng như sau:

Bảng 8: Quy mô sử dụng đất toàn khu nhà xưởng.

STT	Quy mô sử dụng đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Diện tích xây dựng	47.321,94	56,26
2	Đường giao thông nội bộ, sân bãi	19.650,87	23,37
3	Cây xanh, thảm cỏ*	17.132,19	20,37
Tổng diện tích		**84.105**	**100**

Bảng 7: Quy mô sử dụng khu đất của nhà xưởng của Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Nam Hoa

STT	Quy mô sử dụng đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1.	Diện tích nhà xưởng thuê	7.914,44	100
Tổng diện tích		**7.914,44**	**100**

Quy mô sử dụng đất của toàn Công ty và các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 9: Diện tích xây dựng các hạng mục công trình

STT	Các hạng mục	Diện tích (m^2)	Ghi chú
1	Nhà xưởng sản xuất + văn phòng	7.914,44	*Hiện hữu*
2	Nhà vệ sinh	(46,02)	*Hiện hữu* *(Nằm trong nhà xưởng thuê)*
3	Nhà máy nén khí	(70,07)	*Hiện hữu* *(Nằm trong nhà xưởng thuê)*
4	Nhà rác nguy hại	(10)	*Hiện hữu* *(Nằm trong nhà xưởng thuê)*
5	Nhà rác thông thường	(15)	*Hiện hữu* *(Nằm trong nhà xưởng thuê)*
	Tổng diện tích xưởng	**7.914,44**	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa)

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Căn cứ:

- Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015. Huyện Nhơn Trạch tiếp nhận được khí thải công nghiệp với phân vùng môi trường không khí là vùng 2 – Áp dụng hệ số K_v=0,8.
- Quyết định 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên đại bàn tỉnh Đồng Nai. Sông Thị Vải tiếp nhận được nước thải từ KCN Nhơn Trạch VI với phân vùng môi trường áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.
- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 20/04/2022 về Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022. KCN Nhơn Trạch III phù hợp với kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai (100% các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường).
- Nghị định 35/2022/NĐ-CP về hạ tầng bảo vệ môi trường của KCN.
- Văn bản số 5402/BTNMT-TCMT ngày 04/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung một số ngành nghề vào danh mục ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp Nhơn Trạch I;
- Giấy phép môi trường số 88/GPMT-BTNMT ngày 07/04/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị công nghiệp số 2.

Từ các căn cứ trên, nhận thấy KCN Nhơn Trạch II phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia và quy hoạch tỉnh.

Dự án "Nhà máy sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh đến an ninh trật tự, an toàn xã hôi) công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm" của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa được thực hiện tại Lô số 3, đường 5A Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Sự phù hợp của dự án với quy hoạch của KCN

Theo GPMT đã được phê duyệt, các ngành nghề được thu hút đầu tư vào KCN bao gồm:

- Sản xuất, sửa chữa container, rơ móc.
- Sản xuất, lắp ráp xe máy, ô tô.
- Chế tạo máy móc, thiết bị công cụ.
- Chế tạo và sửa chữa cơ khí, cán thép.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng, vật liệu xây dựng hoặc công nghiệp.
- Sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic (trừ chế biến mủ cao su).
- Sản xuất các sản phẩm nhựa.
- Sản xuất vali túi xách, yên đệm và các loại tương tự.
- Sản xuất hàng mỹ nghệ.

- Sản xuất thủy tinh, gốm sứ và các sản phẩm phi kim loại.
- Sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại, sản xuất đồ kim hoàn các chi tiết liên quan.
- Sản xuất dụng cụ thể dục thể thao.
- Sản xuất đồ chơi;
- Sản xuất sứ vệ sinh.
- Sản xuất bóng đèn, phích nước.
- Sản xuất các thiết bị, sản phẩm chữa cháy.
- Sản xuất, chế biến thực phẩm; đồ uống không cồn.
- Kho chứa phân bón; kho chứa hóa chất; kho chứa thuốc bảo vệ thực vật.
- Sản xuất các trang thiết bị điện, điện tử.
- Sản xuất linh kiện điện, điện tử; sản xuất điện từ, máy vi tính, sản phẩm quang học.
- Sản xuất bê tông nhựa nóng; gạch men.
- Dệt, sợi; may quần áo; may giày.
- Sản xuất văn phòng phẩm; sản xuất bao bì giấy và các sản phẩm từ giấy; sản xuất bao bì carton.
- Sản xuất nhôm định hình, sản xuất dây, cáp điện.
- Sản xuất chế biến gỗ; sản xuất dăm gỗ; sản xuất ván ép.
- Sản xuất dược phẩm, thuốc thú y.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.
- Sản xuất thuốc lá điếu; chế biến nguyên liệu thuốc lá.
- Sản xuất săm lốp ô tô các loại.
- Sản xuất mực in, vật liệu ngành in; cơ sở in ấn các loại.
- Cơ sở sản xuất khí CO_2, chiết nạp hóa lỏng, khí công nghiệp.
- Cơ sở kinh doanh, chiết xuất, đóng gói dầu nhớt, dầu nhờn; cửa hàng kinh doanh xăng, dầu (DO).
- Sản xuất ắc quy, pin;
- Sản xuất hơi nước, sửa chữa và bảo dưỡng nồi hơi.
- Sản xuất giày, dép và các phụ kiện.
- Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt.
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu.
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất.
- In, sao chép bản ghi các loại.
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng xây sẵn.
- Sản xuất điện mặt trời (hệ thống điện mặt trời mái nhà)

Dự án được thực hiện tại KCN Nhơn Trạch II với ngành nghề là sản xuất mộc gia dụng, hàng trang trí nội thất và đồ chơi trẻ em bằng gỗ phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Nhơn Trạch II (Sản xuất đồ gỗ gia dụng, vật liệu xây dựng hoặc công nghiệp).

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường:

Cơ sở được thực hiện tại KCN Nhơn Trạch II. Về thủ tục môi trường, KCN Nhơn Trạch II đã được cấp các thủ tục như sau:

- Văn bản số 5402/BTNMT-TCMT ngày 04/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung một số ngành nghề vào danh mục ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp Nhơn Trạch II;
- Giấy phép môi trường số 88/GPMT-BTNMT ngày 07/04/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị công nghiệp số 2.

Khu vực cơ sở và khu vực xung quanh gồm nhiều dự án đã và đang hoạt động ổn định. Khu công nghiệp đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh với hệ thống thu gom nước mưa, thu gom nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận được tất cả các nguồn thải của các cơ sở sản xuất. Tất cả các nhà xưởng trong khu công nghiệp đều được đấu nối trực tiếp với hệ thống thu gom nước mưa và nước thải, đảm bảo nguồn nước sạch và nước thải được kiểm soát chặt chẽ.

Toàn bộ nước thải phát sinh của dự án sau khi được xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN được đấu nối vào hệ thống thoát nước tập trung của KCN Nhơn Trạch II dẫn về HTXL nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ($K_q = K_f = 0,9$).

Hiện trạng hệ thống thoát nước của KCN Nhơn Trạch IIcó thể được tóm tắt như sau:

1.1. Hiện trạng thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải tách riêng.
- Thoát ra rạch Bà Ký rồi ra sông Thị Vải theo địa hình tự nhiên.
- Hệ thống thoát nước mưa bên ngoài khu vực cơ sở đã thực hiện hoàn chỉnh. Hệ thống thoát nước mưa KCN Nhơn Trạch II được thiết kế dọc theo các trục đường. Tuyến ống thu gom nước mưa trong toàn KCN, dẫn về rạch Bà Ký rồi ra sông Thị Vải.

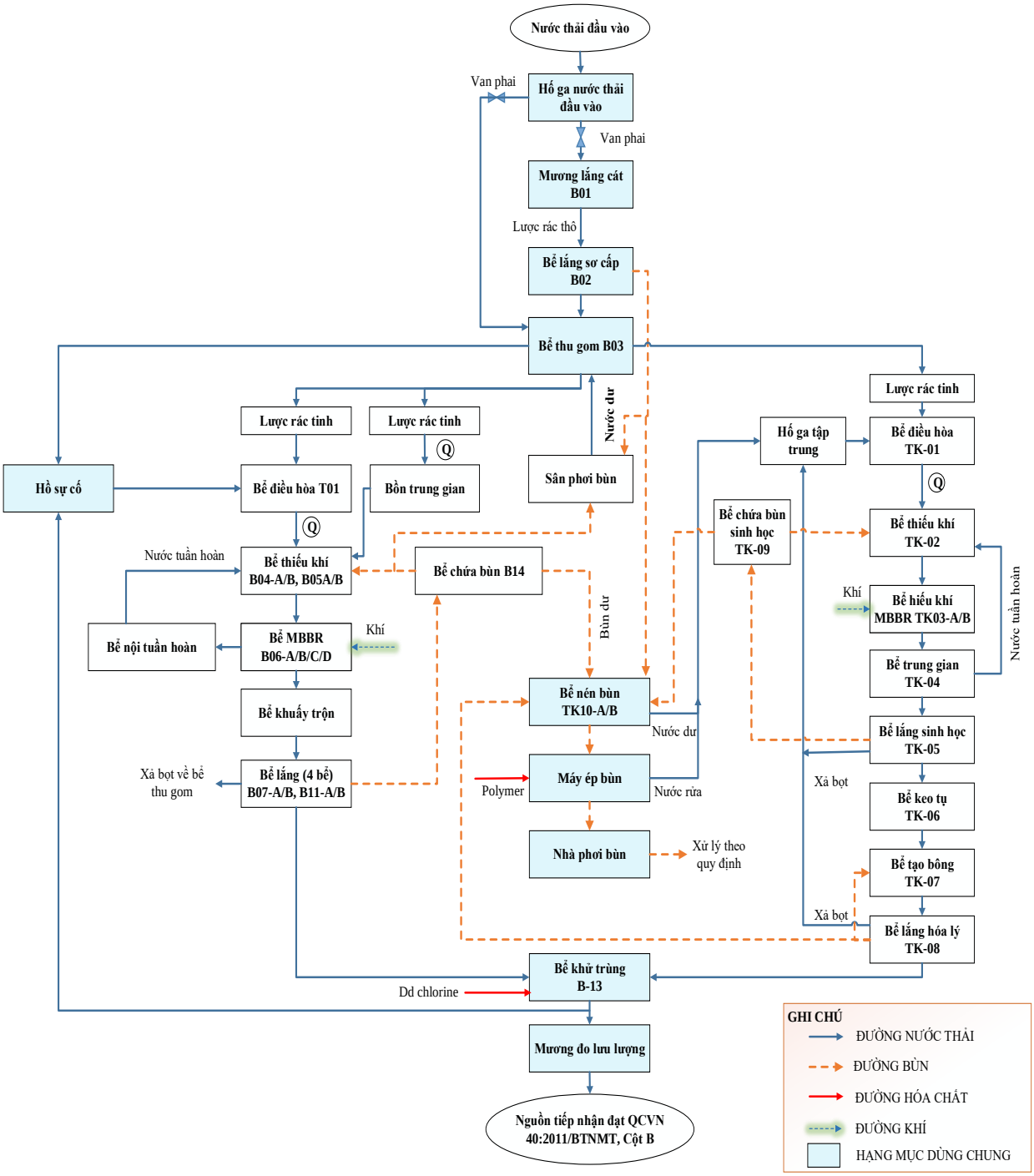
1.2. Hiện trạng thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải chung bên ngoài khu vực cơ sở đã thực hiện hoàn chỉnh, nhà máy chỉ cần đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN và được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.
- Toàn bộ nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN thoát vào rạch Bà Ký rồi ra sông Thị Vải.

1.3. Hiện trạng xử lý nước thải

- Theo lộ trình của quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, chất lượng nước thải nước thải sau xử lý của KCN Nhơn Trạch II không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số K_q= K_f=0,9.
- Nguồn tiếp nhận nước thải của nhà máy là HTXLNT tập trung của KCN Nhơn Trạch II với công suất thiết kế:

+ Giai đoạn 1: công suất 2.000 m^3/ngày.đêm; Năm hoàn thành: 2005
+ Giai đoạn 2: công suất 4.000 m^3/ngày.đêm; Năm hoàn thành: 2009
+ Giai đoạn 3: công suất 6.000m^3/ngày.đêm; Năm hoàn thành: 2015
+ Giai đoạn 4: công suất 10.000m^3/ngày.đêm; Năm hoàn thành: 2020.



Hình 3: Quy trình hệ thống xử lý nước thải của KCN

Thuyết minh quy trình:

Nước thải (sinh hoạt và sản xuất) → Mương lắng cát (B01) → Bể lắng sơ cấp (B02)→ Bể thu gom (B03) → tại đây nước thải chia thành 02 dòng: (1) – cụm bể XLNT 6.000 m3/ngày và (2) – cụm bể 4.000 m^3/ngày.

(1) → 01 bể điều hòa (T01) → 02 bể thiếu khí (B04-A/B, B05-A/B) → 04 bể hiếu khí MBBR (B06-A/B/C/D) → 04 bể lắng đứng (B07-A/B,B11-A/B) → Bể khử trùng dùng chung cho 02 cụm XLNT (B-13) → Mương đo lưu lượng dùng chung cho 02 cụm XLNT → Mương quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường → Rạch Bà Ký.

(2) → 01 bể điều hòa (TK-01) → 01 bể thiếu khí (TK-02) → 01 bể hiếu khí MBBR (TK03-A/B) → 01 bể trung gian (TK-04) → 01 bể lắng sinh học (TK-05) → 01 bể keo tụ (TK-06) → 01 bể tạo bông (TK-07) → 01 bể lắng hóa lý (TK-08) Bể khử trùng dùng chung cho 02 cụm XLNT (B-13) → Mương quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường → Rạch Bà Ký.

Trong hệ thống XLNTTT 6.000 m^3/ngày đêm, lượng bùn phát sinh từ bể chứa bùn sinh học B14 và bể lắng sơ cấp (cụm bể XLNT 6.000 m^3/ngày đêm); bùn từ bể lắng hóa lý TK08 và bể chứa bùn sinh học TK09 (cụm bể XLNT 4.000 m3/ngày đêm) được bơm về bể nén bùn TK10 để tiến hành quá trình xử lý, bùn sau khi ép được vận chuyển đến nhà phơi bùn để xử lý theo quy định.

Bảng 10: kết quả phân tích chất lượng nước thải của KCN Nhơn Trạch II

Stt	**Tên thông số**	**Đơn vị tính**	**Kết quả nước thải**		**QCVN 40:2011/BTNMT cột B, K_q=0,9; Kf= 0,9**
			1/2024	**04/2024**	
1	Nhiệt độ	^oC	-	33	**40**
2	pH	-	7,73	7,7,69	**5.5-9**
3	Độ màu	Pt – Co	31	18	**150**
4	TSS	mg/l	7	15	**81**
5	BOD_5	mgO_2/l	9	16	**40.5**
6	COD	mgO_2/l	28	35	**121.5**
7	$N\text{-}NH_4^+$	mg/l	0,33	0,07	**8.1**
8	N tổng	mg/l	15,1	6,8	**32.4**
9	P tổng	mg/l	<2	3,61	**4.86**
10	Clo dư	mg/l	0,067	KPH	**1.62**
11	Clorua	mg/L	-	362	**810**
12	Florua	mg/l	3,29	1,91	**8.1**
13	Tổng Phenol	mg/l	<0,004	KPH	**0.405**
14	Fe	mg/l	0,15	0,28	**4.05**
15	Mn	mg/l	-	KPH	**0.81**
16	Cu	mg/l	-	KPH	**1.62**
17	Pb	mg/l	<0,01	KPH	**0.405**

18	Cd	mg/l	<0,001	KPH	**0.081**
19	Ni	mg/l	0,027	0,0233	**0.405**
20	Zn	mg/l	0,24	0,11	**2.43**
21	Crom (III)	mg/l	0,014	0,0032	**0.81**
22	Crom (VI)	mg/l	<0,01	KPH	**0.081**
23	Hg	mg/l	<0,0005	KPH	**0.0081**
24	As	mg/l	<0,001	KPH	**0.081**
25	tổng CN^-	mg/l	<0,002	KPH	**0.081**
26	Tổng Dầu mỡ khoáng	mg/l	<3	KPH	**8.1**
27	Sulfua	mg/l	-	KPH	**0.405**
28	T. Coliform	MPN/100ml	2	KPH	**5000**
29	Hàm lượng polychlorinated	mg/l	-	KPH	-

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường KCN Nhơn Trạch II)

Ghi chú

QCVN 40:2011/BTNMT – Nước thải công nghiệp – Quy chuẩn thải, cột B với K_q=0,9 và K_f=0,9 (lưu lượng thải >5.000 m3/ngày).

Nhận xét

Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý nhận thấy: tất cả các thông số giám sát chất lượng nước thải sau xử lý của nhà máy XLNTTT đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT với K_q=0,9; K_f=0,9.

KCN Nhơn Trạch II đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh HTXL nước thải với công suất 22.000 m^3/ngày.đêm. Hiện tại, đang tiếp nhận và xử lý với lưu lượng khoảng 70% tổng công suất. Khi dự án hoạt động, tổng lượng nước thải phát sinh của dự án là 97,4 m^3/ngày. Khi dự án đi vào hoạt động chính thức, HTXL nước thải của KCN Nhơn Trạch vẫn đảm đảo khả năng xử lý lượng nước thải từ dự án

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIÊN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

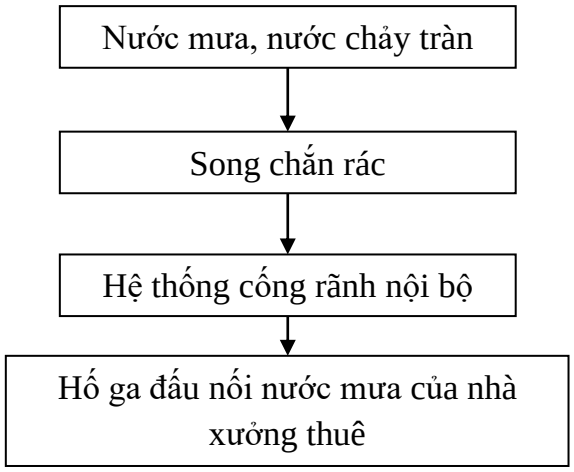
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa tách biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống này đảm bảo cho quá trình thoát nước mưa của cơ sở.

Nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng đường ống PVC Ø114 đối với xưởng, ống PVC Ø90 đối với nhà xe và nước mưa trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân,... chảy vào cống BTCT D300 - 400, L= 500m bố trí xung quanh nhà xưởng. Nước mưa chảy vào hệ thống thu gom nước mưa của cụm nhà xưởng tại 01 hố ga nằm trên đường giao thông nội bộ của nhà xưởng cho thuê.

Toạ độ 01 hố ga đấu nối nước mưa : X=1.185.934 ; Y= 409.170.



Hình 7. Sơ đồ thu gom nước mưa chung của nhà xưởng

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa. Tổng khối lượng nước thải phát sinh tối đa từ cơ sở khoảng 97,4 m^3/ngày được thu gom theo hệ thống thu gom, thoát nước thải của nhà xưởng cho thuê.

Bảng 11: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở

STT	Mục đích cấp nước sử dụng	Lượng nước sử dụng (m^3/ngày)	Lượng nước thải (m^3/ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	60	60
2	Nước cấp cho quá trình sơn	36	36
3	Nước cấp cho vệ sinh máy móc, dụng cụ	1,4	1,4
Tổng cộng lượng nước sử dụng tính cho ngày lớn nhất *(không kể nước PCCC)*		**97,4**	**97,4**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa)

- Công trình thu gom nước thải:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được về 02 bể tự hoại 3 ngăn của nhà xưởng với tổng thể tích 11,4m^3 (trong đó bể tự hoại dưới nhà xưởng 1 có thể tích V_{nx1} = 5,7 m^3; bể tự hoại dưới nhà xưởng 2 có thể tích V_{nx2} = 5,7 m^3) để xử lý sơ bộ nước thải. *(Đính kèm bảng vẽ)*

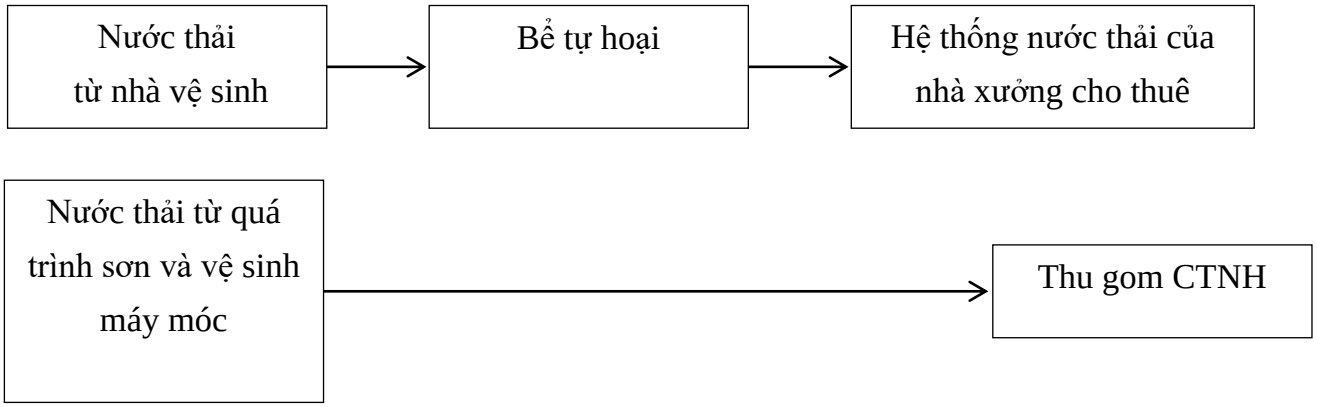
+ Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất được thu gom bằng hệ thống uPVC Ø200 sau đó bàn giao cho đơn vị thu gom chất thải có chức năng.

- Công trình thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại sau xử lý sơ bộ theo hệ thống thoát nước của nhà xưởng thuê uPVC Ø200, L=55m đấu nối với hệ thống thoát nước thải của nhà xưởng cho thuê tại 01 hố ga trên đường giao thông nội bộ tại 01 địa điểm X= 1.185.932; Y= 409.164.

+ Hệ thống thoát nước thải của nhà xưởng cho thuê đã được đầu tư thực hiện hoàn chỉnh, chủ đầu tư chỉ cần đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của nhà xưởng cho thuê. Nước thải

Sơ đồ công nghệ hệ thống thoát nước thải của công ty như sau:



Hình 8. **Phương án thu gom và xử lý nước thải của toàn nhà má**

Nước thải từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa sẽ được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của đơn vị cho thuê, là Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Miền Quê.

Sau đó, nước thải sẽ tiếp tục được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Nhơn Trạch II. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Miền Quê chịu trách nhiệm chất lượng nước thải phát sinh từ dự án và thực hiện việc đấu nối. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Miền Quê đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/06/2012 với đơn vị quản lý hạ tầng của KCN Nhơn Trạch II là Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để đảm bảo nước thải được xử lý đúng quy định.

1.3. Xử lý nước thải

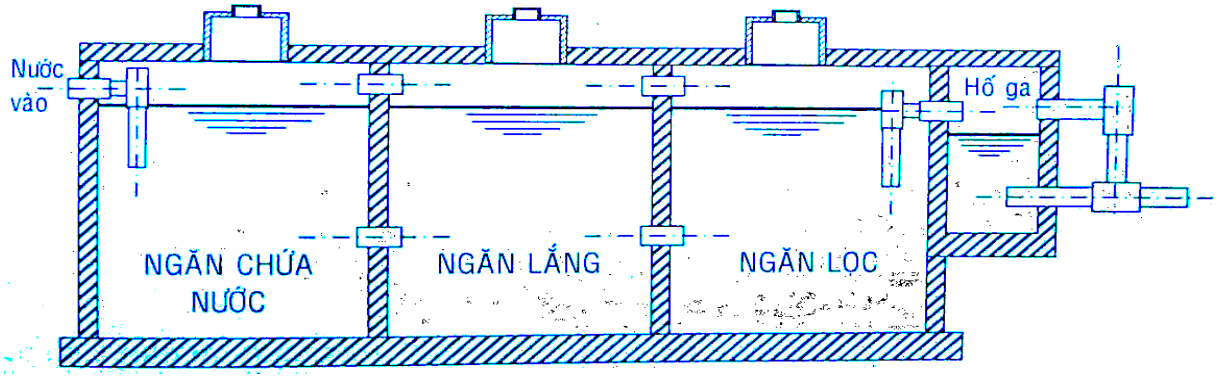
Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt có thành phần ô nhiễm chính là chất hữu cơ, chất vô cơ và một phần lớn các vi sinh vật trong nước thải ở dạng các virus và vi khuẩn gây bệnh tả, lị, thương hàn, nếu thu gom và xử lý không đúng quy định sẽ ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường, gây lây lan bệnh tật trong cộng đồng, các tác động này mang tính ngắn hạn và có thể giảm thiểu được thông qua các biện pháp xây dựng nhà vệ sinh tự hoại đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh này nếu không được xử lý sẽ tác động trực tiếp đến chất lượng nguồn nước mặt khu vực dự án.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân bao gồm nước từ nhà vệ sinh, khu vực rửa tay phát sinh sẽ được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn cải tiến với tổng thể tích 11,4 m^3 sau đó đấu nối về hệ thống thu gom, thoát nước thải tập trung của đơn vị cho thuê nhà xưởng.

Bể tự hoại với 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng và ngăn lọc. Cặn được giữ lại trong ngăn chứa từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4, CO_2, H_2S,... Bùn cặn đã phân hủy trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong ngăn lắng một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài ống dẫn, ra hố ga trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải của công ty. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy kị khí.



Hình 9. **Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại**

Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước theo hệ thống thoát nước đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của đơn vị cho thuê. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Không để rơi vãi hóa chất, xăng dầu, xà phòng,... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

- Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn sơn và vệ sinh máy móc có thành phần nước thải này thường chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ (các chất rắn lơ lửng (TSS), sơn). Nước thải được thu gom và ban giao cho đơn vị thu gom chất thải nguy hại có chức năng.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

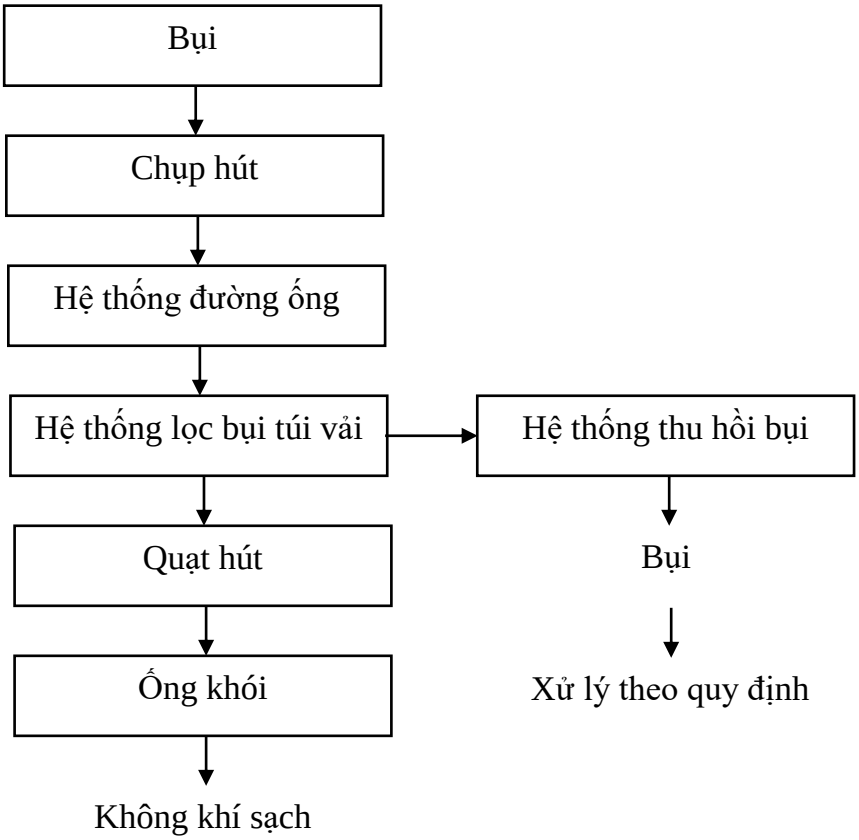
✓ **Biện pháp giảm thiểu chung**

Dựa trên tính chất tương đồng, quy mô, công nghệ hoạt động của nhà máy hiện hữu, công ty đã, đang và sẽ thực hiện áp dụng các biện pháp khống chế giảm thiểu như sau:

- Bố trí hợp lý các khu vực sản xuất.
- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, máy móc để tránh tích tụ bụi trong thời gian dài, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường vệ sinh công nghiệp.
- Vệ sinh máy móc thiết bị định kỳ để thu hồi bụi.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân: quần áo bảo hộ, nón, giày, khẩu trang. Tại các công đoạn có sử dụng hóa chất sẽ trang bị thêm mắt kính bảo hộ, găng tay.

✓ **Công trình xử lý bụi, khí thải**

- Để giảm thiểu nguồn ô nhiễm do bụi phát sinh từ quá trình sản xuất, Công ty sẽ lắp đặt 03 thiết bị thu hồi bụi bằng túi vải để giảm thiểu được bụi phát sinh từ công đoạn gia công gỗ. Bụi thu hồi từ quá trình này được lưu giữ trong kho chứa chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Quy trình công nghệ thu gom bụi phát sinh tại khu vực gia công gỗ và chà nhám sơn UV như sau:



Hình 10. Quy trình công nghệ của HTXL bụi gỗ

Thuyết minh quy trình xử lý:

+ Bụi từ công đoạn gia công, chà nhám được thu hồi tại chỗ bằng chụp hút theo đường ống dẫn về hệ thống lọc bụi túi vải. Dưới tác dụng của quạt hút ly tâm với công suất lớn, bụi từ nguồn phát sinh sẽ bị hút vào hệ thống ống nhánh rồi qua hệ thống ống chính vào hệ thống xử lý bụi. Bụi sẽ được quạt hút và đẩy vào trong thiết bị lọc filter (Thiết bị lọc dạng túi vải đặt bên ngoài nhà xưởng, túi được đặt trong buồng kín tránh được nước mưa làm ướt túi dẫn đến dính bết bụi, giảm hiệu quả lọc. Túi vải bằng sợi PE chống tĩnh điện, có tuổi thọ khá cao) sau khi, đi qua filter không khí đã hết bụi và được xả ra ngoài. Khi dòng không khí chứa bụi mịn đi qua lớp vải lọc, bụi mịn sẽ bị giữ lại trên vải lọc bám vào thành từng lớp còn không khí sạch sẽ đi qua lớp vải lọc. Bụi được rũ khỏi túi theo chu kỳ nhất định bằng khí nén gắn trên filter và rơi xuống đáy thiết bị để bộ phận vận chuyển (vít tải/xích tải) gom lại, xả xuống đường ống vận chuyển qua van xoay. Hiệu quả xử lý bụi bằng lọc bụi filter tùy thuộc vào cấu tạo của vải lọc có thể đạt 90 – 95% kể cả bụi có kích thước từ 5 - 10µm.

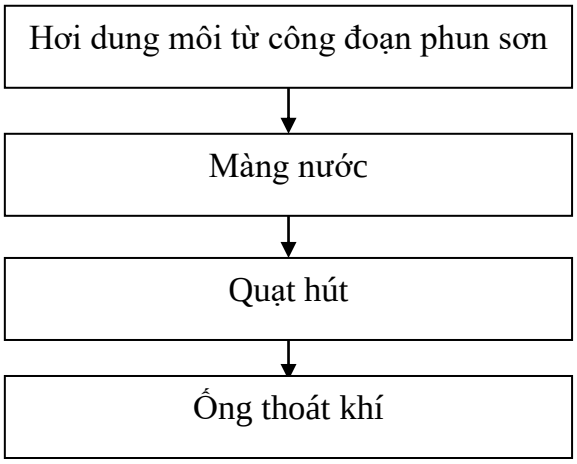
+ Lượng bụi được giữ lại sau khi qua hệ thống xử lý được thu gom cho vào buồng chứa bụi, sau đó lượng bụi này được Chủ dự án giao cho đơn vị có chức năng thu gom với tần suất 1 tuần/lần và tần suất thay túi vải 6 tháng/lần.

Bảng 12: Thông số kỹ thuật của thiết bị thu hồi bụi bằng túi vải tại công đoạn gia công gỗ và công đoạn chà nhám

Thông số kỹ thuật	**Thiết bị lọc bụi túi vải**		
	HT1	**HT2**	**HT3**
Lưu lượng	48.000 m^3/h	96.000 m^3/h	96.000 m^3/h
Vật liệu	Thép mạ kẽm	Thép mạ kẽm	Thép mạ kẽm
Đường kính ống hút	Ø100 – Ø700	Ø100 – Ø700	Ø100 – Ø700
Kích thước	5,4m × 2,4m × 7,3m	6,56m × 2,56m × 9,8m	6,56m × 2,56m × 9,8m
Công suất quạt hút	48.000 m^3/h	48.000 m^3/h	48.000 m^3/h
Hiệu suất lọc	90 – 95%	90 – 95%	90 – 95%
Số lượng túi vải	286	506	506
Chiều cao ống thải	8m	8m	8m
Đường kính ống thải	Ø700	Ø700	Ø700
Số lượng thiết bị túi vải	**01**	**01**	**01**

✓ **Giảm thiểu bụi của công đoạn sơn**

Trong quá trình sản xuất sẽ làm phát sinh bụi từ quá trình sơn. Nếu công nhân làm việc trong môi trường có nhiều hơi hóa chất thì rất có khả năng bị các bệnh nghề nghiệp như các bệnh về hô hấp, mắt, ngộ độc,… ảnh hưởng đến sức khỏe, năng suất lao động của công nhân. Để bảo vệ sức khỏe của công nhân và giảm thiểu các tác động của quá trình sơn sẽ lắp đặt hệ thống chụp hút tại các khu vực này. Quy trình công nghệ thu gom bụi sơn phát sinh tại khu vực pha sơn và sơn phủ bề mặt như sau:



Hình 11. Quy trình công nghệ của HTXL khí thải công đoạn sơn

Thuyết minh quy trình

Khí thải chứa bụi trong buồng phun sơn được hấp thụ 1 phần bởi màng nước có trong buồng. Nước sử dụng trong buồng phun sơn được tuần hoàn để tiết kiệm nước và định kỳ được thay mới 4 tuần 1 lần để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống.

Dòng khí sau khi ra khỏi thiết bị xử lý sẽ là khí sạch đạt các tiêu chuẩn môi trường theo QCVN 20:2009/BTNMT. Nước thải từ quá trình hấp thụ được công ty thu gom và bàn giao cho đơn vị thu gom CTNH.

Thông số kỹ thuật của tháp hấp thụ (sử dụng nước) dự kiến sẽ lắp đặt tại nhà máy như bảng dưới đây.

Bảng 13: Thông số kỹ thuật của thiết bị hấp thụ hơi hóa chất bằng nước

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút	16	Cái	- Công suất: 18,5kW - Điện: 3 pha 380 V - Lưu lượng: 3.000 m^3/h. - Áp suất: 2200 pa.
2	Vật liệu hấp thụ: Nước	36	m^3	- Hai tuần thay nước 1 lần, nước thải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị thu gom CTNH.
3	Ống thoát khí	16	Ống	- Kích thước: Ø500; cao 6-8m, làm bằng inox 304.
4	Buồng phun sơn có màng nước	16	Cái	- Dài 5m, cao 1,1m, sâu 0,35m; vật liệu inox 201

- Lượng nước sử dụng cho hệ thống xử lý hơi khoảng 36 m^3/lần. Định kỳ 1 tháng sẽ thay mới 1 lần.

2.2. Kiểm soát bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

Về vấn đề ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận tải, nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa nguồn ô nhiễm trên gồm:

- Kho bãi, đường giao thông nội bộ trong khuôn viên cơ sở đã được bê tông và được vệ sinh thường xuyên;
- Quy định cho các phương tiện giao thông không được chở quá trọng tải quy định;
- Bảo dưỡng phương tiện theo đúng định kỳ;
- Không để xe nổ máy lâu trong khu vực khi chờ bốc hàng hoặc đổ hàng;
- Bê tông hóa các tuyến đường giao thông bên trong Công ty, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường.

3. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh khi cơ sở hoạt động tối đa là 113,6 tấn/năm. Vấn đề thu gom và xử lý rác sinh hoạt được thực hiện như sau:

- Bố trí các thùng chứa chất thải sinh hoạt 120 lít tại các khu vực có phát sinh.
- Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).
- Các thùng này được thu gom theo lịch trình 1 lần/ngày, định kỳ sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác thải sinh hoạt lớn 120 lít có nắp đậy đặt ở cuối nhà xưởng. Định kỳ 2 ngày/1 lần, đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Hiện nay công ty đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi để thu gom xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được Công ty thu gom, phân loại và lưu giữ tại khu vực riêng, có vách ngăn cửa kéo, sàn bê tông có diện tích 15 m^2. Trong khu vực kho chứa bố trí các dụng cụ lưu chứa như:

- Bao tải 110 x 160mm dùng để chứa: cao su phế liệu, nilon giòn, Nilon dẻo, Nilon vụn, Silicon phế liệu.
- Pallet gỗ/nhựa dùng đặt thùng carton phế, sắt vụn.
- Pallet gỗ/nhựa, thùng phi nhựa, thùng phi lớn, thùng sắt nhỏ phế được thu gom, lưu trữ tại từng khu vực riêng trong kho chứa.
- Lượng bùn phát sinh từ bể tự hoại (không đưa về khu vực lưu giữ chất thải) sẽ được Công ty thuê xe hút hầm cầu đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 6 tháng/lần.

Bảng 14: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tối đa tại nhà máy

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)		Ký hiệu phân loại
				Hiện hữu	Tối đa	
1.	Nhóm giấy: giấy văn phòng, bìa carton	18 01 05	Rắn	150	320	TT
2.	Nhóm nhựa: vụn nhựa dư thừa, dây nylon, bao nylon, chai nước	18 01 06	Rắn	210	260	TT

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)		Ký hiệu phân loại
				Hiện hữu	Tối đa	
3.	Nhóm kim loại: phế liệu sắt, thép, đinh hư	11 04 03	Rắn	352	1.000	TT
4.	Nhóm gỗ: gỗ vụn	11 02 02	Rắn	1720	2.100	TT
5.	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	Bùn	5	10	TT
6.	Thùng phuy sắt	18 01 02	Rắn	-	400	
7.	Giẻ lau không nhiễm thành phần nguy hại	18 01 07	Rắn	-	300	
Tổng cộng				**2.437**	**4.390**	**-**

- Định kỳ, công ty sẽ chuyển giao chất thải thông thường cho đơn vị thu gom hoặc khối lượng chất thải trong kho gần đầy. Tần suất và thời gian thu gom phụ thuộc vào khối lượng chất thải trong kho, đơn vị thu gom xử lý sẽ đến nhà máy thu gom khi Công ty gửi văn bản đến đơn vị hợp đồng yêu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý. Công ty sẽ tăng tần suất thu gom khi cơ sở hoạt động để đảm bảo không có hiện tượng nhà rác bị quá tải khi công ty hoạt động tối đa công suất. Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải công nghiệp thông thường với Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại, bảo quản chất thải nguy hại (CTNH) theo chủng loại trong các bồn chứa, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa, …);
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về "Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo".

Bảng 15: Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh tối đa tại nhà máy

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)		Ký hiệu phân loại
				Hiện hữu	Tối đa	
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	32	100	NH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 03	84	200	NH
3	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	Rắn	19 02 05	41	50	NH
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	38	100	KS
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	54	100	KS
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	36	100	KS
7	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	112	200	KS
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	6	50	NH
9	Pin Ni-Cd thải	Rắn	19 06 02	15	30	NH
10	Mùn cưa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	09 01 01	-	3.000	KS
11	Giấy nhám dính hoá chất	Rắn	18 01 04	-	300	NH
12	Mực in thải	Rắn	08 02 01	-	10	NH
13	Nước thải lẫn sơn	Lỏng	08 01 04	-	7.200	KS
Tổng cộng				**418**	**11.440**	

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong khu vực riêng trong nhà xưởng, sàn bê tông của công ty và khu vực chứa rác nguy hại ngoài nhà xưởng có tổng diện tích khoảng 10 m^2.

Kho lưu giữ được bố trí có mái che và được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng với từng loại chất thải. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Việc thu gom, vận chuyển được thực hiện theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Ngoài ra, để quản lý tốt nguồn chất thải rắn, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Trong mỗi khu vực phát sinh chất thải rắn, chủ cơ sở có kế hoạch thu gom thường xuyên không để chất thải rắn tràn lan hay bị phân hủy bởi các thành phần trong môi trường. Các cống rãnh cũng có thể là nơi tích tụ chất thải được nạo vét thường xuyên;
- Xây dựng gờ chắn bao quanh khu vực chứa chất thải nhằm tránh tình trạng chất thải lỏng bên trong khu chứa rò rỉ ra ngoài hoặc nước mưa chảy vào bên trong;
- Lập bản kê để theo dõi tình trạng lưu giữ chất thải;
- Phân công một nhân viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân loại, quản lý chất thải tại công ty;
- Trong quá trình giao nhận chất thải nguy hại với đơn vị thu gom, xử lý theo hợp đồng ký kết, Công ty sẽ tuân thủ quy định giao nhận và lưu giữ chứng từ quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Trường hợp chất thải tại công ty phát sinh nhiều công ty sẽ tăng tần suất thu gom để đảm bảo khả năng lưu chứa tại nhà máy.
- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và lưu giữ trong kho chất thải rắn nguy hại có mái che, định kỳ 6 tháng/lần hoặc khi lượng rác trong nhà kho gần đầy. Công ty sẽ tăng tần suất thu gom khi cơ sở hoạt động để đảm bảo không có hiện tượng nhà rác bị quá tải khi công ty hoạt động tối đa công suất.

Hiện nay Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Thiên để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải định kỳ theo đúng quy định với tấn suất thu gom định kỳ là 06 tháng/lần hoặc khi rác phát sinh nhiều đột biến.

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông, hoạt động sản xuất khi cơ sở vào hoạt động tại nhà xưởng số được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ cơ sở;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

5. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động tại nhà xưởng, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong nhà máy như: máy trộn, máy nén khí chủ yếu do sự ma sát giữa các trục lăn làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Công ty đã thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất tại xưởng sản xuất;
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân: mũ, giày, găng tay, khẩu trang, kính mắt bảo hộ;
- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;
- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;
- Thành lập đội an toàn lao động HSE trong nhà máy.
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;
- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khoẻ; chủ cơ sở phải căn cứ vào sức khoẻ của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;
- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

5.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

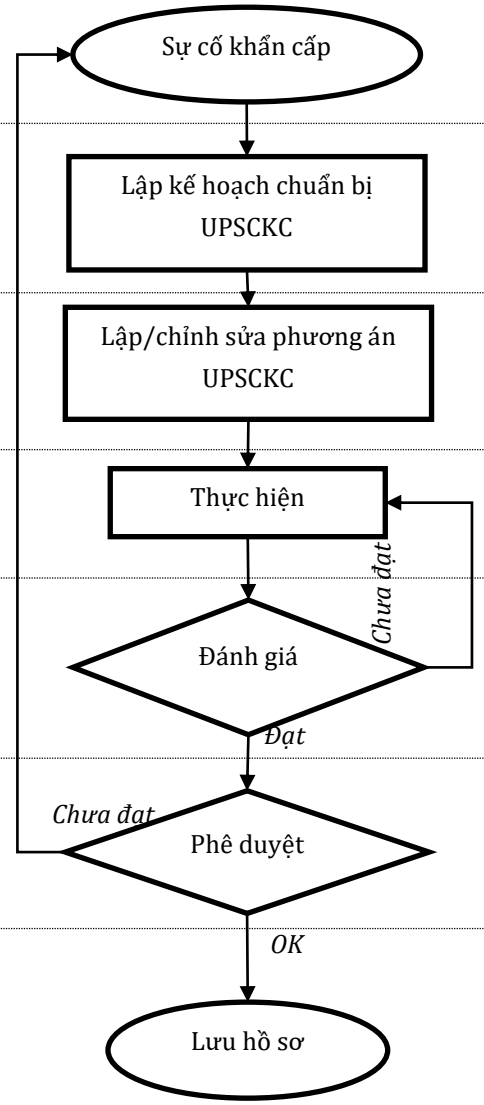
Tại nhà xưởng, công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng Luật PCCC sửa đổi bổ sung năm 2013. Chủ đầu tư sẽ kết hợp với Công an PCCC của KCN để xây dựng các phương án PCCC an toàn cho Công ty và phải được phê duyệt phương án PCCC của cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống phòng cháy và chữa cháy được thiết kế theo các tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 về "Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu cho thiết kế" và TCVN 7336:2003 quy định về các yêu cầu đối với thiết kế, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt (sprinkler).

Để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ đối với khu vực lưu trữ hóa chất công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí khu vực lưu trữ riêng biệt, có mái che, khung thép được gia cố theo yêu cầu và được sơn chống cháy nhằm tăng thời gian chịu lửa của cấu kiện, nền đổ bê tông, mái lợp tôn và thiết kế thông gió phù hợp, thông thoáng cho các loại hóa chất, tránh tình trạng tích tụ lâu dài hơi hóa chất tạo hỗn hợp cháy nổ;
- Các chất lỏng có tính dễ cháy (Dầu DO, dầu nhớt máy) khi tiếp xúc trực tiếp với nguồn lửa nên khu vực lưu trữ được thiết kế chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Tường bên ngoài chịu được lửa ít nhất là 30 phút, tất cả các tường đều không thấm nước, bề mặt bên trong của tường trơn nhẵn, sơn chống cháy, có thể rửa một cách dễ dàng và không bắt bụi.

- Xung quanh khu vực lưu trữ được thiết kế các bờ bao quanh với chiều cao 0,2m, tránh hóa chất độc hại tràn đổ vào hệ thống thoát nước của công ty cũng như KCN.
- Bố trí các biển cảnh báo, báo cháy và thiết bị chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy CO_2, bình chữa cháy khô ACB, …
- Hệ thống phòng chống sét được thiết kế theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của Công ty. Hệ thống chống sét gồm kim thu sét tích cực được lắp đặt tại điểm cao nhất của công trình, hộp kiểm tra điện trở đất và hệ tiếp đất được thiết kế, lắp đặt tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.
- Ngoài ra, hệ thống phòng cháy chữa cháy được lắp đặt tại tất cả các phòng, khu vực trong toàn cơ sở. Các thiết bị báo cháy như: tủ điều khiển báo cháy, tủ hiển thị báo cháy, hệ thống đèn thoát hiểm, …Hệ thống chữa cháy gồm bể nước ngầm, bơm nước chữa cháy, hộp chữa cháy, họng tiếp nước chữa cháy, trụ nước chữa cháy ngoài trời, ….

- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, công ty sẽ triển ứng phố sự cố theo sơ đồ như sau:

Bước	Lưu đồ	Trách nhiệm
1		
2		Ban GH
3		Ban GH
4		Ban GH
5		Ban GH
6		BGĐ
7		Ban GH

- **Bước 1: Sự cố khẩn cấp**

Sự cố khẩn cấp về an toàn, môi trường tại công ty bao gồm:

- Tràn đổ hóa chất
- Cháy, nổ: Khói,lửa và lửa từ các thiết bị, dụng cụ, bóng đè, tủ điện, bộ phận dây dẫn
- Tai nạn lao động (ví dụ Thương tích nghiêm trọng do rơi rớt hàng, do thao tác máy không phù hợp)
- Dịch bệnh
- Thiệt hại do bão lụt gây ra, v.v.
- **Bước 2: Lập kế hoạch chuẩn bị UPSCKC**
- Ban GH thực hiện lập kế hoạch chuẩn bị UPSCKC cho từng trường hợp cụ thể theo biểu mẫu "IVN-PR02-F01 Kế hoạch hoạt động năm".

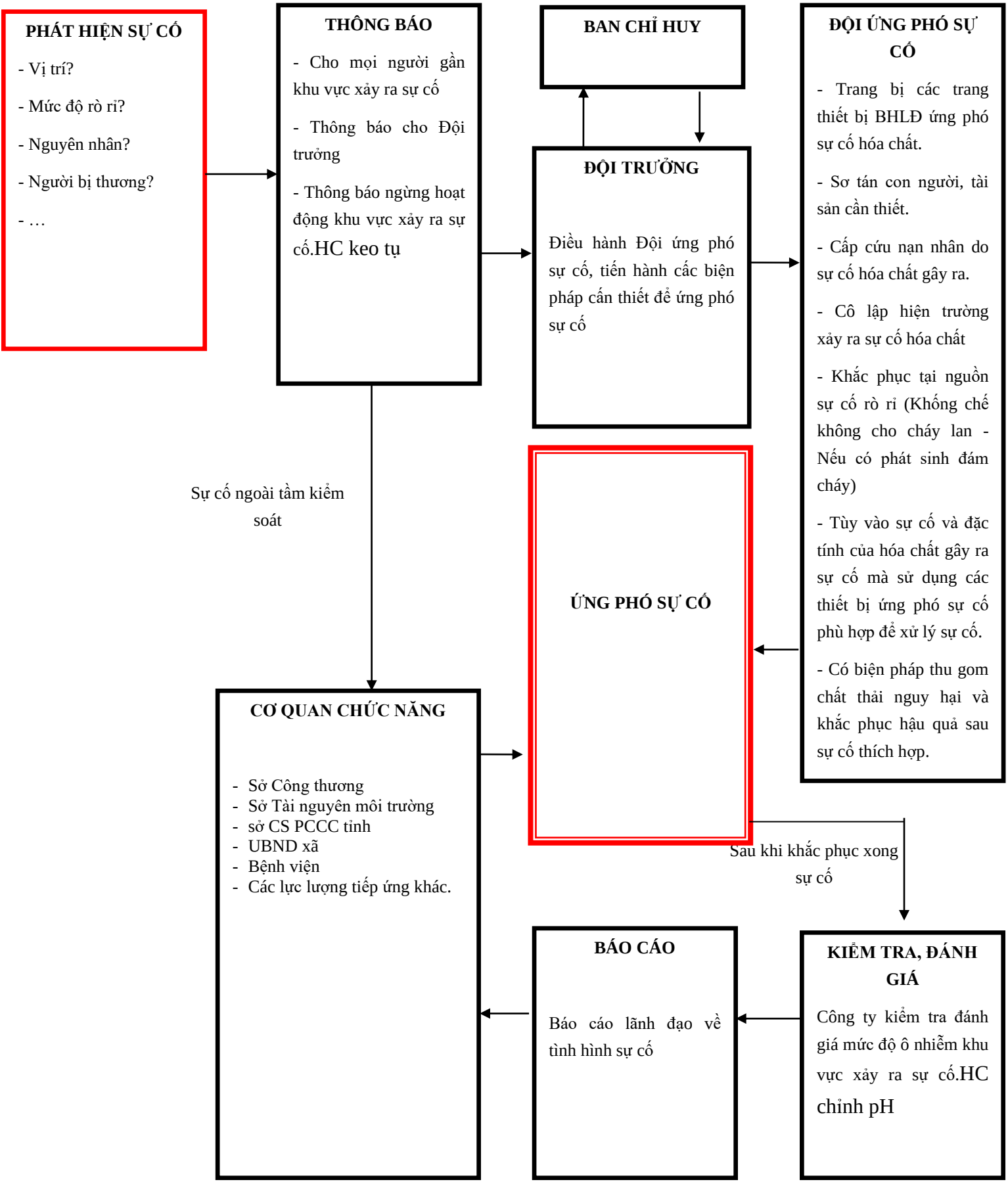
- Trong kế hoạch này bao gồm cả trang bị các trang thiết bị chuẩn bị UPSCKC, huấn luyện kiến thức và diễn tập UPSCKC với tình huống thực tế.
- Đối với kế hoạch diễn tập UPSCKC cần phối hợp với các bộ phận liên quan để đăng ký thời gian diễn tập phù hợp không gây ảnh hưởng tới tình hình sản xuất mà vẫn thực hiện đầy đủ.
- Bước 3: **Lập/chỉnh sửa phương án UPSCKC**
- Ban GH phối hợp với các đơn vị đào tạo và bộ phận liên quan và để xây dựng phương án ứng phó tương ứng.Trong trường hợp này cần lên kế hoạch với nhà cung cấp
- Các phương án UPSCKC được xây dựng sát với thực tế hiện trạng khu vực có khả năng xảy ra sự cố. Trong quá trình xây dựng phương án UPSCKC cần chú ý đến các khía cạnh môi trường và các mối nguy thứ cấp có thể xảy ra trong quá trình ứng phó; cần xem xét lựa chọn thiết bị, phương tiện và phương pháp ứng phó phù hợp.
- Các phương án UPSCKC được ban GH và bộ phận quản lý khu vực đó xem xét điều chỉnh hàng năm nếu cần thiết.
- **Bước 4: Thực hiện**
- Ban GH gửi kế hoạch chuẩn bị UPSCKC cho các bộ phận liên quan để cùng xem xét nội dung, tổ chức thực hiện kế hoạch. Ban GH tổ chức, quản lý theo dõi thực hiện của các bộ phận liên quan. Đồng thời lập "IVN-GH-PR04-F01 Biên bản đánh giá sau diễn tập ứng phó sự cố khẩn cấp".
- **Bước 5 & 6: Đánh giá và phê duyệt**
- Ban GH tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch chuẩn bị UPSCKC , lập và cải tiến các phương án,tình trạng đào tạo.
- Trong đó đặc biệt về diễn tập UPSCKC, bộ phận GH đánh giá kết quả thực hiện diễn tập UPSCKC sau khi thực hiện của các bộ phận liên quan. Xem xét quá trình thực hiện có đảm bảo đúng theo phương án đưa ra ban đầu và có phù hợp thực tế hay không theo IVH-GH-PR04-F01 Biên bản đánh giá sau diễn tập ứng phó sự cố khẩn cấp". Trong trường hợp nội dung thực hiện không đảm bảo theo phương án UPSCKC thì ban GH có thể đưa ra góp ý, lời khuyên trong buổi diễn tập hoặc có thể yêu cầu diễn tập lại nếu kết quả thực hiện quá kém.
- Các sự cố khẩn cấp được định ra (tình huống giả định) và kết quả thực hiện đào tạo chuẩn bị UPSCKC được trình lên Ban giám đốc xem xét và phê duyệt, yêu cầu điều chỉnh nếu có sự không hợp hoặc thiếu sót. Nếu kết quả thực hiện không thay đổi thì định kỳ hàng năm tiến hành lập kế hoạch và thực hiện UPSCKC như phương án đã đề ra.
- **Bước 7: Lưu hồ sơ**
- Khi kết thúc việc thực hiện kế hoạch UPSCKC bộ phận GH tập hợp hồ sơ liên quan và lưu trữ

5.3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu

Để phòng chống và ứng cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu tại nhà xưởng, Chủ đầu tư phối hợp cùng với các cơ quan chức năng PCCC giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ

thuật tại kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố. Đồng thời, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Lưu trữ nguyên nhiên liệu dạng lỏng với khối lượng ít nhất (đủ dùng, lượng dự phòng khoảng 10 – 15% lượng cần dùng);
- Bảo quản nguyên liệu, nhiên liệu trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng;
- Trong khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa;
- Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường phòng chống tràn hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng;
- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác;
- Khu vực sử dụng hoá chất được bố trí riêng biệt, trong phòng kín trang bị chụp hút để hút hơi hoá chất phát sinh nhằm hạn chế ảnh hưởng của hơi hoá chất ra môi trường xung quanh.
- Thường xuyên kiểm tra định kỳ bình chứa và kho chứa;
- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;
- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.


PHÁT HIỆN SỰ CỐ
- Vị trí?
- Mức độ rò rỉ?
- Nguyên nhân?
- Người bị thương?
- …
THÔNG BÁO
- Cho mọi người gần khu vực xảy ra sự cố
- Thông báo cho Đội trưởng
- Thông báo ngừng hoạt động khu vực xảy ra sự cố.HC keo tụ
BAN CHỈ HUY
ĐỘI TRƯỞNG
Điều hành Đội ứng phó sự cố, tiến hành các biện pháp cấn thiết để ứng phó sự cố
ĐỘI ỨNG PHÓ SỰ CỐ
- Trang bị các trang thiết bị BHLĐ ứng phó sự cố hóa chất.
- Sơ tán con người, tài sản cần thiết.
- Cấp cứu nạn nhân do sự cố hóa chất gây ra.
- Cô lập hiện trường xảy ra sự cố hóa chất
- Khắc phục tại nguồn sự cố rò rỉ (Khống chế không cho cháy lan - Nếu có phát sinh đám cháy)
- Tùy vào sự cố và đặc tính của hóa chất gây ra sự cố mà sử dụng các thiết bị ứng phó sự cố phù hợp để xử lý sự cố.
- Có biện pháp thu gom chất thải nguy hại và khắc phục hậu quả sau sự cố thích hợp.
Sự cố ngoài tầm kiểm soát
ỨNG PHÓ SỰ CỐ
CƠ QUAN CHỨC NĂNG
- Sở Công thương
- Sở Tài nguyên môi trường
- sở CS PCCC tỉnh
- UBND xã
- Bệnh viện
- Các lực lượng tiếp ứng khác.
Sau khi khắc phục xong sự cố
BÁO CÁO
Báo cáo lãnh đạo về tình hình sự cố
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
Công ty kiểm tra đánh giá mức độ ô nhiễm khu vực xảy ra sự cố.HC chỉnh pH

Hình 12. Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ

Thao xử lý tràn đồ được thực hiện như sau:

Bước	Diễn giải
Bước 1 Thông tin	- Đối với các nhân viên khi phát hiện có đổ tràn đổ hóa chất. Thông báo sự việc cho quản lý hoặc **nhân viên quản lý HSE** dựa theo bảng ***Hướng dẫn ứng phó sự cố khẩn cấp*** được treo tại tất cả các khu vực. IVN-GH-W02-AP01 Đối ứng liên lạc khẩn cấp - Đối với nhân viên phụ trách HSE: thực hiện **Bước 2** - Trường hợp hóa chất rò rỉ ra ngoài môi trường (cống thoát nước mưa): liên hệ BQL KCN
Bước 2 Sử dụng phương tiện bảo hộ lao động cá nhân	- Mang bảo hộ lao động cá nhân gồm kính, găng tay su,ủng khẩu trang than hoạt tính.
Bước 3 Xử lý tràn đổ hóa chất	Sử dụng phương tiện ứng phó xử lý đổ tràn hóa chất: - Sử dụng cát/ vòng vải để bao quanh khu vực đổ tran - Sử dụng vật liệu thấm hóa chất (cát, vải, tấm thấm hút chuyên dụng, …) để thấm hút hóa chất - Thiết bị thu gom: Xẻng, chổi quét, thùng rác để thu gom, bỏ vào thùng Chất thải nguy hại - Vệ sinh khu vực đổ tràn bằng cách sử dụng vải lau và thải bỏ như chất thải nguy hại.
Lưu ý Xử lý sự cố	- Tắt các nguồn nhiệt, nguồn lửa (nếu có) gần khu vực đổ tràn với **bán kính 25m** - Không để hóa chất chảy vào hệ thống nước mưa, cống, rãnh

5.4. Phòng chống sự cố hệ thống khống chế ô nhiễm môi trường ngừng hoạt động

Tại nhà xưởng, để phòng chống các sự cố có liên quan đến hệ thống khống chế ô nhiễm môi trường ngừng hoạt động như hệ thống giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước thải, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, … thực hiện các biện pháp sau:

- Phân công 1 nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống khống chế ô nhiễm.
- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình khống chế ô nhiễm.
- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân tại hệ thống khống chế ô nhiễm để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí). Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.
- Đối với các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước: thường xuyên kiểm tra các mối nối, van khóa trên các hệ thống cấp thoát nước để phát hiện sớm các sự cố.
- Đối với khí thải: Kiểm tra và khắc phục sự cố theo hướng dẫn của đơn vị có chuyên môn (Đơn vị thiết kế hoặc đơn vị thi công có chức năng tương đương). Nếu HTXL vẫn chưa vận hành bình thường thì dừng hệ thống và chuyển sản xuất tương ứng, báo cáo cho người có trách nhiệm nếu có sự cố nghiêm trọng (HTXL không hoạt động, hoạt động yếu,...). Đồng thời liên hệ nhà cung cấp thiết bị hoặc các đơn vị có chức năng tư vấn, thiết kế, thi công HTXL để trao đổi phương án khắc phục.
- Trồng cây xanh, thảm cỏ đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích đất sử dụng để tạo mỹ quan cho công ty cũng như điều hòa các yếu tố vi khí hậu, hạn chế ô nhiễm môi trường.

6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa đã được UBND xã Phú Hội trả lời bằng Văn bản số 85/UBND ngày 19/06/2023 của UBND xã Phú Hội tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa tại Lô số 3, đường 5A Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thay đổi nội dung so với hồ sơ môi trường đã được cấp. Nội dung thay đổi như sau:

STT	Nội dung	Hồ sơ môi trường	Nội dung thay đổi	Ghi chú
1	Sản phẩm	Đồ chơi trẻ em (gia công)	Hàng mộc gia dụng Hàng trang trí nội thất Đồ chơi trẻ em	Sản phẩm được mở rộng thêm các loại như hàng mộc gia dụng và hàng trang trí nội thất, ngoài đồ chơi trẻ em.
2	Công suất sản xuất	5.000 tấn sản phẩm/năm	7.000 tấn sản phẩm/năm	Công suất sản xuất tăng từ 5.000 tấn lên 7.000 tấn sản phẩm/năm, đáp ứng nhu cầu thị trường.
3	Quy trình sản xuất	Nhận mẫu → Phát triển mẫu → Chuẩn bị NPL → Công đoạn 1: lắp ráp → Công đoạn 2: kiểm tra sản phẩm sau lắp ráp → Công đoạn 3:	Nhận mẫu → Phát triển mẫu → Chuẩn bị NPL → Công đoạn 1: Cắt, rong, bào, ghé, chà nhám → Công đoạn 3: Cắt, phay, bo, lọng, khoan, lắp ráp, chà nhám → Công đoạn:	Quy trình sản xuất được bổ sung thêm các công đoạn chi tiết như cắt, phay, bo, lọng, khoan, chà nhám, và sơn, in nhằm tăng tính hoàn thiện và chất lượng sản

STT	Nội dung	Hồ sơ môi trường	Nội dung thay đổi	Ghi chú
		Đóng gói bao bì sản phẩm → Công đoạn 4: Kiểm tra sản phẩm sau đóng gói bao bì → Lưu kho → Khách hàng	sơn, in → Công đoạn 4: lắp ráp → Công đoạn 5: kiểm tra sản phẩm sau lắp ráp → Công đoạn 6: Đóng gói bao bì sản phẩm → Công đoạn 7: Kiểm tra sản phẩm sau đóng gói bao bì → Lưu kho → Khách hàng	phẩm.
3	Công trình xử lý	-	Công ty sẽ lắp đặt HTXL với quy trình hoạt như sau: - HTXL bụi: Bụi → Màng lọc túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí - HTXL sơn: Bụi sơn → Màng nước → Quạt hút → Ống thoát khí	Công ty bổ sung hệ thống xử lý bụi nhằm giảm thiểu tác động môi trường. Quy trình xử lý bụi bao gồm các bước lọc qua màng túi vải, màng nước sử dụng quạt hút và thoát khí qua ống, đảm bảo không khí được xử lý trước khi thải ra môi trường.

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân (nước từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay) của cán bộ công nhân viên tại Công ty khoảng 60 m^3/ngày.

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sơn khoảng 36 m^3/ngày.

+ Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ vệ sinh máy móc khoảng 1,4 m^3/ngày.

- Lưu lượng nước thải đấu nối tối đa: 97,4 m^3/ngày.đêm

1.2. Dòng nước thải:

- Dòng nước thải số 1 (tương ứng với nguồn số 01): Nước thải nguồn số 01 theo hệ thống thoát nước thải của nhà máy chảy ra bể tự hoại V = 69,26m^3 của nhà xưởng cho thuê rồi đấu nối với hệ thống thu gom của khu vực nhà xưởng tại 01 hố ga tại đường giao thông nội bộ của nhà xưởng cho thuê, toạ độ X=1198952; Y=416362.

1.3. **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:** Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch II. Nước thải được thu gom về hệ thống thoát nước thải của nhà máy rồi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của cụm nhà xưởng tại 01 hố ga

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
1	pH	–	5 – 10
2	Màu sắc (ở pH = 7)	Co-Pt	150
3	BOD_5 (20 °C)	mg/L	200
4	COD	mg/L	400
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	200
6	Dầu mỡ khoáng	mg/L	10
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	30
8	Tổng Phốt-pho	mg/L	8
9	Tổng Nitơ	mg/L	40
10	Coliform	MPN/100 mL	10 000
11	Amoniac (tính theo N)	mg/L	20

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
12	Sulfua	mg/L	1
13	Nhiệt độ	°C	32
14	Asen (As)	mg/L	0,1
15	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,01
16	Chì (Pb)	mg/L	0,5
17	Cadimi (Cd)	mg/L	0,01
18	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	0,1
19	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	1
20	Đồng (Cu)	mg/L	2
21	Kẽm (Zn)	mg/L	3
22	Niken (Ni)	mg/L	0,5
23	Mangan (Mn)	mg/L	1
24	Sắt (Fe)	mg/L	5
25	Thiếc (Sn)	mg/L	1
26	Xianua (CN^-)	mg/L	0,1
27	Phenol	mg/L	0,5
28	Clo dư	mg/L	2
29	PCBs	mg/L	0,01
30	Hóa chất BVTV: Lân hữu cơ	mg/L	1
31	Hóa chất BVTV: Clo hữu cơ	mg/L	0,1
32	Florua (F^-)	mg/L	10
33	Clorua (Cl^-)	mg/L	1 000
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí đấu nối: 01 hố ga.

+ Tọa độ vị trí: X=1.185.932; Y=409.164.*(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 45$, múi chiếu 3^0).*

+ Phương thức đấu nối nước thải: tự chảy (24/24 giờ).

+ Chế độ xả thải: liên tục 24 giờ

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được dẫn vệ hệ thống thu gom nước thải của nhà xưởng cho thuê. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Miền Quê chịu trách nhiệm thực hiện việc đấu nối nước thải phát sinh từ cơ sở và đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/06/2012 với đơn vị quản lý hạ tầng của KCN Nhơn Trạch II là Công ty Cổ phần Phát triển đô thị công nghiệp số 2.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công 1
+ Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công 2
+ Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công 3
+ Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 1
+ Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 2
+ Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 3
+ Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 4
+ Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 5
+ Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 6
+ Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 7
+ Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 8
+ Nguồn số 12: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 9
+ Nguồn số 13: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 10
+ Nguồn số 14: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 11
+ Nguồn số 15: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 12
+ Nguồn số 16: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 13
+ Nguồn số 17: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 14
+ Nguồn số 18: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 15
+ Nguồn số 19: Khí thải phát sinh từ buồng sơn 16

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 192.000 m^3/giờ.

+ Nguồn số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 48.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 48.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 03: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 48.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 04: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 05: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ

+ Nguồn số 06: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 07: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 08: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 09: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 10: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 11: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 12: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 13: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 14: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 15: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 16: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 17: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 18: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Nguồn số 19: Lưu lượng xả khí thải tối đa 3.000 m^3/giờ
+ Dòng khí thải:
+ Dòng khí thải số 01 (từ nguồn số 01): Khí thải nguồn số 01 được thu gom chụp hút Ø100mm rồi dẫn bằng ống giấy bạc và ống thép Ø150mm dẫn về đường ống thoát Ø100 – 700 thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải 300×300mm, cao 7m.
+ Dòng khí thải số 02 (từ nguồn số 02): Khí thải nguồn số 02 được thu gom chụp hút Ø100mm rồi dẫn bằng ống giấy bạc và ống thép Ø150mm dẫn về đường ống thoát Ø100 – 700 thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải 300×300mm, cao 7m.
+ Dòng khí thải số 03 (từ nguồn số 03): Khí thải nguồn số 02 được thu gom chụp hút Ø100mm rồi dẫn bằng ống giấy bạc và ống thép Ø150mm dẫn về đường ống thoát Ø100 – 700 thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải 300×300mm, cao 7m.
+ Dòng khí thải số 04 (từ nguồn số 04): Khí thải nguồn số 03 được thu gom chụp hút Ø100mm rồi dẫn bằng ống giấy bạc và ống thép Ø150mm dẫn về đường ống thoát Ø100 – 700 thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải 300×300mm, cao 7m.
+ Dòng khí thải số 05 (từ nguồn số 05): Khí thải nguồn số 04 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.
+ Dòng khí thải số 06 (từ nguồn số 06): Khí thải nguồn số 05 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.
+ Dòng khí thải số 07 (từ nguồn số 07): Khí thải nguồn số 06 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.
+ Dòng khí thải số 08 (từ nguồn số 08): Khí thải nguồn số 07 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.
+ Dòng khí thải số 09 (từ nguồn số 09): Khí thải nguồn số 08 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 10 (từ nguồn số 10): Khí thải nguồn số 09 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 11 (từ nguồn số 11): Khí thải nguồn số 10 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 12 (từ nguồn số 12): Khí thải nguồn số 11 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 13 (từ nguồn số 13): Khí thải nguồn số 12 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 14 (từ nguồn số 14): Khí thải nguồn số 13 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 15 (từ nguồn số 15): Khí thải nguồn số 14 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 16 (từ nguồn số 16): Khí thải nguồn số 14 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 17 (từ nguồn số 17): Khí thải nguồn số 14 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 18 (từ nguồn số 18): Khí thải nguồn số 14 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

+ Dòng khí thải số 19 (từ nguồn số 19): Khí thải nguồn số 14 được thu gom chụp hút thoát thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải Ø600, cao 12m.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đáp ứng yêu cầu về bảo về môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	**Thông số**	**Đơn vị tính**	**Giá trị giới hạn cho phép**	**Tần suất quan trắc định kỳ**	**Quan trắc tự động liên tục**
			QCVN 19:2024/ BTNMT, Cột C		
I	**Dòng khí thải số 01, 02, 03**			Thuộc trường hợp quan trắc tự động và liên tục.	Không thuộc trường hợp quan trắc tự động và liên tục.
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm^3	≤ 100		
II	**Dòng khí thải số 04 đến 19**				
3	Lưu lượng	m^3/giờ	-		

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			QCVN 19:2024/ BTNMT, Cột C		
4	Bụi	mg/Nm^3	≤ 50		
5	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi	mg/Nm^3	≤ 100		

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên nhà máy sản xuất tại KCN Nhơn Trạch II.

+ Toạ độ, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 01), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186112; Y = 409146;
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 02), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186116; Y = 409167
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 03), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186117; Y = 409170
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 04), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186053; Y = 409198
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 05), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1185984; Y = 409181
- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 06), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1185986; Y = 409181
- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 07), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1185989; Y = 409180
- Dòng khí thải số 08: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 08), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1185992; Y = 409180
- Dòng khí thải số 09: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 09), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1185998; Y = 409178
- Dòng khí thải số 10: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 10), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186001; Y = 409178
- Dòng khí thải số 11: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 11), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186003; Y = 409177
- Dòng khí thải số 12: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 12), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186004; Y = 409177

- Dòng khí thải số 13: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 13), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186006; Y = 409177
- Dòng khí thải số 14: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 14), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186008; Y = 409177
- Dòng khí thải số 15: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 15), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186001; Y = 409159
- Dòng khí thải số 16: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 16), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186012; Y = 409134
- Dòng khí thải số 17: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 17), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186011; Y = 409200
- Dòng khí thải số 18: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 18), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186011; Y = 409200
- Dòng khí thải số 19: Tương ứng với ống thoát khí (nguồn số 19), toạ độ ví trí xả khí thải: X = 1186011; Y = 409200

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 45$, múi chiếu 3^0).

- Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø300mm cao 7m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 02: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø300mm cao 7m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 03: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø300mm cao 7m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 04: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 05: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 06: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 07: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 08: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 09: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 10: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 11: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 12: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 13: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 14: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 15: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 16: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 17: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 18: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Dòng khí thải số 19: Bụi, khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí Ø600mm cao 12m, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: từ quá trình hoạt động của máy sấy. Tọa độ vị trí: X= 1.186.048; Y=409.152;

+ Nguồn số 02: từ quá trình hoạt động của khu vực gia công gỗ. Tọa độ vị trí: X= 1.186.050; Y=409.179;

+ Nguồn số 03: từ quá trình hoạt động của HTXL khí thải. Tọa độ vị trí: X= 1.185995; Y=409.192;

+ Nguồn số 04: từ quá trình hoạt động của khu vực sơn. Tọa độ vị trí: X= 1.186.114; Y=409.167;

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 45$, múi chiếu 3^0)

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

➢ *Tiếng ồn:*

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương		

	(dBA)	**(dBA)**	**(giờ)**	**đương (L_{aeq}) - dBA**		
1	70	55	8	85	-	*Khu vực thông thường*

- *Độ rung:*

STT	**QCVN 27:2010/BTNMT**		**Tần suất quan trắc định kỳ**	**Ghi chú**
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	**Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)**		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	**Tên chất thải**	**Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)**	**Mã CTNH**	**Số lượng (kg/năm)**	**Ký hiệu phân loại**
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	100	NH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 03	200	NH
3	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	Rắn	19 02 05	50	NH
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	100	KS
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	100	KS
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	100	KS
7	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	200	KS
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	50	NH

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
9	Pin Ni-Cd thải	Rắn	19 06 02	30	NH
10	Mùn cưa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	09 01 01	3.000	KS
11	Giấy nhám dính hoá chất	Rắn	18 01 04	300	NH
12	Mực in thải	Rắn	08 02 01	10	NH
13	Nước thải lẫn sơn	Lỏng	08 01 04	7.200	KS
Tổng cộng				**11.440**	

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 4.240 kg/năm.
- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa, can nhựa, phuy sắt.
- Khu vực lưu chứa bên trong xưởng: Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m^2.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: tường bao xung quanh, nền bê tông. Khu vực chứa chất thải có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xẻng), chất thải lỏng được chứa trong các thiết bị kín đặt trong thùng nhựa để tránh rò rỉ, tràn đổ.

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1.	Nhóm giấy: giấy văn phòng, bìa carton	18 01 05	Rắn	320	TT
2.	Nhóm nhựa: vụn nhựa dư thừa, dây nylon, bao nylon, chai nước	18 01 06	Rắn	260	TT
3.	Nhóm kim loại: phế liệu sắt, thép, đinh hư	11 04 03	Rắn	1.000	TT
4.	Nhóm gỗ: gỗ vụn	11 02 02	Rắn	2.100	TT
5.	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	08 02 08	Bùn	10	TT

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
6.	Thùng phuy sắt	18 01 02	Rắn	400	
7.	Giẻ lau không nhiễm thành phần nguy hại	18 01 07	Rắn	300	
Tổng cộng				**4.390**	**-**

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 4.390 kg/năm.
- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa, can nhựa, phuy sắt.
- Khu vực lưu chứa bên trong xưởng: Diện tích khu vực lưu chứa: 15m^2.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: tường bao xung quanh, nền bê tông. Kho lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn

Công trình lưu giữ chất thải thông thường đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên:

- Khối lương phát sinh dự kiến: 113.600 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	CTRSH bao gồm: các chất hữu cơ như vỏ trái cây, thực phẩm thừa, túi nylon, lon, chai, các vật dụng cá nhân hư hỏng	113.600
Tổng khối lượng		**113.600**

Khu vực lưu chứa bên trong xưởng: Diện tích khu vực lưu chứa: 10m^2.

Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít đặt tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít đặt phía cuối nhà xưởng.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Theo nội dung đăng ký môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa, Công ty không cần thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, tuy nhiên để đảm bảo chất thải phát sinh đạt tiêu chuẩn môi trường, Công ty vẫn thực hiện lấy mẫu quan trắc định kỳ hằng năm và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường nộp về các cơ quan nhà nước theo đúng quy định.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải: không thuộc trường hợp quan trắc

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải: không thuộc trường hợp quan trắc tốt, ổn định.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

TT	CTRSH	Khối lượng (Năm 2024) (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2023) (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh như hoa quả, trái cây, thực phẩm dư thừa, bình lọ thuỷ tinh, hộp sữa, bao bì bánh kẹo, nylon,...		Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	
Tổng cộng			-	

Thống kê khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (Năm 2024) (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2023) (kg/năm)
1	Tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận)		Công ty CP Môi trường Xanh VN	

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (Năm 2024) (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2023) (kg/năm)
2	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất	Không có	-	Không có
3	Chất thải phải xử lý	Không có	-	Không có
Tổng cộng			-	

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024)

Thống kê khối lượng chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (Năm 2024) (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2023) (kg/năm)
1				Công ty CP Môi trường xanh VN, Công ty TNHH Hà Lộc	
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (Năm 2024) (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2023) (kg/năm)
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
	Tổng khối lượng		**117.002**		

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Quá trình hoạt động trong năm 2023 và năm 2024 của công ty tại KCN diễn ra hoàn toàn bình thường. Không có cơ quan nhà nước nào khác đến kiểm tra, thanh tra nhà máy trong vòng 2 năm gần đây.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở không thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành.

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 16: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

STT	Tên công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1.	HTXL khí thải công đoạn gia công 1 công suất 48.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
2.	HTXL khí thải công đoạn gia công 2 công suất 48.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
3.	HTXL khí thải công đoạn gia công 3 công suất 48.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
4.	Buồng sơn 1 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
5.	buồng sơn 2 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
6.	buồng sơn 3 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
7.	buồng sơn 4 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
8.	buồng sơn 5 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
9.	buồng sơn 6 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
10.	buồng sơn 7 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
11.	buồng sơn 8 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
12.	buồng sơn 9 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
13.	buồng sơn 10 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
14.	buồng sơn 11 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
15.	buồng sơn 12 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
16.	buồng sơn 13 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
17.	buồng sơn 14 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
18.	buồng sơn 15 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026
19.	buồng sơn 16 công suất 3.000 m^3/giờ	Tháng 11/2025	Tháng 05/2026

- Công suất dự kiến đạt được của Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm: khi kết thúc vận hành đạt 70 % công suất đã đăng ký.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đáng giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 17: Kế hoạch về thời gian lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường

Giai đoạn	**Nội dung quan trắc**	**Thời gian quan trắc dự kiến**	**Thông số quan trắc**	**Quy chuẩn áp dụng**	**Tần số quan trắc**	**Thiết bị xử lý**
Vận hành thử nghiệm	Khí thải	- ***Lấy mẫu lần 1:*** *Sau khi có giấy phép môi trường* - ***Lấy mẫu lần 2:*** *Sau ngày lấy mẫu đầu tiên* - ***Lấy mẫu lần 3:*** *Sau ngày lấy mẫu thứ hại*	Lưu lượng, bụi	QCVN 19:2024/ BTNMT, Cột C	Lấy mẫu 3 ngày liên tục 1 lần/ngày.	HTXL khí thải công đoạn gia công 1 công suất 48.000 m^3/giờ
						HTXL khí thải công đoạn gia công 2 công suất 48.000 m^3/giờ
						HTXL khí thải công đoạn gia công 3 công suất 48.000 m^3/giờ
						Buồng sơn 1 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 2 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 3 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 4 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 5 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 6 công suất 3.000

Giai đoạn	Nội dung quan trắc	Thời gian quan trắc dự kiến	Thông số quan trắc	Quy chuẩn áp dụng	Tần số quan trắc	Thiết bị xử lý
						m^3/giờ
						buồng sơn 7 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 8 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 9 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 10 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 11 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 12 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 13 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 14 công suất 3.000 m^3/giờ
						buồng sơn 15 công suất 3.000 m^3/giờ

Giai đoạn	**Nội dung quan trắc**	**Thời gian quan trắc dự kiến**	**Thông số quan trắc**	**Quy chuẩn áp dụng**	**Tần số quan trắc**	**Thiết bị xử lý**
						buồng sơn 16 công suất 3.000 m^3/giờ

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp thực hiện: Công ty sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng để tiến hành việc lấy mẫu và phân tích trong quá trình vận hành thử nghiệm của cơ sở

2. Chương trình quan trắc chất thải

Bảng 18: Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại và vận hành thử nghiệm

Nội dung giám sát	Vị trí giám sát/lấy mẫu giám sát	Tần suất giám sát	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh/ Quy định áp dụng
Khí thải	01 ống khí thải sau HTXL khí thải công đoạn gia công 1	06 tháng/lần	Lưu lượng, bụi	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C.
	01 ống khí thải sau HTXL khí thải công đoạn gia công 2			
	01 ống khí thải sau HTXL khí thải công đoạn gia công 3			
	01 ống khí thải sau HTXL khí thải công đoạn gia công 3			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 1			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 2			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 3			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 4			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 5			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 6			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 7			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 8			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 1			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 9			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 10			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 11			

Nội dung giám sát	Vị trí giám sát/lấy mẫu giám sát	Tần suất giám sát	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh/ Quy định áp dụng
	01 ống khí thải sau buồng sơn 12			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 13			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 14			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 15			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 16			
	01 ống khí thải sau buồng sơn 17			
Chất thải	01 điểm tại khu vực lưu giữ chất thải rắn của nhà máy.	Thường xuyên và liên tục từ khi phát sinh	Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Kiểm tra giám sát việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của cơ sở

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Bảng 22. Bảng tổng hợp chi phí đầu tư cơ sở

STT	Hạng mục	Tổng vốn (VNĐ)
1	Chi phí cho hoạt động quản lý, giám sát môi trường:	

STT	Hạng mục	Tổng vốn (VNĐ)
	- Quan trắc môi trường định kỳ - Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	50.000.000 50.000.000
2	- Chi phí quản lý môi trường: trồng và chăm sóc cây xanh	55.000.000
	Tổng chi phí quản lý, giám sát môi trường	155.000.000

CHƯƠNG VI
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa xin cam kết:

- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.
- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo đề xuất Giấy phép Môi trường này và những yêu cầu theo Giấy phép môi trường.
- Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.
- Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường:
- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN 21:2016/BYT; QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03: 2019/BYT.
  - QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
  - QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
  - QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
  - QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp.
  - Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch II.
- Đảm bảo việc quản lý chất thải rắn, phế liệu, quy định về quản lý chất thải nguy hại, giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh tuân thủ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 01 lần/năm đến Cơ quan quản lý.
- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này và chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I : MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

PHỤ LỤC II : KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC III : MỘT SỐ SƠ ĐỒ, BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0303292182

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 05 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 21 tháng 11 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM HOA TRADING & PRODUCTION CORPORATION

Tên công ty viết tắt: NAM HOA CORP.

2. Địa chỉ trụ sở chính

71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *02837112054* Fax: *02837112055*

Email: *thonguyen@namhoatoys.com* Website: *www.namhoa.com.vn*

3. Vốn điều lệ: 240.281.690.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tỷ hai trăm tám mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 24.028.169

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN THỌ Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *12/07/1974* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *040074021800*

Ngày cấp: *10/05/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 18, Đường số 24, khu phố 5, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 18, Đường số 24A, khu phố 5, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

Lâm Trường Phong

Võ Thành Thơ

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 85 /UBND	*Phú Hội, ngày 19 tháng 6 năm 2023*

V/v tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Nam Hoa về thực hiện gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em

Kính gửi: Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa có đăng ký môi trường về việc thực hiện gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em, địa chỉ đường số 5A khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai

Hồ sơ đăng ký gồm các bản photo gồm :

- Văn bản đăng ký môi trường cho dự án "nhà máy gia công lắp ráp đồ chơi trẻ em, công xuất 5000 tấn sản phẩm/năm" số 09-23/ĐKMT ngày 13/6/2023.
- Hợp đồng thuê nhà xưởng.

Đề nghị Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa thực hiện theo đúng nội dung văn bản đăng ký môi trường đã đăng ký và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ PHÚ HỘI H.NHƠN TRẠCH T.ĐỒNG NAI

Tô Anh Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG

(Số: 01/2023/NH-MQ/HĐTNX)

Hôm nay, ngày 01 tháng 05 năm 2023, Tại Công ty CP SX & TM Miền Quê, Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG (BÊN A):

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Mã số thuế: 3600758168

Địa chỉ: Lô số 3, Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Tài khoản số: 13210000184631 Tại Ngân hàng BIDV CN Nam Sài Gòn

Do ông: Hồ Anh Tuấn Năm sinh: 1974

Số CMND: 046074006501 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc làm đại diện.

Là chủ sở hữu của nhà xưởng tại địa chỉ Lô số 3, Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

BÊN THUÊ NHÀ XƯỞNG (BÊN B):

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Địa chỉ: 71/4A Khu phố 7, đường Hiệp Thành 13, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mã số thuế: 0303292182

Điện thoại: 02837112054 Fax: 02837112055

E-mail: thonguyen@namhoatoys.com

Tài khoản số: Tài khoản số: 070.0.00.00.01051 (VND) tại Ngân hàng PUBLIC Việt Nam CN Chợ Lớn

Do ông: NGUYỄN TIẾN THỌ Năm sinh: 1974

Số CMND: 040074021800 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH.

Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với những nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý cho thuê và bên B đồng ý thuê một phần nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của bên A tại *địa chỉ: Lô số 3, Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 068983 và số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT 34323 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 03 năm 2017 ("Nhà Xưởng").* Cụ thể:

a) Diện tích sàn của Nhà Xưởng cho thuê: 7.914,44m2

Diện tích cho thuê thực tế và sơ đồ chi tiết của phần Nhà Xưởng cho thuê thực tế được mô tả trong ***Biên bản bàn giao Nhà Xưởng*** và là Phụ lục của Hợp đồng,này.

b) Trang thiết bị cho thuê trong Nhà xưởng: được mô tả trong ***Biên bản bàn giao Nhà Xưởng;***

1.2. Mục đích thuê: *để làm nhà xưởng sản xuất và thực hiện các ngành nghề phù hợp với quy hoạch của khu vực; và các ngành nghề khác theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B.*

ĐIỀU 2: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

2.1. Thời hạn thuê Nhà Xưởng là 20 (Hai mươi) năm được bắt đầu từ ngày tính từ ngày 01/05/2023 đến 01/05/2043.

Khi hết hạn hợp đồng, tùy theo tình hình thực tế hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn.

2.2. Thời gian nhận bàn giao thực tế Nhà Xưởng là khi Bên A đã hoàn thành các hạng mục sửa chữa Nhà Xưởng đã thỏa thuận giữa Bên A và Bên B theo quy định điểm j khoản 11.2 Điều 11 của Hợp đồng này

2.3. Thời gian Bên B sửa chữa, thi công Nhà Xưởng là 90 (Chín mươi) ngày kể từ ngày Bên A đã hoàn thành sửa chữa, vệ sinh Nhà Xưởng và bàn giao thực tế cho Bên B, thời gian này không tính tiền thuê Nhà Xưởng.

2.4. Thời điểm chính thức tính tiền thuê Nhà Xưởng là từ ngày 01/08/2023.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Giá thuê Nhà Xưởng và tiền thuê Nhà Xưởng hàng tháng:

a) Giá thuê Nhà Xưởng được xác định trên cơ sở tổng diện tích sàn của Nhà Xưởng cho thuê, với mức 70.000 đồng/m2/tháng chưa bao gồm thuế GTGT (thuế GTGT theo luật định). Và miễn phí 03 tháng đầu tiên. Tức bắt đầu tính tiền thuê nhà xưởng từ ngày 01/08/2023

b) Tiền thuê Nhà Xưởng hàng tháng Bên B phải thanh toán cho Bên A là:

7.914,44m2 x 70.000 đồng/m2/tháng = 554.010.800 (Năm trăm năm mươi bốn triệu, không trăm mười nghìn, tám trăm đồng). Tổng tiền chưa bao gồm thuế VAT.

Giá thuê Nhà Xưởng nêu trên chưa bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí điện, nước, điện thoại, internet, và các chi phí có liên quan do Bên B trực tiếp sử dụng với bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí trên theo khối lượng thực tế tiêu thụ cho Nhà cung cấp.

3.2. Hai bên thống nhất giá thuê Nhà Xưởng không thay đổi trong thời hạn 02 (hai) năm đầu. Từ năm thứ 3 (ba) trở đi, giá thuê Nhà Xưởng được điều chỉnh tăng 10% so với giá thuê Nhà Xưởng đã thỏa thuận tại Điều 3(3.1) Hợp đồng này; và từ năm thứ 5 (năm) trở đi giá thuê Nhà Xưởng tăng 10% so với giá thuê Nhà Xưởng của kỳ ngay trước đó.

3.3. Thời điểm và phương thức thanh toán:

a) Thời điểm thanh toán: tiền thuê Nhà Xưởng và thuế Giá trị gia tăng được thanh toán định kỳ hàng tháng từ ngày 1 đến ngày 05 hàng tháng.

b) Trừ trường hợp Bên A có thông báo bằng văn bản về một tài khoản khác, Bên B thanh toán tiền thuê Nhà Xưởng cho Bên A bằng chuyển khoản vào tài khoản sau:

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê

- Số tài khoản: 13210000184631

- Ngân hàng: BIDV Chi nhánh Nam Sài Gòn

Tính lãi trả chậm

a) Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền thuê Nhà Xưởng theo đúng quy định tại Điều 3(3.1) đến (3.3) của Hợp đồng này mà không được trì hoãn, chậm trễ, khấu trừ vì bất cứ lý do gì.

b) Nếu tiền thuê Nhà Xưởng hay bất cứ khoản tiền nào mà Bên B phải thanh toán cho Bên A theo thoả thuận tại Hợp đồng này vẫn chưa được Bên B thanh toán khi đã quá hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán, Bên B sẽ phải trả lãi tương đương 1.500.000 đồng/ngày *(Bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng một ngày)* đối với khoản tiền chưa thanh toán đó, tính từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán cho tới ngày thanh toán khoản tiền đó, và không loại trừ bất kỳ một chế tài nào khác có thể dành cho Bên B theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: ĐẶT CỌC

4.1. Bên B sẽ giao cho Bên A một khoản tiền đặt cọc để bảo đảm việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng này, nhưng không giới hạn đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Bên B phải trả cho Bên A.

4.2. Mức tiền đặt cọc là **1.108.021.600** (Một tỷ, một trăm lẻ tám triệu, không trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm đồng) tương đương 02 (hai) tháng tiền thuê Nhà Xưởng. Mức tiền đặt cọc này được Bên B chuyển cho Bên A bằng tiền Việt Nam đồng ngay sau khi ký Hợp đồng này.

4.3. Mức tiền đặt cọc này không tính lãi và luôn được giữ nguyên mức trong suốt thời hạn từ ngày Bên B giao cho Bên A đến ngày Bên A hoàn trả Bên B.

4.4. Trong trường hợp Bên B bị Bên A khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào vào khoản tiền đặt cọc theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng này, Bên B phải giao cho Bên A một khoản tiền đặt cọc bổ sung tương đương khoản tiền bị khấu trừ đó để đảm bảo đủ mức tiền đặt cọc theo thoả thuận tại Điều 4.2 Hợp đồng này trong thời hạn **05** (năm) ngày, kể từ ngày ***Bên A có yêu cầu bằng văn bản.***

4.5. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thanh toán mọi khoản tiền phát sinh vượt quá số tiền đặt cọc do thiệt hại mà Bên B gây ra và phải trả cho Bên A theo Hợp đồng này.

4.6. Bên A sẽ trả lại Bên B số tiền đặt cọc mà không tính lãi trong thời hạn **30** (ba mươi) ngày, kể từ:

a) Ngày chấm dứt hợp đồng này, sau khi Bên B và Bên A đã thực hiện tất cả các nghĩa vụ và ký vào ***Biên bản thanh lý Hợp đồng,*** hoặc

b) Ngày giải quyết xong những tranh chấp giữa Bên B và Bên A. Các tranh chấp bao gồm nhưng không giới hạn đối với các khoản chưa thanh toán như: tiền thuê nhà xưởng, thuế và bất kỳ chi phí sửa chữa hoặc thay thế cho thiết bị/đồ đạc bị hỏng, bảo quản kém hoặc bị thiếu như ghi trong ***Biên Bản kiểm kê cuối cùng*** và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến mọi khoản bồi thường, phạt vi phạm trong trường hợp một hoặc Hai Bên vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng theo thoả thuận trong Hợp đồng này, với điều kiện tất cả

các chi phí, tiền trả thêm, tiền thuê, khoản bồi thường, phạt vi phạm và các chi phí, khoản nợ khác thuộc trách nhiệm của Bên B vẫn chưa được thanh toán sẽ được khấu trừ từ tiền đặt cọc và chỉ phần đối trừ còn lại, nếu có, sẽ được hoàn trả cho Bên B.

ĐIỀU 5. TIỆN NGHI VÀ DỊCH VỤ

5.1. Bên B tự chịu trách nhiệm về việc cung cấp các tiện nghi - dịch vụ liên quan đến hoạt động của Bên B tại Nhà Xưởng;

5.2. Bên B sẽ trực tiếp ký kết hợp đồng với Nhà cung cấp và thanh toán cho Nhà cung cấp các chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại, internet và các tiện nghi - dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của Bên B tại Nhà Xưởng;

ĐIỀU 6. SỬA CHỮA, LẮP ĐẶT THÊM, THÁO DỠ TRANG THIẾT BỊ, KHẮC PHỤC THIỆT HẠI

6.1. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng, khi có nhu cầu trang trí nội thất, lắp đặt thêm trang thiết bị hoặc bất kỳ sửa chữa, thay đổi nào ảnh hưởng tới kết cấu của Nhà Xưởng, Bên B chỉ được tiến hành sau khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đã được Bên A đồng ý trước bằng văn bản.

b) Danh mục các hạng mục sửa chữa, lắp đặt thêm trang thiết bị hoặc sửa chữa, thay đổi Nhà Xưởng phải được Hai Bên thống nhất và ký thành ***Phụ lục của Hợp đồng này.***

c) Bên B chịu mọi chi phí, rủi ro liên quan đến sửa chữa, lắp đặt thêm trang thiết bị hoặc sửa chữa, thay đổi Nhà Xưởng theo nhu cầu của Bên B.

d) Trong trường hợp Bên B có bất kỳ sửa chữa, thay đổi nào ảnh hưởng đến kết cấu của Nhà Xưởng, Bên A có quyền giám sát các công việc này nhằm đảm bảo độ bền vững của Nhà Xưởng.

6.2. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng:

a) Bên B, bằng chi phí của mình, phải tự tháo dỡ những hạng mục đã sửa chữa, lắp đặt thêm trang thiết bị hoặc sửa chữa, thay đổi Nhà Xưởng mà không được sự đồng ý trước và/hoặc không đúng với sự đồng ý trước của Bên A, đồng thời phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của Nhà Xưởng và/hoặc khắc phục cho đúng với sự đồng ý trước của Bên A.

b) Bên B, bằng chi phí của mình, phải tự khắc phục kịp thời những hư hỏng, huỷ hoại đối Nhà Xưởng do hành vi cố ý hoặc vô ý của Bên B gây ra, đồng thời phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của Nhà Xưởng.

c) Nếu Bên A phát hiện Bên B có những hành vi này, Bên A có quyền yêu cầu Bên B tháo dỡ, khắc phục trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Bên A có văn bản yêu cầu. Sau thời hạn này, nếu Bên B không thực hiện đúng yêu cầu của Bên A thì Bên A sẽ tự cho tháo dỡ, khắc phục và Bên B phải thanh toán mọi chi phí liên quan (theo hoá đơn thanh toán của các bên đại lý hay các nhà thầu của Bên A), bồi thường mọi thiệt hại cho Bên A trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Bên A có văn bản yêu cầu hoặc Bên A sẽ trừ vào tiền đặt cọc;

6.3. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng, bằng chi phí của mình, Bên A có trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng liên quan đến kết cấu của Nhà Xưởng do hao mòn tự nhiên, do bị thấm nước, do bị dột nước...

6.4. Nếu Bên B phát hiện những hư hỏng liên quan đến kết cấu của Nhà Xưởng do hao mòn tự nhiên, do bị thấm nước, do bị dột nước...có thể ảnh hưởng đến sự an toàn về sức khoẻ, tính mạng con người, tài sản của Bên A, Bên B hoặc Bên thứ ba thì phải kịp thời thông báo ngay cho Bên A. Nếu Bên A không sửa chữa dẫn đến những thiệt hại cho Bên A, Bên B hoặc Bên thứ ba thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại đó. Bằng quyền của mình, Bên B cũng có thể thuê bên thứ ba khắc phục những phần hư hỏng này và cấn trừ trực tiếp vào tiền thuê nhà của kỳ thanh toán tiếp theo nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày Bên A không sửa chữa, khắc phục những phần hư hỏng đó.

6.5. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B phải tháo dỡ phần sửa chữa, lắp đặt thêm trong thời hạn nhất định vì lý do bảo đảm an toàn về sức khoẻ, tính mạng con người, tài sản của Bên A, Bên B hoặc Bên thứ ba hoặc vì lý do bảo trì, bảo dưỡng Nhà Xưởng. Mọi chi phí, rủi ro liên quan đến việc tháo dỡ này do Bên B chịu.

6.6. Xin phép sửa chữa, lắp đặt và tuân thủ pháp luật:

a) Trường hợp sửa chữa, lắp đặt trang thiết bị, biển hiệu quảng cáo ...mà phải xin phép Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xin phép (kể cả thủ tục gia hạn giấy phép, nếu có). Bên A có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi về giấy tờ cho Bên B làm thủ tục xin phép đó.

b) Bên B chịu mọi chi phí làm thủ tục xin phép này và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc sửa chữa, lắp đặt đó.

ĐIỀU 7. QUYỀN SỞ HỮU, CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU PHẦN SỬA CHỮA, LẮP ĐẶT THÊM VÀ TRẢ LẠI NHÀ XƯỞNG

7.1. Các hạng mục Bên B đã sửa chữa và lắp đặt thêm trong phạm vi Nhà Xưởng cho thuê, dù Bên A đồng ý hay không đồng ý, sẽ luôn thuộc quyền sở hữu của Bên B cho đến thời điểm ký Biên bản thanh lý Hợp đồng và chỉ chuyển quyền sở hữu cho Bên A kể từ thời điểm ký Biên bản thanh lý Hợp đồng trong trường hợp thoả thuận tại Điều 7.4 Hợp đồng này. Các hạng mục sửa chữa, lắp đặt thêm thuộc quyền sở hữu của Bên nào thì Bên đó phải chịu rủi ro đối với phần sửa chữa, lắp đặt thêm đó.

Rủi ro đối với Nhà Xưởng được chuyển từ Bên A sang Bên B kể từ thời điểm Hai Bên ký ***Biên bản bàn giao Nhà Xưởng***, và từ Bên B sang Bên A kể từ thời điểm Hai Bên ký ***Biên bản thanh lý Hợp đồng***.

7.2. Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày Hợp đồng này hết hiệu lực, Bên A và Bên B sẽ lập một "***Biên bản kiểm kê cuối cùng***" liệt kê cụ thể những hạng mục Bên B đã sửa chữa và lắp đặt thêm trong phạm vi Nhà Xưởng mà trước khi trả lại phần Nhà Xưởng cho Bên A, Bên B phải sửa chữa, thay thế, tháo dỡ, khôi phục lại để đảm bảo Nhà Xưởng trong tình trạng sử dụng tốt, trừ những hao mòn tự nhiên hợp lý được chấp nhận. Đối với những hạng mục được liệt kê trong "Biên Bản Kiểm kê cuối cùng" nhưng không thể tháo dỡ, khôi phục lại và những hạng mục không được liệt kê trong "Biên bản kiểm kê cuối cùng" thì Bên B sẽ chuyển quyền sở hữu cho Bên A theo thoả thuận tại Điều 7.4 Hợp đồng này.

7.3. Chậm nhất là vào đúng ngày Hợp đồng này hết hiệu lực, Bên B có trách nhiệm trả lại Nhà Xưởng cho Bên A theo đúng yêu cầu tại "Biên bản kiểm kê cuối cùng" và Hai Bên sẽ lập ***"Biên Bản hoàn trả Nhà Xưởng"***. Nếu Bên B không trả lại Nhà Xưởng hoặc trả lại Nhà Xưởng cho Bên A không đúng thoả thuận này, thì Bên A sẽ tự sửa chữa, thay thế, tháo dỡ hoặc khôi phục lại theo đúng yêu cầu tại "Biên bản kiểm kê cuối cùng" và tuỳ theo tình trạng hao mòn hợp lý, Bên B phải thanh toán mọi chi phí liên quan (theo hoá đơn thanh toán của Bên đại lý hay Nhà thầu của Bên A), bồi thường mọi thiệt hại cho Bên A trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Bên A có văn bản yêu cầu hoặc Bên A sẽ khấu trừ vào tiền đặt cọc.

7.4. Toàn bộ hoặc từng hạng mục Bên B đã sửa chữa và lắp đặt thêm trong phạm vi Nhà Xưởng chỉ chuyển quyền sở hữu cho Bên A kể từ thời điểm ký ***Biên Bản thanh lý Hợp đồng***, nếu:

a) Toàn bộ hoặc từng hạng mục đó không được liệt kê trong "Biên bản kiểm kê cuối cùng";

b) Hoặc, toàn bộ hoặc từng hạng mục đó đã gắn liền một cách cơ học với Nhà Xưởng mà khi tháo dỡ hoặc khôi phục lại sẽ phá huỷ hoặc làm mất tính năng công dụng ban đầu của Nhà Xưởng;

c) Trong mọi trường hợp chuyển quyền sở hữu, Bên A không phải bồi hoàn giá trị tài sản cho Bên B, Bên B không phải thanh toán chi phí tháo dỡ hoặc khôi phục lại cho Bên A.

ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THUÊ LẠI VÀ SỬ DỤNG CHUNG

8.1. Bên B không được sử dụng Nhà Xưởng, Hợp đồng thuê nhà xưởng này để thế chấp, cầm cố, góp vốn liên doanh, liên kết hay sử dụng nhằm thực hiện các mục đích vi phạm pháp luật.

8.2. Bên B chỉ được chuyển nhượng Hợp đồng thuê nhà xưởng này hoặc cho Bên thứ ba thuê lại, hoặc sử dụng toàn bộ hoặc một phần Nhà Xưởng dưới bất kỳ hình thức nào khi và chỉ khi Bên A và Bên B có thoả thuận bằng văn bản khác ngoài Hợp đồng này. Văn bản này được coi là ***Phụ lục của Hợp đồng này;***

8.3. Bên A có thể uỷ nhiệm hoặc chuyển giao toàn bộ hay một phần quyền của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba mà không cần phải có sự đồng ý trước của Bên B. Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B biết về việc ủy nhiệm hoặc chuyển giao nói trên bằng văn bản. Việc chuyển giao trên bao gồm cả chuyển giao biện pháp bảo đảm đặt cọc của Hợp đồng này. Khi uỷ nhiệm hoặc chuyển giao toàn bộ hay một phần quyền của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba, Bên A phải đảm bảo Bên thứ ba tiếp tục thực hiện đầy đủ các quyền của Bên B trong suốt thời gian thuê theo cùng điều kiện và điều khoản của Hợp đồng này.

8.4. Bên A có thể chuyển giao toàn bộ hay một phần các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba với sự đồng ý trước của Bên B bằng văn bản. Bên A phải thông báo cho Bên B biết về việc chuyển giao nói trên bằng văn bản và với điều kiện Bên A phải đảm bảo Bên thứ ba tiếp tục thực hiện đầy đủ các quyền của Bên B trong suốt thời gian thuê theo cùng điều kiện và điều khoản của Hợp đồng này.

ĐIỀU 9. BẢO HIỂM

9.1. Trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này, Bên B sẽ mua bảo hiểm với thời hạn bảo hiểm đảm bảo cho toàn bộ thời hạn thuê Nhà Xưởng đối với tài sản của Bên B trong Nhà Xưởng tại một Công ty Bảo hiểm được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

9.2. Một bản sao của Hợp đồng bảo hiểm Bên B thực hiện theo quy định trên sẽ được Bên B giao cho Bên A trong thời hạn nêu tại Điều 9.1.

9.3. Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên A, Bên B sẽ ngay lập tức cung cấp cho Bên A hoá đơn thanh toán phí bảo hiểm mới nhất chứng minh việc đã hoàn thành các nghĩa vụ bảo hiểm theo quy định của Điều này.

ĐIỀU 10. QUYỀN RA, VÀO

10.1. Nếu có thông báo trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ và được sự đồng ý của Bên B, Bên A có quyền ra, vào và kiểm tra Nhà Xưởng, trừ trường hợp ra, vào và kiểm tra Nhà Xưởng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10.2. Bên B sẽ chấp thuận cho Bên A và các nhà thầu, nhân công và nhân viên của mình ra, vào Nhà Xưởng để:

a) Xem xét, kiểm tra Nhà Xưởng và liệt kê danh sách đồ đạc thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bên A có trong Nhà Xưởng;

b) Kiểm tra, lau dọn, di dời, thay thế, bổ sung hay thực hiện bất cứ công việc gì liên quan đến hệ thống ống dẫn và các dịch vụ hoặc công cụ phụ thuộc;

c) Thực hiện hoạt động bảo trì, sửa chữa, thay thế, bổ sung hay làm mới các bộ phận bị xuống cấp, bị hư hỏng liên quan đến kết cấu của Nhà Xưởng;

d) Bảo vệ tính mạng, tài sản của bất kỳ ai trong những tình huống cấp thiết;

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác thoả thuận trong Hợp đồng này, Bên A còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

11.1. **Quyền của Bên A**

a) Nhận tiền đặt cọc, tiền bổ sung tiền đặt cọc, tiền thuê nhà xưởng và các khoản tiền khác của Bên B đúng kỳ hạn và đầy đủ như đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b) Bên A có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng này trước thời hạn khi Bên B có một trong các hành vi vi phạm Hợp đồng sau:

i. Bên B không thanh toán tiền thuê, tiền thuê khác, tiền đặt cọc, tiền bổ sung tiền đặt cọc hay bất kỳ khoản phải thanh toán nào thuộc phạm vi Hợp đồng này và không khắc phục vi phạm trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Bên B nhận được văn bản của Bên A *thông báo về vi phạm đó*; và/hoặc

ii. Bên B không tự khắc phục kịp thời những hư hỏng, huỷ hoại đối với kết cấu của Nhà Xưởng do hành vi cố ý hoặc vô ý của Bên B gây ra trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Bên B nhận được văn bản của Bên A *thông báo về vi phạm đó*;

iii. Bên B sử dụng nhà xưởng không đúng mục đích thuê thoả thuận tại Điều 1.2 Hợp đồng này;

iv. Bên B sử dụng Nhà Xưởng, Hợp đồng thuê nhà xưởng này để thế chấp, cầm cố, góp vốn liên doanh, liên kết hay nhằm thực hiện các mục đích vi phạm pháp luật;

v. Bên B chuyển nhượng Hợp đồng thuê nhà xưởng này hoặc cho Bên thứ ba thuê lại, hoặc sử dụng toàn bộ hoặc một phần Nhà Xưởng dưới bất kỳ hình thức nào không đúng thoả thuận tại Điều 8.2 Hợp đồng này;

vi. Bên B không mua bảo hiểm theo thoả thuận tại Điều 9 Hợp đồng này;

c) Khi Bên A đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng này trước thời hạn do Bên B có một trong các hành vi quy định tại Điều 11.1 (b) Hợp đồng này, Bên A sẽ có một hoặc đồng thời các quyền sau:

i. Đề nghị các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam trục xuất Bên B cùng mọi người khác thuộc quyền hạn của Bên B ra khỏi Nhà Xưởng, và/hoặc

ii. Thu giữ, di dời và thanh lý mọi tài sản thuộc Nhà Xưởng, ngoại trừ các tài sản thuộc sở hữu bên thứ ba do Bên B thuê/mượn, để khấu trừ nợ trong trường hợp Bên B chưa thanh toán hết các khoản nợ cho Bên A; và/hoặc

iii. Ngoài các chế tài Hợp đồng đối với hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên B đã thoả thuận trong Hợp đồng này, Bên B sẽ mất tiền đặt cọc.

11.2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Giao cho Bên A 01 (một) bản sao công chứng hồ sơ pháp nhân của Bên B;

b) Bàn giao Nhà Xưởng cho Bên B theo thoả thuận tại Hợp đồng này;

c) Bảo đảm cho Bên B sử dụng Nhà Xưởng một cách ổn định, lâu dài mà không bị ngăn cản, gián đoạn bất hợp pháp từ phía Bên A hay bất kỳ pháp nhân hoặc đại lý do Bên A ủy quyền.

d) Nộp các khoản thuế đất hàng năm, thuế thu nhập phát sinh từ việc cho thuê Nhà Xưởng nêu trên;

e) Thông báo cho Bên B về quyền của Bên thứ ba đối với Nhà Xưởng (nếu có) và Bên thứ ba vẫn đảm bảo quyền của Bên B trong suốt thời hạn thuê theo Hợp đồng này;

f) Ưu tiên cho Bên B tiếp tục thuê khi thời gian thuê hết theo quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng này;

g) Bảo trì, sửa chữa Nhà Xưởng do hao mòn tự nhiên theo định kỳ hoặc theo thỏa thuận; nếu Bên A không bảo trì, sửa chữa nhà xưởng mà gây thiệt hại cho Bên B thì phải bồi thường;

h) Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên B thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, trừ trường hợp được bên B đồng ý chấm dứt hợp đồng;

i) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

j) Bên A có trách nhiệm sửa chữa, hoàn thiện các hạng mục, dọn vệ sinh công nghiệp theo Thỏa thuận sửa chữa, cải tạo, thi công Nhà xưởng cho thuê giữa Bên A và Bên B. Trước khi bàn giao Nhà Xưởng thực tế, dự kiến ngày 22/05/2023. Trường hợp sau khi các bên đã ký kết Hợp đồng thuê này và Bên B đã chuyển tiền đặt cọc đầy đủ mà Bên A không tiến hành sửa chữa dẫn đến việc bàn giao Nhà Xưởng thực tế trễ hơn ngày 22/05/2023 thì Bên A phải trả lại ngay khoản tiền đặt cọc và bồi thường cho Bên B một khoản tiền tương đương tiền đặt cọc.

ĐIỀU 12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác thoả thuận trong Hợp đồng này, Bên B còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

12.1.Quyền của Bên B

a) Nhận và sử dụng Nhà Xưởng theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng này;

b) Được Bên A bảo đảm sử dụng Nhà Xưởng ổn định, không có tranh chấp với bất kỳ Bên thứ ba nào khác trong suốt thời gian thuê nhà xưởng theo Hợp đồng này;

c) Được đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng trước thời hạn và yêu cầu Bên A hoàn trả số tiền đặt cọc, đồng thời Bên A phải chịu phạt cọc tương đương với số tiền đặt cọc cho Bên B sau khi Bên B đã thông báo bằng văn bản về một trong các vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng của Bên A thỏa thuận tại Điều 11.2 Hợp đồng này mà Bên A không sửa chữa, khắc phục vi phạm trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Bên B *thông báo về vi phạm đó.*

12.2.Nghĩa vụ của Bên B

a) Giao cho Bên A 01 (một) bản sao công chứng hồ sơ pháp nhân của Bên B;

b) Trả đủ tiền đặt cọc, tiền bổ sung tiền đặt cọc, tiền thuê nhà xưởng và các khoản tiền khác đúng kỳ hạn và đầy đủ như đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

c) Không sử dụng Nhà Xưởng vào bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích thoả thuận tại Điều 1.2 Hợp đồng này;

d) Giữ gìn và bảo quản Nhà Xưởng, đồ nội thất và trang thiết bị được Bên A giao sử dụng trong điều kiện tốt nhất.

e) Bảo vệ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình trong phạm vi Nhà Xưởng trong suốt thời hạn thuê. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hoả hoạn, mất trộm hay những hư hỏng khác đối với tài sản của Bên B khi thiệt hại xảy ra không phải do lỗi của Bên A.

f) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về an ninh - trật tự xã hội, phòng cháy chữa cháy, không được sử dụng các chất và vật liệu nổ, dễ gây cháy nổ, không được làm các công việc dễ gây cháy nổ hoặc nguy cơ khác ảnh hưởng tới an toàn của Nhà Xưởng và khu vực xung quanh.

g) Tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động kinh doanh của mình tại Nhà Xưởng, nộp các loại thuế, lệ phí liên quan đến việc tổ chức kinh doanh theo quy định của pháp luật. Bên A không chịu trách nhiệm về bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của Bên B.

h) Tự chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại đối với người hoặc tài sản phát sinh trong quá trình sử dụng Nhà Xưởng kể từ thời điểm Bên B nhận bàn giao Nhà Xưởng từ Bên A.

ĐIỀU 13. THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ GIA HẠN HỢP ĐỒNG

13.1. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực trong thời hạn 20 (Hai mươi) năm, bắt đầu kể từ ngày hai bên tiến hành bàn giao Nhà Xưởng trên thực tế và ký trên Biên bản bàn giao Nhà Xưởng, và chấm dứt vào ngày tương ứng trong năm 2043 ("**Ngày Kết Thúc**").

13.2. Gia hạn Hợp đồng:

a) Trước Ngày Kết Thúc 03 (ba) tháng, Bên A sẽ gửi cho Bên B một ***Thư mời gia hạn Hợp đồng*** bao gồm những nội dung sau: Giá thuê; Thời hạn thuê; Phương thức thanh toán; Điều kiện khác (nếu có).

b) Trước Ngày Kết Thúc 02 (hai) tháng, Bên B phải có văn bản trả lời Thư mời gia hạn Hợp đồng của Bên A. Nếu Bên B không trả lời Bên A hoặc không đồng ý gia hạn Hợp đồng trong thời hạn trên, Thư mời gia hạn Hợp đồng sẽ hết hiệu lực và Hợp đồng này sẽ đương nhiên chấm dứt hiệu lực vào Ngày Kết Thúc.

c) Nếu Bên B đồng ý gia hạn Hợp đồng, các Bên sẽ ký một Hợp đồng thuê nhà xưởng mới hoặc sẽ ký một bản sửa đổi của Hợp đồng này.

13.3. Trường hợp Bên A không gửi Thư mời gia hạn Hợp đồng cho Bên B, Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực vào Ngày Kết Thúc.

ĐIỀU 14. CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

14.1. Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn Hợp đồng mà không được gia hạn theo thoả thuận tại Điều 13 Hợp đồng này;

b) Chấm dứt trước thời hạn theo thoả thuận tại Điều 15 Hợp đồng này;

c) Bên A hoặc Bên B thực hiện quyền đình chỉ thực hiện Hợp đồng trước thời hạn theo thoả thuận tại Điều 11(11.1)(b) hoặc Điều 12(12.1)(c) Hợp đồng này hoặc theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Bên yêu cầu đình chỉ thực hiện Hợp đồng có nghĩa vụ thông báo cho Bên kia biết trước 01 (một) tháng so với thời điểm đình chỉ thực hiện Hợp đồng;

d) Nhà Xưởng bị hư hỏng đến mức hoàn toàn không thể sử dụng được;

e) Trường hợp bất khả kháng thoả thuận tại Điều 17 Hợp đồng này ngăn cản các Bên thực hiện Hợp đồng này trong thời gian 03 (ba) tháng liên tiếp;

f) Bên A hoặc Bên B lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của pháp luật.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

14.2.Thanh lý Hợp đồng:

a) Ngay khi Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực, Hai Bên phải tiến hành lập ***Biên bản thanh lý Hợp đồng*** xác định rõ quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên sau khi Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực và thực hiện nghiêm chỉnh các quyền và nghĩa vụ đó.

b) Sau khi Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực, Bên B để lại hay không di dời bất cứ tài sản nào không được liệt kê trong ***"Biên bản kiểm kê cuối cùng"*** trong thời hạn **05** (năm) ngày kể từ ngày Bên A có văn bản yêu cầu, thì những tài sản này sẽ được coi là thuộc về Bên A, Bên A có quyền bán hoặc thanh lý những tài sản này. Trong thời hạn **10** (mười) ngày kể từ ngày bán hoặc thanh lý tài sản, Bên A phải trả tiền bán hoặc thanh lý tài sản cho Bên B sau khi khấu trừ chi phí di dời, lưu kho, bán hoặc thanh lý tài sản phát sinh hợp lý và các khoản nợ của Bên B (nếu có). Nếu số tiền thu được từ việc bán hoặc thanh lý tài sản của Bên B vẫn không đủ bù đắp các chi phí và các khoản nợ trên, Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A số tiền còn thiếu trong thời hạn **10** (mười) ngày, kể từ ngày Bên A có văn bản yêu cầu.

ĐIỀU 15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN THEO THOẢ THUẬN

15.1. Hợp đồng này có thể được chấm dứt trước thời hạn theo đề nghị của Bên A hoặc Bên B. Trừ trường hợp thuộc quyền đơn phương đình chỉ Hợp đồng, việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn của một trong Hai Bên chỉ được coi là hợp pháp, nếu:

a) Bên đề nghị gửi thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời hạn bằng văn bản tới Bên được đề nghị trước 06 (sáu) tháng so với ngày dự định chấm dứt Hợp đồng;

b) Bên được đề nghị gửi thông báo chấp thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn bằng văn bản tới Bên đề nghị trước 04 (bốn) tháng so với ngày dự định chấm dứt Hợp đồng.

Trường hợp Bên được đề nghị im lặng và không phúc đáp lại thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của Bên đề nghị trong thời hạn nêu trên, thì mặc nhiên được hiểu rằng Bên được đề nghị đồng ý với việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn này.

15.2. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hợp pháp, thì không Bên nào phải chịu phạt cọc.

15.3. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không hợp pháp, thì Bên chấm dứt hợp đồng phải chịu phạt cọc tương đương với số tiền đặt cọc là 3 (ba) tháng tiền thuê cho Bên kia.

15.4. Thời hạn thanh toán tiền phạt cọc (nếu có) theo thoả thuận tại Điều 15.3 Hợp đồng này là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

15.5. Bên A có quyền đưa khách vào xem Nhà Xưởng trong giờ hoạt động kinh doanh trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Bên A và/hoặc Bên B nhận được thông báo về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo thoả thuận tại Điều 15.1 Hợp đồng này. Bên A phải báo trước cho Bên B ít nhất là 48 (bốn mươi tám) giờ trước khi đưa khách vào xem Nhà Xưởng.

ĐIỀU 16: CAM KẾT CHUNG

16.1. Bên A cam kết nhà xưởng cho thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không có tranh chấp về quyền sở hữu, không bị kê biên để thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không thuộc diện bị thu hồi hoặc không bị giải tỏa); cam kết nhà xưởng đảm bảo chất lượng, an toàn cho bên B.

16.2. Bên B đã tìm hiểu kỹ các thông tin về nhà xưởng cho thuê.

16.3. Việc ký kết hợp đồng này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thay đổi hoặc bổ sung nội dung của

hợp đồng này thì các bên thỏa thuận lập thêm phụ lục hợp đồng có chữ ký của hai bên, phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý như hợp đồng này.

16.4. Các bên cùng cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

ĐIỀU 17. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

17.1. Hợp Đồng này sẽ không ràng buộc Các Bên nếu Các Bên không thể thực hiện hợp đồng do sự kiện bất khả kháng như định nghĩa sau:

"Sự kiện Bất Khả Kháng" là sự kiện xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của các bên, làm cho các bên không thể thực hiện nghĩa vụ được quy định trong Hợp Đồng, bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các lệnh cấm, quy định của chính phủ hoặc các cơ quan có thẩm quyền, nổi loạn, chiến tranh, địch họa, bạo lọan, đình công, tranh chấp lao động, bãi công, sự ngưng trệ của các tiện ích công cộng, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, bão, sóng thần hoặc những thiên tai khác.

17.2. Không bên nào phải chịu trách nhiệm đối với Bên còn lại về bất cứ mất mát hay thiệt hại về người, về tài sản gây nên do hậu quả của sự kiện bất khả kháng, và bất kỳ việc không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ của một bên gây nên do sự kiện bất khả kháng sẽ không bị xem là vi phạm hợp đồng.

ĐIỀU 18. LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Các bên đồng ý rằng hợp đồng sẽ được giải thích, thực hiện và điều chỉnh theo luật nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 19: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được Hai Bên giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp Hai Bên không thương lượng được trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một hoặc cả Hai Bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Toà án nhân dân có thẩm quyền.

ĐIỀU 20. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

20.1. Tiêu đề của các điều khoản trong Hợp đồng này nhằm giúp cho việc theo dõi Hợp đồng được thuận lợi và không làm ảnh hưởng, thay đổi đối với bất kỳ nội dung chi tiết của các điều khoản đó.

20.2. Khi một Bên yêu cầu Bên kia thực hiện một nghĩa vụ nào theo Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào mà Bên được yêu cầu không thực hiện được thì điều đó sẽ không làm

ảnh hưởng đến quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đó vào bất kỳ thời điểm nào sau này. Việc một Bên miễn cho Bên kia việc khắc phục, sửa chữa một vi phạm của bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này không được coi là bãi miễn việc khắc phục, sửa chữa một vi phạm tương tự hay khác hẳn xảy ra sau đó.

20.3. Trừ trường hợp do pháp luật quy định, nếu có bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị vô hiệu thì điều này sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản còn lại của Hợp đồng.

20.4. Hợp đồng này và các Phụ lục của Hợp đồng này sẽ trở thành thoả thuận chính thức giữa Hai Bên và thay thế hoàn toàn cho mọi thoả thuận, ghi nhớ, thông tin trao đổi hay các giấy tờ, tài liệu thể hiện ý định của Hai Bên trước đây có liên quan đến Hợp đồng này. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung Hợp đồng này sẽ chỉ có giá trị nếu được lập thành văn bản và được đại diện của Hai Bên ký kết Hợp đồng này ký tên, đóng dấu.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Ký tên đóng dấu)	*(Ký tên đóng dấu)*
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ TM MIỄN QUẾ	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HÒA
Hồ Anh Tuấn	NGUYỄN TIẾN THỌ

CÔNG TY TNHH TM-DVMT HỒNG HÀ

Số: 20.2025/HH/HĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –tự do- hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

"Vv: Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt,công nghiệp không độc hại"

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017.*
- *Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.*
- *Căn cứ Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họ thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005..*
- *Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của chính phủ ban hành ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên và môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*
- *Căn cứ hợp đồng số :1001.2025/HH-TP/HĐKT giữa Công Ty TNHH Thương Mại – Môi Trường Thiên Phước và Công Ty TNHH Thương Mai- Dịch Vụ Môi Trường Hồng Hà*
- *Căn cứ nhu cầu và chức năng của hai bên.*
- *Hôm nay ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại văn phòng Công Ty TNHH Thương Mai- Dịch Vụ Môi Trường Hồng Hà, chúng tôi gồm có:*

I/BÊN MUA DỊCH VỤ: (Gọi tắt là Bên A)		
BÊN A	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA**
Đại diện	:	Ông **NGUYỄN TIẾN THỌ** Chức vụ : **Tổng giám đốc**
Địa chỉ	:	71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ nhà máy	:	Lô 3, đường số 5A, KCN Nhơn Trạch 2, xã Nhơn Phú, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	:	
Mã số thuế	:	0303292182
II/BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: (Gọi tắt là Bên B)		
BÊN B	:	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG HỒNG HÀ**
Đại diện	:	Bà **TRẦN THUÝ HỒNG** Chức vụ : **Phó giám đốc** *(Theo giấy uỷ quền số : 01.2025/GUQ-HH ngày 09 tháng 01 năm 2025)*
Địa chỉ	:	Tổ 8,Ấp 5 Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Văn phòng đại diện	:	Số 19 Huỳnh Thúc Kháng, Ấp 5 Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. (Nhận sự Ms Ngân : 0979989256)
Điện thoại	:	0903.676.921
Mã số thuế	:	3603997894
Gmail	:	dichvumoitruonghongha@gmail.com
Tên tài khoản	:	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG HỒNG HÀ
Ngân hàng	:	Ngân hàng Indovinabank- Chi nhánh Nhơn Trạch .
Số tài khoản	:	6399888-001 (IVB) Mã ngân hàng :**79502001**

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế về dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt không độc hại có nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Bên B đồng ý thu gom và vận chuyển toàn bộ số rác sinh hoạt,công nghiệp không độc hại cho bên A với nội dung như sau:

- Địa điểm lấy rác: Bên B nhận vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp không nguy hại cho bên A tại khu vực chứa rác cố định mà bên A bố trí.
- Phương tiện vận chuyển: Bằng xe chuyên dùng của bên B
- Số lần vận chuyển: + Rác sinh hoạt thu gom ngày thứ 3, thứ 6 hàng tuần
  + Rác công nghiệp thu gom khi có thông báo của bên A
- Khối lượng vận chuyển: theo khối lượng thực tế tại thời điểm vận chuyển

ĐIỀU 2: GIAO – NHẬN CHẤT THẢI

Địa điểm : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Địa chỉ : Lô 3, đường số 5A, KCN Nhơn Trạch 2, xã Nhơn Phú, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Thời gian giao nhận : Thu gom rác 2 lần /tuần vào ngày Thứ 3 và thứ 6 hàng tuần.Từ 8h00 đến 16h00

ĐIỀU 3: PHÍ XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1: Phí xử lý

STT	Loại chất thải	ĐVT	Số Lượng	Gián vận chuyển	Ghi chú
01	Thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt thông thường	Tháng	01	5.000.000 VNĐ	Không độc hại
02	Thu gom vận chuyển rác công nghiệp thông thường	Kg	01	2.000	Không độc hại

- ✓ Lịch thu gom hai bên sẽ thỏa thuận qua điện thoại hoặc email.
- ✓ Đơn Giá trên chưa bao gồm VAT. Và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.
- ✓ Nếu quý công ty có nhu cầu xử lý đột xuất, phải có thông báo cho bên A trước 24h trong giờ hành chính để bên A có kế hoạch điều xe thu gom.

3.2 Phương thức thanh toán

- Cuối tháng, Bên sẽ gửi bảng đối chiếu xác nhận khối lượng chất thải do bên A chuyển giao kiểm tra, đối chiếu, nếu số liệu phù hợp bên B sẽ xuất hoá đơn tài chính cho bên B. Bên A sẽ quyết toán và thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Bên B. Trong trường hợp Hóa đơn do Bên B xuất không thống nhất với số lượng hoặc khối lượng rác thải mà các Bên đã xác nhận, Bên A sẽ yêu cầu Bên B điều chỉnh Hóa đơn theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản vào tài khoản số 6399888001 ngân hàng INDOVINABANK chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai, trong vòng 30 ngày làm việc sau khi đã nhận được đầy đủ các giấy tờ và biên bản làm việc

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

ĐIỀU 4 : TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- - Tạo điều kiện cho bên B làm dịch vụ.
- Địa điểm phải thuận tiện cho việc vận chuyển và thu gom rác thải
- Tách riêng các loại rác thải không để lẫn rác Công Nghiệp vào rác sinh hoạt.
- Trong quá trình thực hiện, bên A cử người hướng dẫn giám sát giải quyết các vấn đề liên quan với bên B, tạo điều kiện ra vào công ty tốt nhất để bên B thực hiện tốt hợp đồng đã ký.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả của những chất dễ gây cháy nổ hay các loại hóa chất độc hại, có thể làm nguy hại đến sức khỏe cho người và gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Tuân thủ các yêu cầu của Nhà nước về Luật môi trường.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường tốt đối với số rác chở ra ngoài công ty đến địa điểm xử lý, không gây ảnh hưởng đến môi trường chung, địa điểm xử lý phải chứng minh bằng hồ sơ năng lực
- Cán bộ, nhân viên của bên B tuân thủ chấp hành nội quy, quy định làm việc của bên A. Thực hiện theo đúng hệ thống an toàn vệ sinh, bảo vệ môi trường của bên A. Nhân viên bên B chấp hành tuyệt đối mọi chỉ dẫn của người đại diện bên A về việc đi lại trong khuôn viên của công ty.
- Bên B chỉ thu gom đúng loại rác như đã ký kết.
- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp, không nguy hại đúng nơi quy định
- Bên B đảm bảo chất thải được tiếp nhận, xử lý và tái chế (nếu có) đúng các quy định về quản lý chất thải, phế liệu của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam đối với số rác thải sinh hoạt ,công nghiệp sau khi đã vận chuyển ra khỏi bên A.
- Không để rác rơi vãi trên đường vận chuyển về địa điểm xử lý rác tập trung.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực từ **10/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025**. Trước thời hạn 15 ngày kết thúc hợp đồng nếu hai bên không có y kiến phản hồi gì thì hợp đồng sẽ tự đông gia hạn thêm 01 năm.

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng sẽ được chấm dứt trong các tường hợp sau:

- Khi Hợp đồng hết thời hạn như qui định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- Khi bên B không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.2, Điều 4 của hợp đồng này hoặc bên B có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam.
- Nếu bên B có thái độ vi phạm ăn trộm cắp lấy đồ của Bên A thì bên A có quyền cắt hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản của hợp đồng này và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- Khi thay đổi giờ lấy, bên có yêu cầu phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 24giờ
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có những vướng mắc phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải, bình đẳng cùng có lợi. Và tiến hành mở Phụ lục hợp đồng (nếu có) để thực hiện tiếp hợp đồng
- Nếu bên nào muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước 30 (ba mươi) ngày trước ngày chấm dứt.
- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung Hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên.
- Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc hai bên đã hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ tài chính thì hợp đồng coi như đã được thanh lý. Hai bên cam kết thực hiện hợp đồng.
- Hợp đồng lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
NGUYỄN TIẾN THỌ	**TRẦN THUÝ HỒNG**

IVB

THÔNG BÁO TÀI KHOẢN
ACCOUNT NOTICE

Số CIF/ *CIF No. 6399888*

Ngân hàng TNHH INDOVINA – Chi nhánh ĐỒNG NAI – PGD NHƠN TRẠCH (IVB) xin xác nhận Khách hàng có thông tin sau đây:

INDOVINA BANK LTD. – DONG NAI Branch – NHON TRACH T.O. (IVB) hereby confirms customer having information as follows:

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/ *CUSTOMER INFORMATION*	
Tên Khách hàng/ *Customer name*	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG HỒNG HÀ**

☐ CMND/ *ID Card* ☐ CCCD/ *Citizen ID* ☐ Hộ chiếu/ *Passport*

☐ Giấy phép thành lập/ *Establishment license*

☑ Giấy chứng nhận ĐKDN/ *Certificate of business registration*

☐ Khác/ *Other:* .....

Số/ *No*: 3603997894 Cấp bởi/ *Issued by*: SỞ KH VÀ ĐT TỈNH ĐỒNG NAI… Ngày/*Dated:* 08/01/2025

Cấp lần đầu ngày/ *first issue date*: 08/01/2025 thay đổi lần thứ/ *amendment time* ngày/ *dated*:

Mã số thuế/ *Tax code*	3603997894
Địa chỉ/ *Address*	TO 8 AP 5 XA LONG THO HUYEN NHON TRACH TINH DONG NAI VIET NAM

Đã mở mới thành công (các) tài khoản sau tại Ngân hàng TNHH INDOVINA – Chi nhánh ĐỒNG NAI PGD NHƠN TRẠCH

Has successfully opened following account(s) at Indovina Bank Limited – DONG NAI Branch – NHON TRACH T.O

THÔNG TIN VỀ TÀI KHOẢN/ *ACCOUNT INFORMATION*

Tài khoản 1/ *Account 1*		**Tài khoản 2/ *Account 2***	
Số tài khoản *Account number*	**6399888001**	Số tài khoản *Account number*	
Loại tài khoản *Account type*	**Current**	Loại tài khoản *Account type*	
Loại tiền *Account currency*	**VND**	Loại tiền *Account currency*	
Hiệu lực từ *Valid from*	**14/01/2025**	Hiệu lực từ *Valid from*	

CITAD CODE: 79502001

SWIFT CODE: IABBVNVX
(Head office: 97A Nguyen Van Troi, 11 Ward, Phu Nhuan Dist, HCMC Vietnam)

NGÂN HÀNG TNHH INDOVINA/ *INDOVINA BANK LTD.*
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu / Signature, full name and stamp)

Đặng Thị Thanh Ngọc
Trưởng PGD Nhơn Trạch

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

M.S.D.N: 3603997894 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG HỒNG HÀ
H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3603997894

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 01 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG HỒNG HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 8, ấp 5, Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0903676921* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ : 9.300.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín tỷ ba trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Việt Nam	91/4, tổ 20, khu phố 5, , Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	4.650.000.000	50,000	037079005080	
2	TRẦN THỊ KIM	Việt Nam	1026/19, KP 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	4.650.000.000	50,000	001157032355	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐỨC Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: *10/08/1979* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *037079005080*

Ngày cấp: *10/04/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *91/4, tổ 20, khu phố 5, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *91/4, tổ 20, khu phố 5, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lê Hoàng Huỳnh

CÔNG TY TNHH TM—DVMT
HỒNG HÀ

Số: 01/2025/TB-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 09 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

"V/v thay đổi tên công ty"

Kính gửi : **Quý khách hàng, quý công ty.**

Kính thưa quý khách hàng, HTX Hồng Hà được thành lập năm 2012 đã hoạt động trên 12 năm là bạn đồng hành cùng với quý công ty trong việc vận chuyển và thu gom rác và được quý công ty tin cậy. Nay HĐQT HTX Hồng Hà chúng tôi tái cơ cấu chuyển đổi lên mô hình từ HTX sang công ty TNHH. Về thành phần HĐQT và cơ cấu tổ chức, hoạt động chúng tôi không thay đổi.

Thay mặt HĐQT, tôi Trần Thuý Hồng gửi thông báo này đến quý khách hàng để quý khách hàng biết thông tin chi tiết.

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày **09/01/2025**

Trân trọng!

- **Thông tin đơn vị cũ:**

stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Mst
1	HTX Hồng Hà	Ấp 6 Xã Bầu Cạn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	3602716558

✓ Giám đốc điều hành : Trần Thuý Hồng ĐT: 0903.676.921

- **Thông tin đơn vị mới thay thế HTX Hồng Hà**

stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Mst
1	CÔNG TY TNHH TM-DVMT HỒNG HÀ	Tổ 8, Ấp 5 Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	3603997894

✓ Phó Giám đốc: Trần Thuý Hồng ĐT: 0903.676.921

Nơi nhận:
- Khách hàng
- Tất cả thành viên HĐQT;
- Lưu VT-HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phó giám đốc

Trần Thuý Hồng

HTX Hồng Hà
CTHĐQT
Xác nhận thay đổi

VŨ THỊ KIM NGÂN

CÔNG TY TNHH TM-DVMT HỒNG HÀ
Tổ 8, Ấp 3, Xã Long Tho, Nhơn Trạch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công TY TNH TM- DVMT Hồng Hà
- Căn cứ Quyết định số 03.2025/QĐ-HH ngày 09/01/2025 của CTHĐQT Công Ty TNHH TM-DVMT Hồng Hà về việc phân công, ủy quyền cho Bà Trần Thuý Hồng

Hôm nay, ngày 09 tháng 01 năm 2025 ; chúng tôi gồm có:

NGƯỜI UỶ QUYỀN:

Ông : **NGUYỄN VĂN ĐỨC** ĐT: 0985222667
Chức vụ : CTHĐ Quản Trị kiêm Giám đốc
Số CCCD : 037079005080 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/04/2021
Địa chỉ : 19/4, tổ 20, khu phố 5, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN:

Bà : **TRẦN THUÝ HỒNG** ĐT: 0903.676.921
Chức vụ : Phó giám đốc
Số CCCD : 001172030829, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/06/2022
Địa chỉ : Đường 3A, Khu Chợ Mới Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Tôi Nguyễn Văn Đức - CTHĐQT kiêm Giám đốc của Công Ty TNHH TM-DVMT Hồng Hà. Do trong thời gian này tôi phải giải quyết nhiều công việc cá nhân và làm đề cương, luận án, tìm hiểu thị trường để xây dựng kế hoạch phát triển cho công ty, tôi không có thời gian ở công ty để xử lý công việc. Do vậy tôi xin Ủy quyền cho Bà Trần Thuý Hồng được quyền thay mặt tôi thực hiện các công việc sau:

1. Được quyền quyết định và ký các văn bản quản lý phục vụ hoạt động của Hợp Tác Xã Hồng Hà.
2. Được toàn quyền quyết định và ký kết các hợp đồng dịch vụ với Khách hàng.
3. Được quyền ký kết hợp đồng lao động với cán bộ quản lý, nhân viên của Công ty.
4. Được quyền giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi cũng như các tranh chấp, thưa kiện (nếu có)

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi CTHDQT có quyết định thay thế.

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN VĂN ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 0103/2025/TTN-NH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trường Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên theo giấy phép xử lý chất thải số 1-2-3-4-5-6.137.VX cấp ngày 26/11/2020;

Căn cứ vào nhu cầu của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Nam Hoa.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2025 các Bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

Địa chỉ : Ấp 7, Xã Bàu Cạn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0913.900.048 - 0902.789.899

Mã số thuế : 3600648510

Tài khoản số **118619738888** Tại Ngân Hàng Vietinbank, CN Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện : Ông **TỐNG QUÝ KHIÊM** - Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Địa chỉ : 71/4A, Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế : 0303292182

Đại diện :Ông **NGUYỄN TIẾN THỌ** Chức vụ: **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) theo những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B. Danh mục CTNH được nêu tại Điều 2 của Hợp đồng.

Địa điểm xử lý CTNH: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

ĐIỀU 2: DANH MỤC CTNH VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Danh mục CTNH

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Giá/ĐVT
1	Giẻ lau	18 02 01	kg	3.300
2	Can nhựa	18 01 03	kg	3.300
3	Lọ keo AB bằng nhựa	18 01 03	kg	3.300
4	Lọ keo nóng bằng nhựa	18 01 03	kg	3.300
5	Vỏ thùng sơn 5 kg bằng nhựa	18 01 03	kg	3.300
6	Vỏ thùng sơn 2 kg bằng nhựa	18 01 03	kg	3.300
7	Cọ quét sơn	08 01 01	kg	3.300
8	Vỏ chai nước ngọt đựng màu	08 02 01	kg	3.300
9	Lưới lọc bồn	18 02 01	kg	3.300
10	Cặn bột sơn (sau khi xử lý)	08 01 01	kg	3.300
11	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg	3.300
12	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	kg	3.300

Ghi chú:

- Đơn giá trên đã bao gồm phí thu gom, vận chuyển và xử lý. Khối lượng tối thiểu là 1.500 kg/chuyến xe). Nếu khối lượng nhỏ hơn 1.500 kg/chuyến thì vẫn tính là 1.500 kg.
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Bảng Giá trên có hiệu lực trong vòng 30 ngày.
- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển CTNH được Bộ TNMT cấp phép.

2.2 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

2.2.1 Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A 100% giá trị hoá đơn trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn và chứng từ xử lý chất thải.

2.2.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN

3.1 Địa điểm tiếp nhận

Bên A sẽ tiếp nhận chất thải tại kho chứa chất thải của bên B, địa chỉ: Lô số 3, Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai.

3.2 Điều kiện lưu chứa

CTNH được thu gom, phân loại và tập trung tại Kho chứa chất thải riêng biệt của bên B và được chứa trong các bao bì, thùng chứa chuyên dụng theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải; đảm bảo an toàn, tránh rò rỉ ra môi trường.

3.3 Thời gian tiếp nhận

Thời gian thu gom, vận chuyển chất thải sẽ được bên B thông báo bằng văn bản, e- mail, điện thoại hoặc trao đổi trực tiếp cho bên A trước 01 ngày để bên A sắp xếp kế hoạch thu gom. Thời gian thu gom được thực hiện trong giờ hành chính từ 8h00 đến 17h00 cùng ngày.

3.4 Khối lượng chất thải tiếp nhận

Khối lượng chất thải bên A tiếp nhận theo yêu cầu của bên B.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm bên A

4.1.1 Vận chuyển chất thải từ kho chứa của bên B và xử lý tại Nhà máy của bên A theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại của Nhà nước Việt Nam;

4.1.2 Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho chứa của bên B;

4.1.3 Phối hợp với Bên B lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý CTNH của Nhà nước Việt Nam;

4.1.4 Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển nằm trong danh mục Giấy phép xử lý CTNH do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp. Nếu bên A sử dụng không đúng phương tiện vận chuyển được cấp phép, bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm;

4.1.5 Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên A phải tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên B. Đảm bảo tính an toàn của các trang thiết bị dụng cụ cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên B. Thu gom theo đúng yêu cầu của bên B để tránh gây tồn đọng kho bãi.

4.1.6 Hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B ngay sau khi thực hiện xong việc xử lý CTNH theo đúng quy định hiện hành về quản lý CTNH;

4.1.7 Được quyền từ chối nhận chất thải ngoài danh mục chất thải và địa điểm tiếp nhận được nêu trong Hợp đồng, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục, địa điểm tiếp nhận chất thải của Hợp đồng được hoàn tất;

4.1.8 Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải, hoàn trả chứng từ CTNH nếu bên B không thực hiện thanh toán đúng theo quy định của Hợp đồng.

Bên A sẽ tiếp nhận chất thải tại kho chứa chất thải của bên B, địa chỉ: Lô số 3, Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai.

3.2 Điều kiện lưu chứa

CTNH được thu gom, phân loại và tập trung tại Kho chứa chất thải riêng biệt của bên B và được chứa trong các bao bì, thùng chứa chuyên dụng theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải; đảm bảo an toàn, tránh rò rỉ ra môi trường.

3.3 Thời gian tiếp nhận

Thời gian thu gom, vận chuyển chất thải sẽ được bên B thông báo bằng văn bản, e- mail, điện thoại hoặc trao đổi trực tiếp cho bên A trước 01 ngày để bên A sắp xếp kế hoạch thu gom. Thời gian thu gom được thực hiện trong giờ hành chính từ 8h00 đến 17h00 cùng ngày.

3.4 Khối lượng chất thải tiếp nhận

Khối lượng chất thải bên A tiếp nhận theo yêu cầu của bên B.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm bên A

4.1.1 Vận chuyển chất thải từ kho chứa của bên B và xử lý tại Nhà máy của bên A theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại của Nhà nước Việt Nam;

4.1.2 Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho chứa của bên B;

4.1.3 Phối hợp với Bên B lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý CTNH của Nhà nước Việt Nam;

4.1.4 Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển nằm trong danh mục Giấy phép xử lý CTNH do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp. Nếu bên A sử dụng không đúng phương tiện vận chuyển được cấp phép, bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm;

4.1.5 Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên A phải tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên B. Đảm bảo tính an toàn của các trang thiết bị dụng cụ cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên B. Thu gom theo đúng yêu cầu của bên B để tránh gây tồn đọng kho bãi.

4.1.6 Hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B ngay sau khi thực hiện xong việc xử lý CTNH theo đúng quy định hiện hành về quản lý CTNH;

4.1.7 Được quyền từ chối nhận chất thải ngoài danh mục chất thải và địa điểm tiếp nhận được nêu trong Hợp đồng, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục, địa điểm tiếp nhận chất thải của Hợp đồng được hoàn tất;

4.1.8 Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải, hoàn trả chứng từ CTNH nếu bên B không thực hiện thanh toán đúng theo quy định của Hợp đồng.

Bên A sẽ tiếp nhận chất thải tại kho chứa chất thải của bên B, địa chỉ: Lô số 3, Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai.

3.2 Điều kiện lưu chứa

CTNH được thu gom, phân loại và tập trung tại Kho chứa chất thải riêng biệt của bên B và được chứa trong các bao bì, thùng chứa chuyên dụng theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải; đảm bảo an toàn, tránh rò rỉ ra môi trường.

3.3 Thời gian tiếp nhận

Thời gian thu gom, vận chuyển chất thải sẽ được bên B thông báo bằng văn bản, e- mail, điện thoại hoặc trao đổi trực tiếp cho bên A trước 01 ngày để bên A sắp xếp kế hoạch thu gom. Thời gian thu gom được thực hiện trong giờ hành chính từ 8h00 đến 17h00 cùng ngày.

3.4 Khối lượng chất thải tiếp nhận

Khối lượng chất thải bên A tiếp nhận theo yêu cầu của bên B.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm bên A

4.1.1 Vận chuyển chất thải từ kho chứa của bên B và xử lý tại Nhà máy của bên A theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại của Nhà nước Việt Nam;

4.1.2 Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho chứa của bên B;

4.1.3 Phối hợp với Bên B lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý CTNH của Nhà nước Việt Nam;

4.1.4 Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển nằm trong danh mục Giấy phép xử lý CTNH do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp. Nếu bên A sử dụng không đúng phương tiện vận chuyển được cấp phép, bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm;

4.1.5 Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên A phải tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên B. Đảm bảo tính an toàn của các trang thiết bị dụng cụ cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên B. Thu gom theo đúng yêu cầu của bên B để tránh gây tồn đọng kho bãi.

4.1.6 Hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B ngay sau khi thực hiện xong việc xử lý CTNH theo đúng quy định hiện hành về quản lý CTNH;

4.1.7 Được quyền từ chối nhận chất thải ngoài danh mục chất thải và địa điểm tiếp nhận được nêu trong Hợp đồng, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục, địa điểm tiếp nhận chất thải của Hợp đồng được hoàn tất;

4.1.8 Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải, hoàn trả chứng từ CTNH nếu bên B không thực hiện thanh toán đúng theo quy định của Hợp đồng.

4.2 Quyền và trách nhiệm bên B

- Có quyền từ chối chuyển giao CTNH nếu bên A điều động phương tiện, vận chuyển không nằm trong danh mục Giấy phép Xử lý CTNH do Bộ Tài nguyên Môi trường cấp;
- Lập, ký và giao nhận Biên bản giao nhận chất thải, chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý CTNH;
- Tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thu gom.
- Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, nếu Bên B có bất kỳ sự thay đổi nào như: Tên cơ sở, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho Bên A biết. Nếu không, mọi sai sót về sau Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm;
- Thanh toán đúng theo quy định của hợp đồng.

ĐIỀU 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

5.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

5.2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết thực hiện các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng;
- Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng. Mọi sự thay đổi nội dung cam kết của Hợp đồng này, nếu có, sẽ cùng được thảo luận và đồng thuận, trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lợi ích của nhau;
- Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, án phí do Bên thua chịu;
- Những gì không được quy định trong hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản mỗi Bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký.
- Trong vòng 30 ngày sau khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nếu không còn vướng mắc, khiếu nại thì Hợp đồng được xem như tự động thanh lý;

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
TỔNG QUÝ KHIÊM	**NGUYỄN TIẾN THỌ**

Sơn

Test Report No. VNHL2503008648HG Date: April 10, 2025

CONG TY TNHH TONGJOU VIET NAM

KCN SONG MAY, XA BAC SON, HUYEN TRANG BOM, DONG NAI, VIET NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

SGS Job No.	:	VNHL2503008648HG
Sample Description	:	"MAU VH (PRIMARY COLOR)"
Color	:	MIX
Country of Origin	:	VIETNAM

As above information is provided and confirmed by the applicant. SGS is not liable to the accuracy, suitability, reliability or/and integrity of the information.

****

Sample Receiving Date	:	MARCH 25, 2025
Final Confirmation Date	:	MARCH 25, 2025
Testing Period	:	MARCH 25, 2025 TO APRIL 10, 2025
Test Request	:	PLEASE REFER TO THE RESULT SUMMARY.
Test Results	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

Results Summary

Test Requested	Conclusion
Directive 2009/48/EC and its amendment Council Directive (EU) 2017/738, Commission Directive (EU) 2019/1922 – EN 71-3:2019 + A1:2021 – Migration of certain elements (Selected tests item as specified by the applicant, please refer to test result page(s) for details)	PASS
EN 71-3:2019 + A2:2024 – Migration of certain elements – As Client's Requirement	PASS
16 CFR 1303 & CPSIA section 101(f) – Lead in paint/similar surface coating material	PASS

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD

Thay mặt công ty SGS SGS Vietnam Ltd

Ung Thanh Van
Hardline SBU Manager

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 30 days only.

Test Result:

Directive 2009/48/EC and its amendment Council Directive (EU) 2017/738, Commission Directive (EU) 2019/1922 – EN 71-3:2019 + A1:2021 – Migration of certain elements

Category III: Scrapped-off toy material

Method: With reference to EN 71-3:2019 + A1:2021. Analysis of general elements was performed by ICP-OES. Chromium (III) was obtained by calculation, Chromium (VI) was analyzed by HPLC-DAD.

Test Item		Result (mg/kg)	Reporting Limit (mg/kg)	Reference Limit (mg/kg)
		1		
Mass of trace amount	(mg)	--	--	--
Soluble Aluminium	(Al)	ND	50	28130
Soluble Antimony	(Sb)	ND	10	560
Soluble Arsenic	(As)	ND	10	47
Soluble Barium	(Ba)	ND	50	18,750
Soluble Boron	(B)	ND	50	15,000
Soluble Cadmium	(Cd)	ND	5	17
Soluble Chromium (III)	(Cr (III))	ND	5	460
Soluble Chromium (VI)	(Cr (VI))	ND	0.02	0.053
Soluble Cobalt	(Co)	ND	10	130
Soluble Copper	(Cu)	ND	50	7,700
Soluble Lead	(Pb)	ND	10	23
Soluble Manganese	(Mn)	ND	50	15,000
Soluble Mercury	(Hg)	ND	10	94
Soluble Nickel	(Ni)	ND	10	930
Soluble Selenium	(Se)	ND	10	460
Soluble Strontium	(Sr)	ND	50	56,000
Soluble Tin	(Sn)	ND	4.9	180,000
Soluble Organic Tin ^	--	--	--	12
Soluble Zinc	(Zn)	ND	50	46,000
Comment		**PASS**	--	--

Sample Description:

1 AS RECEIVED LIQUID PAINT

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 30 days only.

Note:
1. mg/kg = milligram(s) per kilogram= ppm= part(s) per million; 1% = 10000ppm (mg/kg)
2. ND = Not detected
3. ^ The test result of soluble organic tin was derived from soluble tin screening and then confirmation test for soluble organic tin on component exceeding the screening limit of 4.9 mg/kg soluble Sn.
4. Soluble Chromium (III) = Soluble Total Chromium – Soluble Chromium (VI)
5. This test was conducted as client requirement
6. Reference Limit is according to Directive 2009/48/EC and its amendment Council Directive (EU) 2017/738, Commission Directive (EU) 2019/1922 - EN71-3: 2019 per client request.
7. Test done on dried ink sample

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 30 days only.

EN 71-3:2019 + A2:2024 – Migration of certain elements – As Client's Requirement

Category III: Scrapped-off toy material

Method: With reference to EN 71-3:2019 + A2:2024. Analysis of general elements was performed by ICP-OES. Chromium (III) was obtained by calculation, Chromium (VI) was analyzed by HPLC-DAD.

Test Item		Result (mg/kg)	Reporting Limit (mg/kg)	Reference Limit (mg/kg)
		1		
Mass of trace amount	(mg)	--	--	--
Soluble Aluminium	(Al)	ND	50	28130
Soluble Antimony	(Sb)	ND	10	560
Soluble Arsenic	(As)	ND	10	47
Soluble Barium	(Ba)	ND	50	18,750
Soluble Boron	(B)	ND	50	15,000
Soluble Cadmium	(Cd)	ND	5	17
Soluble Chromium (III)	(Cr (III))	ND	5	460
Soluble Chromium (VI)	(Cr (VI))	ND	0.02	0.053
Soluble Cobalt	(Co)	ND	10	130
Soluble Copper	(Cu)	ND	50	7,700
Soluble Lead	(Pb)	ND	10	23
Soluble Manganese	(Mn)	ND	50	15,000
Soluble Mercury	(Hg)	ND	10	94
Soluble Nickel	(Ni)	ND	10	930
Soluble Selenium	(Se)	ND	10	460
Soluble Strontium	(Sr)	ND	50	56,000
Soluble Tin	(Sn)	ND	4.9	180,000
Soluble Organic Tin ^	--	--	--	12
Soluble Zinc	(Zn)	ND	50	46,000
Comment		**PASS**	--	--

Sample Description:

1 AS RECEIVED LIQUID PAINT

Note:
1. mg/kg = milligram(s) per kilogram= ppm= part(s) per million; 0.1wt% = 1000ppm
2. ND = Not Detected
3. Soluble Chromium (III) = Soluble Total Chromium – Soluble Chromium (VI)
4. ^ The test result of soluble organic tin was derived from soluble tin screening and then confirmation test for soluble organic tin on component exceeding the screening limit of 4.9 mg/kg soluble Sn.
5. Test was conducted per client request.
6. Test done on dried ink sample

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 30 days only.

16 CFR 1303 & CPSIA section 101(f) - Lead in paint/similar surface coating material

Test Method: With reference to CPSC-CH-E1003-09.01. Analysis was performed by ICP-OES.

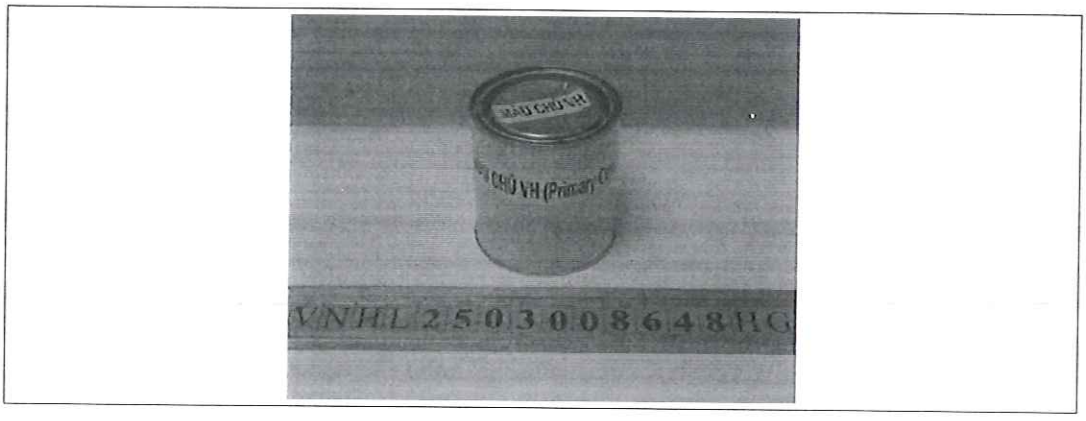
Test Item	Result (mg/kg)	Reporting Limit (mg/kg)	Permissible Limit (mg/kg)
	1		
Lead (Pb)	ND	20	90
Comment	**PASS**	--	--

Sample description:
1 AS RECEIVED LIQUID PAINT

Note: 1. mg/kg = milligram(s) per kilogram= ppm= part(s) per million; 1% = 10000ppm (mg/kg)
2. ND = Not Detected
3. The result is calculated using the minimum sample weight.

Remark: This / these test(s) was / were accredited ISO 17025:2017 by VILAS.
The test results are considered as conform to specification based on the general consideration simple acceptance as stated in ISO/IEC GUIDE 98-4:2012.

PHOTO OF SUBMITTED SAMPLE FOR TESTING



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY

***** End of Report *****

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 30 days only.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG, TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN 84.105 M^2

Địa điểm: Lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Đồng Nai, năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

UBND X.PHÚ HỘI
Số: 126
ĐẾN Ngày: 04/11/2024
Chuyển:

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG, TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN 84.105 M^2

Địa điểm: Lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

CHỦ DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600758168 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ - H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

LƯU VŨ SƠN

Đồng Nai, tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:01/ĐKMT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
V/v đăng ký môi trường cho dự án đầu tư	*Đồng Nai, ngày 4. tháng 11. năm 2024*

KÍNH GỬI: UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ HỘI

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê là chủ đầu tư của dự án: "Cho thuê nhà xưởng, tổng diện tích dự án 84.105m^2", thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê: Lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600758168, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2005, thay đổi lần thứ 24 ngày 18/10/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê: (Ông) LƯU VŨ SƠN

- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Thẻ căn cước công dân số: 019083005917

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê đăng ký môi trường cho dự án: "Cho thuê nhà xưởng, tổng diện tích dự án 84.105 m^2" với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư:

- **Tên dự án đầu tư:** "Cho thuê nhà xưởng, tổng diện tích dự án 84.105 m^2".

- **Địa điểm thực hiện cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện:**

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Nguồn vốn: 112.768.000.000 (Bằng chữ: Một trăm mười hai tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu) đồng Việt Nam.

- Tiến độ thực hiện:

Tiến độ dự án	**Năm 2024**		
	T10	**T11**	**T12**
Hoàn thành các thủ tục pháp lý	←		
Bắt đầu hoạt động		→	→

- **Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở:**

Quy mô: Tổng diện tích nhà xưởng cho thuê 84.105 m^2 (tổng diện tích khu đất 84.105 m^2).

Bảng 1: Tọa độ vị trí dự án

STT	**Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0)**	
	X	**Y**
1	1185879	408952
2	1186048	408911
3	1186145	409306
4	1185964	409349

Các vị trí tiếp giáp của dự án như sau:

- Hướng Đông : Giáp Công ty TNHH Dệt may Eclat;
- Hướng Tây : Giáp đường 5C – KCN Nhơn Trạch 2;
- Hướng Nam : Giáp đường 5A – KCN Nhơn Trạch 2;
- Hướng Bắc : Giáp Công ty TNHH Thế Giới Nhà.

Bảng 2: Hạng mục công trình(*)

STT	**Các hạng mục**	**Số lượng**	**Diện tích (m^2)**	**Ghi chú**
1	Xưởng SX A	1	7914,44	Cho thuê

STT	Các hạng mục	Số lượng	Diện tích (m^2)	Ghi chú
2	Xưởng + kho thành phẩm A	1	8760,35	Cho thuê
3	Kho hàng nguyên liệu	1	4527,87	Cho thuê
4	Nhà ăn + Văn phòng tạm	1	600	Cho thuê
5	Nhà bảo vệ	1	52,8	Cho thuê
6	Trạm phát điện	1	60	Cho thuê
7	Xưởng SX 10B	1	3386,05	Cho thuê
8	Xưởng + Kho thành phẩm B	1	8745,89	Cho thuê
9	Nhà sấy	1	4217,5	Cho thuê
10	Nhà vệ sinh	1	127,8	Cho thuê
11	Nhà bảo vệ	1	15,3	Cho thuê
12	Nhà xe	1	768	Cho thuê
13	Nhà bảo vệ	1	26,4	Cho thuê
14	Nhà văn phòng	1	490,66	Cho thuê
15	Nhà xưởng lô 10C	1	4586,4	Cho thuê
16	Nhà xưởng lô 01	1	2917,45	Cho thuê
17	Nhà ăn mở rộng	1	204	Cho thuê
18	Nhà xe 2 bánh	1	1276	Cho thuê
19	Nhà kho	1	483,24	Cho thuê
Tổng cộng			**49.160.15**	-

(*)Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã DK538816 ngày 23/08/2023.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê)

a. Quy trình sản xuất

Công ty đã thông báo ngừng hoạt động sản xuất chỉ cho thuê nhà xưởng nên không có quy trình sản xuất.

b. Quy trình vận hành dự án

Khi Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê hoàn thành các thủ tục pháp lý sẽ tiến hành cho các đơn vị vào thuê. Đơn vị vào thuê xưởng sẽ tiến hành thực hiện các giấy tờ pháp lý về môi trường trước khi hoạt động.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/06/2012 và phụ lục hợp đồng xử lý nước thải số 32-04/PL.HĐNT-SDV-NT ngày 06/06/2023 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi và chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải phát sinh tại dự án. Khí thải, chất thải rắn thải ra môi trường bên ngoài và các vấn đề khác phát sinh trong thời gian hoạt động tại nhà kho thuê lại của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê sẽ do đơn vị thuê lại chịu trách nhiệm trước hạ tầng KCN Nhơn Trạch 2 và các cơ quan có chức năng.

2. Nguyên, nhiên liệu, hoá chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư:

Công ty đã thông báo ngừng sản xuất chỉ cho thuê nhà xưởng nên không sử dụng nguyên, nhiên liệu, hoá chất.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư:

3.1. Loại và khối lượng nước thải dự kiến phát sinh

- Lượng nước cấp cho sinh hoạt cán bộ nhân viên của dự án (3 người):

$$3\times 80 \text{ lít/người/ca} = 0{,}24 \text{ m}^3\text{/ngày}$$

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khi đi vào hoạt động chính thức (công nhân tại khu nhà xưởng cho thuê) dự kiến khoảng 46,16 m^3/ngày (577 người), thành phần chủ yếu của nước thải chứa chủ yếu các loài vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng,... Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải cục bộ của công ty để xử lý trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 2.

- Nước thải sản xuất: dự án ngừng sản xuất chỉ cho thuê nhà xưởng nên không phát sinh nước sản xuất. Các đơn vị thuê nhà xưởng không phát sinh nước thải sản xuất.

- Nước PCCC: Chỉ tiêu cấp nước cho phòng cháy, chữa cháy của dự án là 10 L/s/3 đám cháy trong vòng 2 giờ khoảng 72 m^3/2h. Lượng nước phục vụ cho hoạt động chữa cháy không sử dụng thường xuyên.

Bảng 3: Tổng lượng nước cấp và nước thải phát sinh của Dự án

STT	Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng (m^3/ngày.đêm)	Lượng nước thải (m^3/ngày.đêm)
1	Nước cấp sinh hoạt công nhân viên.	0,24	0,24
2	Nước cấp sinh hoạt công nhân viên tại các nhà xưởng cho thuê.	46,16	46,16
3	Nước cấp sử dụng cho tưới cây, tưới đường.	2	-
4	Nước PCCC	(72)	(72)
Tổng cộng lượng nước sử dụng và cần xử lý (tính cho ngày sử dụng lớn nhất, không tính nước PCCC)		**48,4**	**46,4**

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải dự kiến phát sinh:

Khí thải của dự án phát sinh từ các nguồn như sau:

- Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông: Các phương tiện giao thông của công nhân viên và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào dự án sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu DO. Thành phần các chất ô nhiễm trong khói thải từ các phương tiện chủ yếu là SO_x, NO_x, CO và bụi. Lượng khí này rất khó định lượng vì đây là nguồn phân tán và chịu tác động của nhiều yếu tố tự nhiên khác như chất lượng đường giao thông, tốc độ gió, tính năng kỹ thuật của các phương tiện, chế độ vận hành (khởi động, chạy nhanh, chạy chậm...),...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất: không có.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ cơ sở bao gồm các chất hữu cơ như vỏ trái cây, thực phẩm thừa,... và các chất có nguồn gốc vô cơ như túi nylon, lon, chai, các vật dụng cá nhân hư hỏng.

Chất thải Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại giai đoạn hoạt động dự kiến khoảng 1,5kg/ngày.

3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ cơ sở bao gồm: Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải và giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ.

Bảng 4: Chất thải công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải.	Rắn	08 02 08	TT	2
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ.	Rắn	18 01 05	TT-R	2
Tổng cộng				-	**4**

Đối với chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của các đơn vị thuê nhà xưởng sẽ do đơn vị thuê nhà xưởng chịu trách nhiệm.

3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh:

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải.

Bảng 5: Chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các	Rắn	16 01 06	NH	2

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
	loại thủy tinh hoạt tính thải.				
2	Pin, ắc quy thải.	Rắn	16 01 12	NH	1
Tổng cộng					**3**

Đối với chất thải nguy hại trong quá trình hoạt độngcủa các đơn vị thuê nhà xưởng sẽ do đơn vị thuê nhà xưởng chịu trách nhiệm khi phát sinh.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư:

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải dự kiến phát sinh:

Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom nước mưa của nhà máy đã được tách riêng hoàn toàn so với nước thải. Toàn bộ lượng nước mưa của dự án được thu gom, đấu nối với KCN Nhơn Trạch 2.

Nước mưa trên mái nhà xưởng, khu điều hành, kỹ thuật được thu gom bằng hệ thống cống và mương bê tông cốt thép, đường kính cống bê tông cốt thép D = 400 mm và bề rộng mương bê tông cốt thép W = 300 mm bao quanh khu nhà xưởng cho thuê đặt sát vách tường các hạng mục công trình. Hệ thống thu gom nước mưa cục bộ dẫn nước mưa về hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch 2.

Có tổng 05 vị trí đấu nối nước mưa với KCN gồm 3 điểm trên đường 5A và 2 điểm trên đường 5C.

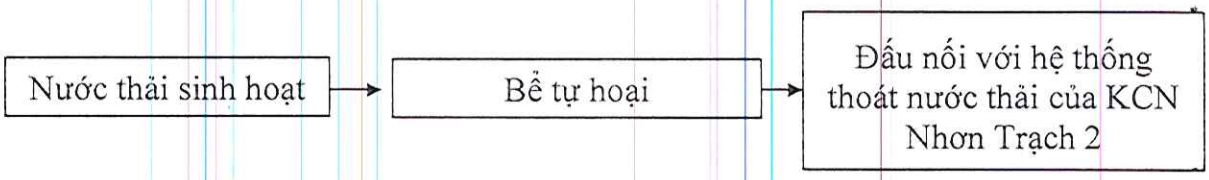
Thu gom, thoát nước thải:

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Nhà máy sẽ xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Đường ống thu gom và thoát nước thải là ống PVC có đường kính D = 114 – 300mm. Bể tự hoại thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt từ khu nhà xưởng cho thuê, nước thải được xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 2 trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN.

Có tổng 02 vị trí đấu nối nước mưa với KCN, 1 điểm trên đường 5A và 1 điểm trên đường 5C.

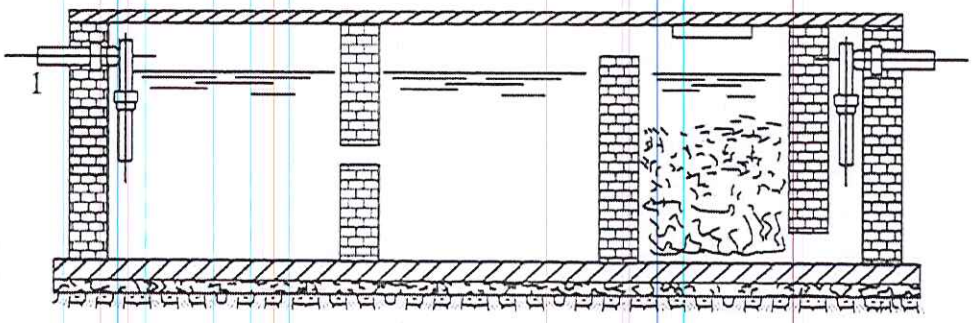
Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn (11 bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt cho khu nhà xưởng, tổng thể tích 67,1 m^3). Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và xử lý cặn lắng. Các ngăn của bể tự hoại được chia làm 2 phần: phần nước thải lắng (phía trên) và phần lên men cặn lắng (phía dưới). Thời gian lưu nước trong bể từ 1 – 3 ngày. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt từ 40 – 60%, phụ thuộc vào nhiệt độ, chế độ quản lý và vận hành. Qua thời gian từ 3 – 6 tháng, cặn lắng lên men yếm khí. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit. Các chất khí tạo nên trong quá trình phân giải (CH_4, CO_2, H_2S,..v.v...) nổi lên kéo theo các hạt cặn khác có thể làm cho nước thải nhiễm bẩn trở lại và tạo nên một lớp váng nổi trên mặt nước. Cặn trong bể tự hoại được lấy theo định kỳ 3 – 6 tháng.



Hình 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án

Bể tự hoại với 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng và ngăn lọc. Cặn được giữ lại trong ngăn chứa từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4, CO_2, H_2S,... Bùn cặn đã phân hủy trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong ngăn lắng một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài ống dẫn, ra hố ga trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải của công ty. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy kị khí.



Hình 4. Hình minh họa bể tự hoại 3 ngăn

1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - ống thông hơi; 3 – Nắp thăm (để hút cặn);

3 – Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo

Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước theo hệ thống thoát nước đấu nối vào HTXLNT tập trung của KCN. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

Không để rơi vãi hóa chất, xăng dầu, xà phòng,... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

Bảng 6: Tính toán bể tự hoại cho nhà xưởng

STT	Thông số	Ký hiệu/ Công thức tính	Vận hành 100% công suất
1	Số công nhân viên	N	580
2	Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại trung bình ngày, lấy bằng 100% lượng nước dùng cho hoạt động vệ sinh cá nhân (m^3/ngày)	Q	46,4
3	Hệ số lưu lượng	K	1,2
4	Thể tích phần nước (m^3)	$W_n = K \times Q$	55,68
5	Thể tích phần bùn (m^3)	$W_b = a \times N \times t \times (100 - P1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P2)/100.000$	10,96
6	Tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người	a = 0,4 – 0,5 l/người.ngày.đêm	0,5
7	Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại	t = 90 – 365 ngày.đêm	90
8	Hệ số tính đến 30% cặn đã được phân hủy	-	0,7
9	Hệ số tính đến 20% cặn được	-	1,2

STT	Thông số	Ký hiệu/ Công thức tính	Vận hành 100% công suất
	giữ lại trong bể tự hoại (lượng vi khuẩn cần thiết để xử lý cặn tươi)		
10	Độ ẩm của cặn tươi %	P1	95
11	Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại %	P2	90
Tổng thể tích bể tự hoại (m^3)		$W = W_n + W_b$	**66,64**

Công ty có 11 bể tự hoại 3 ngăn tổng thể tích 67,1 m^3 đủ khả năng xử lý lượng nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên và đơn vị vào thuê trong quá trình hoạt động ổn định.

4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải dự kiến phát sinh:

Để hạn chế tối đa khả năng gây ảnh hưởng đến người lao động cũng như môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động và hoạt động của các phương tiện giao thông, các đơn vị thuê kho sẽ áp dụng một số các biện pháp sau:

✓ Vệ sinh đường sạch sẽ nhằm hạn chế sự tồn đọng của bụi, đất cát gây phát tán bụi do các phương tiện di chuyển trên đường bộ.

✓ Vào mùa nắng, phun sương sân bãi giảm bụi và hơi nóng do xe ra vào Công ty.

✓ Hạn chế tốc độ lưu thông các phương tiện vận chuyển ra vào trong khu vực.

✓ Bảo dưỡng phương tiện theo đúng định kỳ.

✓ Không để xe nổ máy lâu trong khu vực khuôn viên nhà máy.

✓ Sử dụng máy móc thiết bị hiện đại, khép kín và nguyên vật liệu sạch.

✓ Lắp quạt thông gió trong toàn bộ nhà kho để thông thoáng khu vực.

Chi tiết sẽ do đơn vị thuê kho thực hiện và đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K_v=1; Kp theo tổng lưu lượng các nguồn thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh:

Khối lượng phát sinh chất thải sinh hoạt của nhân viên công ty khoảng 1,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu của chất thải rắn sinh hoạt là các loại bao bì giấy, vỏ đồ hộp, thực phẩm dư thừa được thu gom chứa đựng trong 02 thùng 240 lít có nắp đậy được để bên ngoài khuôn viên công ty và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và mang đi xử lý theo quy định.

Các đơn vị thuê nhà xưởng sẽ bố trí các thùng chứa có nắp đậy rải rác trong văn phòng, khu vực nhà xưởng. Toàn bộ lượng CTR sinh hoạt sẽ được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh:

Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom đặt trong diện tích 18m^2 đựng trong 02 thùng 240 lít có nắp đậy được lưu trữ trong nhà kho của công ty và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và mang đi xử lý theo quy định.

Các đơn vị thuê nhà xưởng sẽ bố trí khu vực thu gom, lưu giữ. Lượng chất thải phát sinh sẽ được đơn vị thuê nhà xưởng chịu trách nhiệm thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý.

4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn nguy hại dự kiến phát sinh:

CTNH sẽ được phân loại và chứa trong các thùng chứa đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa, ...);
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về "Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo".

Do lượng chất thải nguy hại phát sinh là không nhiều nên toàn bộ chất thải này sẽ được bảo quản trong thùng chứa và lưu trong kho chứa chất thải nguy hại

có diện tích 18m^2 có mái che, định kỳ đơn vị thu gom sẽ đến thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Đối với chất thải rắn nguy hại, các đơn vị thuê kho sẽ bố trí khu vực thu gom, lưu giữ. Toàn bộ lượng chất thải phát sinh sẽ được đơn vị thuê kho chịu trách nhiệm thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê – Chủ dự án xin cam kết:

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật bảo vệ môi trường 2020, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây và thực hiện tổ chức tập huấn cho nhân viên ứng phó kịp thời khi có sự cố chập điện và tràn đổ xảy ra, tránh để cháy tràn, cháy lan gây nguy cơ cháy nổ và ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên, Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Kính đề nghị Ủy Ban Nhân Dân xã Phú Hội tiếp nhận đăng ký môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

LƯU VŨ SƠN

PHẦN PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3600758168

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 06 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 24, ngày 18 tháng 10 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THE COUNTRY MANUFACTURING AND TRADING JOINT- STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: T.C JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô số 3, đường 5A Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0986987686* Fax:

Email: *sales@thecountry.com.vn* Website:

3. Vốn điều lệ: 112.768.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm mười hai tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 11.276.800

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LƯU VŨ SƠN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *03/04/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *019083005917*

Ngày cấp: *04/02/2023* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 70, tổ 10, Phường Tân Lập, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 70, tổ 10, Phường Tân Lập, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lê Hoàng Huynh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:10/2024/CV	SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Số Ngày 25/10/2024
V/v thông báo thay đổi mục tiêu hoạt động của công ty (Ngừng mục tiêu sản xuất)	*Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2024*

Kính gửi: Ban Quản Lý các khu công Nghiệp Tỉnh Đồng Nai

Sở tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai

Chúng tôi: Công ty Cổ Phần Sản xuất và Thương Mại Miền Quê

Địa chỉ: lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600758168 đăng ký lần đầu ngày 20/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 18/10/2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai – Phòng đăng ký kinh doanh cấp.

Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 576/BĐK-TNMT ngày 21/07/2006 của dự án thành lập xưởng sản xuất đồ gỗ của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Miền Quê do Sở Tài nguyên và Môi trường – UBND Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hiện tại theo tiến độ đầu tư và hoạt động của công ty, chúng tôi chuyển đổi mục tiêu sản xuất giường, tủ, bàn, ghế sang mục tiêu cho thuê nhà xưởng (không còn sản xuất) tại địa điểm lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai .

Đồng thời, Công ty đang tiến hành điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về mục tiêu hoạt động.

Do đó, Công ty chúng tôi làm văn bản này thông báo đến Quý cơ quan được biết về thay đổi mục tiêu hoạt động của công ty.

Công ty cam kết tuân thủ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty rất mong nhận được sự hỗ trợ của quý cơ quan.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào!

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600758168 CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ H. NHƠN TRẠCH T. ĐỒNG NAI

LƯU VŨ SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2024/CV	----------
V/v thông báo thay đổi mục tiêu hoạt động của công ty (Ngừng mục tiêu sản xuất)	*Đồng Nai, Ngày 24 tháng 10 năm 2024*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI
CÔNG VĂN ĐẾN Số:.....
Ngày: 25/10/24
Chuyển:.....

Kính gửi: Ban Quản Lý các khu công Nghiệp Tỉnh Đồng Nai
Sở tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai

Chúng tôi: Công ty Cổ Phần Sản xuất và Thương Mại Miền Quê

Địa chỉ: lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600758168 đăng ký lần đầu ngày 20/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 18/10/2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai – Phòng đăng ký kinh doanh cấp.

Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 576/BĐK-TNMT ngày 21/07/2006 của dự án thành lập xưởng sản xuất đồ gỗ của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Miền Quê do Sở Tài nguyên và Môi trường – UBND Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hiện tại theo tiến độ đầu tư và hoạt động của công ty, chúng tôi chuyển đổi mục tiêu sản xuất giường, tủ, bàn, ghế sang mục tiêu cho thuê nhà xưởng (không còn sản xuất) tại địa điểm lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai .

Đồng thời, Công ty đang tiến hành điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về mục tiêu hoạt động.

Do đó, Công ty chúng tôi làm văn bản này thông báo đến Quý cơ quan được biết về thay đổi mục tiêu hoạt động của công ty.

Công ty cam kết tuân thủ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty rất mong nhận được sự hỗ trợ của quý cơ quan.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào!

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

LƯU VŨ SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 360075168 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 07/01/2022
Địa chỉ: Lô số 3, đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

DK 538816

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 36 Tờ bản đồ số: 40

b) Địa chỉ: xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

c) Diện tích: 84105,0m² (bằng chữ: tám mươi bốn nghìn một trăm lẻ năm phẩy không mét vuông)

Trong đó: Diện tích được cấp: 84105,0m², Không được cấp: 0,0m²

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 20/06/2047.

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị công nghiệp số 2).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình:

Hạng mục Công trình	Diện tích xây dựng(m²)	Diện tích sàn(m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1. Xưởng SX A	7914,44	7914,44	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
2.Xưởng + Kho thành phẩm A	8760,35	8760,35	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
3. Kho hàng nguyên liệu	4527,87	4527,87	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
4. Nhà ăn + Văn phòng tạm	600,0	600,0	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
5. Nhà bảo vệ	52,8	52,8	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
6. Trạm phát điện	60,0	60,0	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
7. Xưởng SX 10B	3386,05	3386,05	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
8.Xưởng + Kho thành phẩm B	8745,89	8745,89	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
9. Nhà Sấy	4217,5	4217,5	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
10. Nhà khử bụi	79,65	79,65	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
11. Nhà chứa bụi	82,28	82,28	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
12. Nhà nén khí	70,07	70,07	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
13. Nhà vệ sinh	127,8	127,8	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
14. Nhà bảo vệ	15,3	15,3	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
15. Nhà xe	768,0	768,0	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
16. Nhà bảo vệ	26,4	26,4	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
17. Nhà Văn phòng	490,66	1450,66	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
18. Nhà xưởng lô 10C	4586,4	4586,4	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
19. Nhà xưởng lô 01	2917,45	2917,45	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
20. Nhà ăn mở rộng	204,0	204,0	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
21. Phòng máy nén khí	81,4	81,4	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
22. Phòng cấp sơn 2	96,0	96,0	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
23. Nhà xe 2 bánh	1276,0	1276,0	Riêng	Cấp 3	20/06/2047
24. Nhà Silo	15,84	15,84	Riêng	Cấp 4	20/06/2047
25. Nhà kho	483,24	483,24	Riêng	Cấp 4	20/06/2047

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Đăng ký biến động hợp thửa
- Giấy chứng nhận cũ số CG068983 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/03/2017

Đồng Nai, Ngày 23 tháng 8 năm 2023

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐỒNG NAI

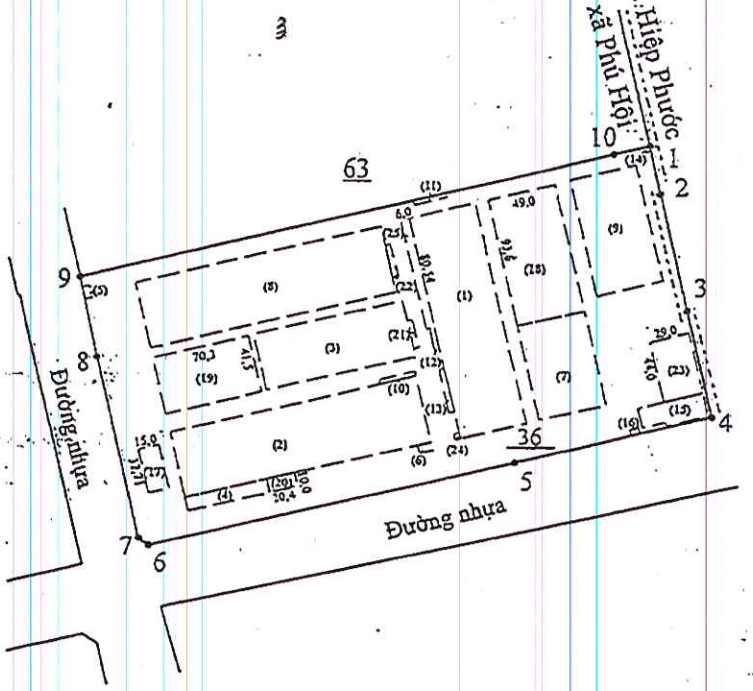
GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Lê Thanh Tuấn

Số vào sổ cấp GCN: CT 73669

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	35,96
2	85,95
3	78,21
4	145,22
5	268,86
6	8,61
7	135,53
8	58,93
9	393,07
10	26,71
1	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

752648523000058

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 36 **Tờ bản đồ số:** 40

Số phát hành GCN: DK538816 **Số vào sổ cấp GCN:** CT 73662

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 23 tháng 8 năm 2023 Chuyển nội dung đăng ký thế chấp từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 068983, ngày 23/03/2017 sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 538816. Cụ thể như sau: Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2015/2697839/HĐBĐ, ngày 21/10/2015 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 02-03/2015/2697839/HĐBĐ ngày 21/11/2015) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn, địa chỉ: Số 1 Đinh Lễ, phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh theo hồ sơ số 004247.TC.002./. (Lý do: Hợp thửa cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI Lê Thanh Tuấn

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: .....

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 102 /GPXD-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 9 năm 2015.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ.**
Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch II, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Được phép xây dựng các công trình: Nhà văn phòng, nhà xưởng lô 01, nhà xưởng lô 10c, nhà ăn (mở rộng), phòng cấp sơn 1 & 2, phòng chứa bao bì, phòng sấy, phòng máy nén khí .

- Do: Công ty Cổ phần Xây dựng T.C.O.N.S lập thiết kế.
- Trên lô đất: Có diện tích: 84.105,00 m^2.
- Chỉ giới xây dựng: Các công trình xây dựng cách hàng rào xung quanh lô đất trên 6m, phù hợp quy hoạch chi tiết của KCN.
- Mật độ xây dựng: 56,26 %.
- Tổng số công trình: 09 công trình chính và công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật.
- Theo thiết kế có ký hiệu: Bản vẽ xin cấp phép xây dựng đính kèm.

2.1. Nhà văn phòng:

+ Diện tích xây dựng: 490,66 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 1450,66 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 4,00 m;
+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 03;
+ Cốt nền xây dựng: + 11,65 m (so với cốt nền đường nội bộ);
+ Màu sắc công trình: Xanh, trắng.

2.2. Nhà xưởng lô 01:

+ Diện tích xây dựng: 2.917,45 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 2.917,45 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 11,85 m; số tầng: 01;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt nền đường nội bộ);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.3. Nhà xưởng lô 10C:

+ Diện tích xây dựng: 4.586,40 m^2;

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 6069 Q.Số: /SCT
Ngày 08 tháng 10 năm 2015
CHỦ TỊCH UBND XÃ HIỆP PHƯỚC

PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Duy Trí

+ Tổng diện tích sàn: 4.586,40 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 11,85 m; số tầng: 01;

+ Cốt nền xây dựng: + 0,40 m (so với cốt nền đường nội bộ);

+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.4. Nhà ăn mở rộng:

+ Diện tích xây dựng: 204,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 204,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 7,25 m; số tầng: 01;

+ Cốt nền xây dựng: + 0,45 m (so với cốt nền đường nội bộ);

+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.5. Phòng cấp sơn 1:

+ Diện tích xây dựng: 52,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 52,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01;

+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ);

+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.6. Phòng cấp sơn 2:

+ Diện tích xây dựng: 96,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 96,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01;

+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ);

+ Màu sắc công trình: Xanh.

2.7. Phòng chứa bao bì:

+ Diện tích xây dựng: 52,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 52,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01;

+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ);

+ Màu sắc công trình: Xanh.

2.8. Phòng sấy:

+ Diện tích xây dựng: 52,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 52,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01;

+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ);

+ Màu sắc công trình: Xanh, xám.

2.9. Phòng máy nén khí:

+ Diện tích xây dựng: 81,40 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 81,40 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01;

+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ);

+ Màu sắc công trình: Xanh, xám.

2.10. Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật: Nhà bơm + bể nước ngầm: diện tích xây dựng: 451,95 m^2.

3. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 900637, BH 900638, BH 900639 ngày 14/02/2012 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Miền Quê.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: theo mặt bằng tổng thể đính kèm.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- Lưu VT, QHXD (Tuan);
9528C.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Cường

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

6. Phải thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

Điều chỉnh nội dung Mục 2:

- Mật độ xây dựng: 56,67 %.

2.5. Phòng cấp sơn 1: không xây dựng.

2.7. Phòng chứa bao bì: không xây dựng.

2.8. Phòng sấy: không xây dựng.

Các hạng mục bổ sung:

2.10. Công trình phụ trợ:

Nhà xe 02 bánh: diện tích xây dựng: 1.276,00 m^2.

2.11. Nhà silo:

- Diện tích xây dựng: 15,84 m^2;
- Tổng diện tích sàn: 15,84 m^2;
- Chiều cao công trình: + 7,00 m;
- Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).

2.12. Nhà kho:

- Diện tích xây dựng: 483,24 m^2;
- Tổng diện tích sàn: 483,24 m^2;
- Chiều cao công trình: + 7,80 m;
- Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt nền đường nội bộ).

Đồng Nai, ngày 21 tháng 4 năm 2016

TRƯỞNG BAN

Lê Tiến Sỹ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình)

BẢN SAO

Kính gửi: Ban quản lý các Khu Công Nghiệp tỉnh Đồng Nai

1. Tên chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH SX VÀ TM MIỀN QUÊ**

Người đại diện theo pháp luật: **HỒ ĐẮC CÔNG MINH**, Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên hệ: Lô số 3, đường 5A, KCN Nhơn Trạch II, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Địa chỉ xây dựng: Lô số 3, đường 5A, KCN Nhơn Trạch II, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Lô đất số: .....Diện tích: 84.000 m^2

3. Giấy phép đã cấp số: 162/GPXD-KCNĐN ngày 04 tháng 09 năm 2015 do Ban quản lý các Khu Công Nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Nội dung đã cấp:

1. Nhà văn phòng:

+ Diện tích xây dựng: 490,66 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 1.450,66 m^2

+ Chiều cao tầng 1: +4,00 m

+ Chiều cao công trình: +4,00 m; số tầng: 03

+ Cốt nền xây dựng: +11,65 m (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: xanh, trắng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 6069 Quyển số: 02 /SCT
Ngày 08 tháng 10 năm 16
CHỦ TỊCH UBND XÃ HIỆP PHƯỚC

PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Duy Trí

2. Nhà kho lô số 01:

+ Diện tích xây dựng: 2.917,45 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 2.917,45 m^2

+ Chiều cao công trình: +11,85 m; số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng: 0,30 m (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: xanh, trắng, xám

3. Nhà xưởng lô 10C:

+ Diện tích xây dựng: 4.586,40 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 4.586,40 m^2

+ Chiều cao công trình: +11,85 m; số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng: 0,40 m (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: xanh, trắng, xám

4. Nhà xưởng ăn mở rộng:

+ Diện tích xây dựng: 204,00 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 204,00 m^2

+ Chiều cao công trình: + 7,25 m; số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng: + 0,45 m (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: xanh, trắng, xám

5. Phòng cấp sơn số 1:

+ Diện tích xây dựng: 52,00 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 52,00 m^2

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng: + 0,00 (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: trắng, xanh, xám

6. Phòng cấp sơn số 2:

+ Diện tích xây dựng: 96,00 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 96,00 m^2

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng: + 0,00 (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: trắng, xanh, xám

7. Phòng chứa bao bì:

+ Diện tích xây dựng: 52,00 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 52,00 m^2

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng: + 0,00 (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: xanh

8. Phòng sấy:

+ Diện tích xây dựng: 52,00 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 52,00 m^2

+ Chiều cao công trình: + 4,00 m; số tầng: 01

+ Cốt nền xây dựng: + 0,00 (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: xanh, xám

9. Phòng nén khí:

+ Diện tích xây dựng: 81,40 m^2

+ Tổng diện tích sàn: 81,40 m^2

2. Nhà Silo:

+ Diện tích xây dựng: 19,98 m2

+ Tổng diện tích sàn: 19,98 m2

+ Chiều cao công trình: + 7,00 m; số tầng 01

+ Cốt nền xây dựng: 0,00 (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: xanh, xám

3. Nhà kho vật tư:

+ Diện tích xây dựng: 475,40 m2

+ Tổng diện tích sàn: 475,40 m2

+ Chiều cao công trình: + 7,88 m; số tầng 01

+ Cốt nền xây dựng: 0,00 (so với cốt nền đường nội bộ)

+ Màu sắc công trình: xanh, xám

5. Đơn vị hoặc người thiết kế điều chỉnh: Công ty Cổ Phần Xây dựng T.CONS

- Chứng chỉ hành nghề số (Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0303249892, đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 4 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

- Địa chỉ: 41 Khu dân cư An Lộc, đường số 32, phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh

- Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):.....cấp ngày.....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: 12 tháng.

7. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Nhơn Trạch, ngày 20 tháng 01 năm 2016

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

M.S.D.N: 3600758168 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ
H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

Hồ Đắc Công Minh

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 72 /SXD-TĐ
V/v: Gia hạn văn bản thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2008

Kính gửi: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê

Ngày 17/01/2008 Sở Xây dựng Đồng Nai đã nhận được văn bản số: 170108/CV-MQ của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê về việc: xin gia hạn xây dựng nhà máy theo văn bản thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được cấp.

Qua xem xét Sở Xây dựng có một số ý kiến như sau:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê đã được Sở Xây dựng chấp thuận thiết kế và cho phép xây dựng tại quyết định số 963/SXD-TĐ ngày 20/07/2006. Hiện nay các hạng mục vẫn chưa được triển khai xây dựng và đã quá thời gian cho phép. Do đó theo quy định để tạo điều kiện cho Công ty có cơ sở thực hiện, Sở Xây dựng thống nhất gia hạn thời gian thực hiện cho các hạng mục đã được phê duyệt theo quyết định số 963/SXD-TD ngày 20/07/2006 của Sở Xây dựng.

Sở Xây dựng thông báo đến Công ty để biết và thực hiện./.

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính
Số chứng thực: 1408 Quyển số: 05 .SCT/BS
Phường 25, ngày 26 tháng 07 năm 2010
Chủ Tịch UBND Phường 25

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

TẠ HUY HOÀNG

Trần Thanh Xuân

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TĐ.
<TMT-2008>

38 Phan Chu Trinh - P.Quang Vinh-Tp. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai.
ĐT (061)3846283 - Fax 384779.
Email: vbxaydung@dongnai.gov.vn.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

Số 963 /SXD-TĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2006

VĂN BẢN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

Công trình : Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê.
Địa điểm : Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, tỉnh Đồng Nai.
Chủ đầu tư : Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê.
Nguồn vốn : Tự có của Công ty.

- Căn cứ nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Căn cứ văn bản số 3375/UBND-CN ngày 07/06/2005 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc phân cấp, uỷ quyền trong quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng, thực hiện Luật Xây dựng trên địa bàn Tỉnh.

- Căn cứ hồ sơ TKKT do: Công ty TNHH Xây lắp điện cơ Full Power Việt Nam lập.

- Văn bản xin thẩm định TKKT công trình của Chủ đầu tư.

Sở Xây Dựng đã xem xét thẩm định hồ sơ TKKT công trình: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê, với nội dung và kết quả như sau:

I. HỒ SƠ PHÁP LÝ THẨM ĐỊNH TKKT:

- Dự án đầu tư của: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê: 4702001597 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/06/2006.

- Hợp đồng thuê đất số: 137/HĐ-TLĐ ngày 15/07/2005 của Công ty Xây dựng dân dụng công nghiệp số 2 cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê thuê: 84.000m^2 tại KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để xây dựng nhà máy theo giấy phép đăng ký kinh doanh được cấp (kèm theo biên bản và sơ đồ cắm mốc giao đất.)

- Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của dự án số 576/BĐK-TNMT ngày 21/7/2006 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế và thiết bị PCCC số 217/TD - PC23 ngày 20/06/2006 của Công An Tỉnh Đồng Nai.

Số 38 Phan Chu Trinh-Tp.Biên Hòa-Tỉnh Đồng Nai
Số ĐT: (061)846283. Số Fax: 847795

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH:

1. Tính hợp lệ của hồ sơ thiết kế :

- Hồ sơ thiết kế công trình được lập do: Công ty TNHH Xây lắp điện cơ Full Power Việt Nam thực hiện trên cơ sở sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng Việt Nam hiện hành, phù hợp với chức năng hành nghề được quy định trong chứng chỉ hành nghề được cấp.

- Hồ sơ TKKT công trình được lập phù hợp với quy chuẩn xây dựng của Việt Nam, đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy.

2. Về giải pháp kiến trúc, xây dựng và những vấn đề lưu ý sửa đổi bổ sung:

2.1 Xưởng sản xuất 10a:

Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 8232m^2. Kết cấu chịu lực chính là móng đơn trên nền thiên nhiên, kết cấu vì kèo thép cột BTCT, mái lợp tôn xà gồ thép, tường bao che xây gạch, nền BTCT.

Lưu ý chung:

- Nghiên cứu thiết kế bổ sung cửa thoát hiểm, lưu ý cửa thoát hiểm thiết kế mở ra ngoài (các cửa cuốn cửa kéo không tính là cửa thoát hiểm).
- Đề nghị thiết kế móng khe lún thay cho móng khe co dãn
- Móng M-1, 2, 3 chiều cao đài móng h_m=500 đề nghị tăng thành 600.
- Dầm D-5 thép gối, nhịp 3Ø22 đề nghị tăng thành 4Ø22.
- Bố trí thêm giằng mái trục 7-8 và 21-22/A-G

2.2 Xưởng+kho thành phẩm A:

Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 9114m^2. Kết cấu chịu lực chính là móng đơn trên nền thiên nhiên, kết cấu vì kèo thép cột BTCT, mái lợp tôn xà gồ thép, tường bao che xây gạch, nền BTCT.

Lưu ý chung:

- Nghiên cứu thiết kế bổ sung cửa thoát hiểm, lưu ý cửa thoát hiểm thiết kế mở ra ngoài (các cửa cuốn cửa kéo không tính là cửa thoát hiểm).
- Móng M-1, 2, 3 chiều cao đài móng h_m=500 đề nghị tăng thành 600.
- Dầm D5 thép gối, nhịp 3Ø22 đề nghị tăng thành 4Ø22.
- Đề nghị bố trí thêm hệ giằng mái trục 6-7 và 16-17; 27-28/A-G.

2.3 Kho hàng nguyên liệu:

Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 6370m^2. Kết cấu chịu lực chính là móng đơn trên nền thiên nhiên, kết cấu vì kèo thép cột BTCT, mái lợp tôn xà gồ thép, tường bao che xây gạch, nền BTCT.

Lưu ý chung:

- Nghiên cứu thiết kế bổ sung cửa thoát hiểm, lưu ý cửa thoát hiểm thiết kế mở ra ngoài (các cửa cuốn cửa kéo không tính là cửa thoát hiểm).
- Móng M-1, 2, 3 chiều cao đài móng h_m=500 đề nghị tăng thành 600.
- Dầm D-5 thép gối, nhịp 3Ø22 đề nghị tăng thành 4Ø22.

2.4 Văn phòng-trưng bày sản phẩm:

Quy mô 2 tầng, diện tích xây dựng 2684m^2. Kết cấu chịu lực chính là móng đơn trên nền thiên nhiên, hệ dầm sàn cột BTCT, mái ngói, tường bao che xây gạch, nền lát gạch ceramic.

Lưu ý chung:

- Bổ sung tên các phòng chức năng.
- Bước gian 8m đề nghị thiết kế móng phụ đỡ đà kiềng.
- Mặt bằng bố trí đà kiềng không đáp ứng được khả năng chịu lực tại vị trí xây tường ngăn của kiến trúc. Đề nghị kết cấu xem lại.
- Vị trí dầm trục 1-2 và 5-6 không khớp bản vẽ kiến trúc.
- Đan thang cầu thang thép chịu lực Ø10 a=200 đề nghị tăng thành Ø12 a=110.

2.5 Nhà ăn:

Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 648,5m^2. Kết cấu chịu lực chính là móng đơn trên nền thiên nhiên, hệ dầm sàn cột BTCT, mái ngói, tường bao che xây gạch, nền lát gạch ceramic.

Lưu ý chung:

- Đề nghị không thiết kế vệ sinh riêng cho các phòng nghỉ
- Lưu ý không sử dụng phòng nghỉ làm nơi cư trú lâu dài trong nhà máy.
- Dầm D1, D2 tiết diện 20x30 đề nghị tăng thành 20x40.
- Xà gồ kích thước 40x60x2,5 đề nghị tăng thành 50x100x2,5.

2.6 Các hạng mục công trình phụ và hạ tầng kỹ thuật khác:

- Nhà bảo vệ (gồm 3 nhà)

Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng: 3x39,6m^2= 118,8m^2.

- Nhà xe 2 bánh (gồm 4 nhà):

Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng: 157,5x4=630m^2.

- Trạm phát điện:

Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng: 104,4m^2.

- Hồ nước:

Diện tích xây dựng: 60m^2.

- Mái che:

Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng: 63,4m^2.

- Bể nước-thủy đài:

Diện tích xây dựng: 121m^2.

- Cổng tường rào, Cấp thoát nước, cấp điện, chống sét, cây xanh, sân đường nội bộ.

Tuy nhiên cần lưu ý thực hiện :

- Cổng tường rào: Đề nghị thiết kế móng lệch tâm để đế móng nằm trong khuôn viên đất được cấp, cách khoảng 30m bố trí móng khe lún.

- Nhà xe 2 bánh : Bố trí thêm hệ giằng mái trục 1-2; 7-8.

- Trạm phát điện: Ô sàn 3mx6m đề nghị bố trí thép momen âm theo phương dài và ngắn. Dầm Dk1:20x30 đề nghị tăng thành 20x40, đề nghị tăng thép đoạn từ trục 3-4. Dầm Ds1: 20x35 đề nghị tăng thành 20x40 thép gối, nhịp 3Ø18 đề nghị tăng thành 3Ø20, nhịp 3-4: 20x35 đề nghị tăng thành 20x50.

- Hồ nước: Đề nghị bổ sung bản vẽ phần kết cấu.

- Mái che: Đề nghị bổ sung kích thước qui cách xà gồ.

- Bể nước-thủy đài: Bản thép đáy Ø8 đề nghị tăng thành Ø10, đề nghị đặt thêm thép momen gối theo cấu tạo. Thành bố trí thép chịu lực Ø10 a=200 đề nghị tăng thành Ø10 a=150 đề nghị tăng cường vút giữa thành và bản đáy.

- Bổ sung bản vẽ đo đạc hiện trạng khu đất.

- Bổ sung bãi chứa phế liệu và phương án xử lý chất thải rắn.

III. Kết luận :

- Chấp thuận thiết kế kỹ thuật xây dựng hạng mục công trình: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê của chủ đầu tư là: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê.

- Công trình chỉ được tiến hành khởi công xây dựng khi có đủ các điều kiện sau :

+ Chủ đầu tư và tổ chức thiết kế căn cứ vào ý kiến đã nêu trên để hoàn chỉnh thiết kế và các hồ sơ pháp lý liên quan trước khi khởi công xây dựng công trình.

+ Phải chuẩn bị đủ điều kiện đảm bảo an toàn xây dựng để khởi công công trình.

+ Có hợp đồng giao nhận thầu xây lắp hợp pháp với đơn vị có tư cách pháp nhân.

- Trong quá trình thực hiện đề nghị Chủ đầu tư cần chấp hành các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ đã được thõa thuận và phê chuẩn.

- Các tổ chức thiết kế công trình và chủ đầu tư, phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Cty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê;
- Phòng Thẩm Định;
- Lưu: VT, TĐ.

<Toàn-TD>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH ĐỒNG NAI

NGUYỄN NGỌC DUNG

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 1532./CSPCCC-PC

V/v trả lời ý kiến về công tác PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Kính gửi: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê.

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.

Qua xem xét Hồ sơ thiết kế và Công văn của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Miền Quê, địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai về việc xin ý kiến công tác PCCC

Đối chiếu các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn PCCC hiện hành, Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận thiết kế các mái che tại nhà xưởng và nhà kho theo đề nghị của Công ty, cụ thể:
   - Mái che (8,924x46,13)m^2 giữa nhà xưởng 03 và văn phòng;
   - Mái che (10x60)m^2 giữa nhà xưởng 03 và nhà kho 01;
   - Mái che (10,7x35)m^2 giữa nhà xưởng 04 và nhà kho 01;
   - Mái che (9,8x26,7)m^2 giữa nhà xưởng 04 và nhà kho 02;
   - Mái che (9,8x54)m^2 giữa nhà xưởng 04 và nhà kho 02, Nhà kho 01;
   - Mái che (12,905x47,3)m^2 giữa nhà xưởng 04, nhà kho 02 và nhà xưởng 10A;
   - Mái che (14,948x33,2)m^2 giữa nhà kho 02 và nhà xưởng 10A;
   - Mái che (9,5x56)m^2 giữa nhà xưởng 10C và kho gỗ.

2. Khu vực bên dưới mái che không được chứa hàng hóa, chỉ sử dụng với mục đích che nắng, che mưa trong quá trình công nhân di chuyển.

3. Thi công theo hồ sơ thiết kế đã được chấp thuận của Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai và đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Giám đốc (báo cáo);
- Phòng CS PC&CC số 3 (theo dõi);
- Lưu: P1, P2.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Quang Nhân

<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai 301568601740.00 Số tờ khai đầu tiên - /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình B11 9 Mã số thuế đại diện 9403
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai NTRACHDN Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 17/10/2017 16:24:50 Ngày thay đổi đăng ký / /
Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Vanning
Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng
Mã 1 2 3 4 5
Tên
Địa chỉ

Số container

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20
21	22	23	24	25
26	27	28	29	30
31	32	33	34	35
36	37	38	39	40
41	42	43	44	45
46	47	48	49	50

Chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

CÔNG TY TNHH
SX- TM MIỀN QUÊ

Số: 03/CV-TT

"V/v đề nghị cho phép đưa vào hoạt động"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày tháng 8 năm 2017

Kính gửi: CẢNH SÁT PC&CC SỞ TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG HD CHỈ ĐẠO VỀ PC

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy,

Nghị định số 79/2014/NĐ – CP ngày 31/07/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ – CP ngày 31/07/2014 của Chính Phủ;

Để đảm bảo công tác an toàn Phòng cháy và chữa cháy đối với Công ty TNHH SX và TM Miền Quê.

Địa chỉ: Lô số 3, đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất tủ, giường, bàn, ghế và các sản phẩm đồ gỗ gia dụng.

Công ty chúng tôi có nhu cầu sử dụng một số mái che dùng để che nắng, che mưa khi nhập hàng, ở những khu vực như sau:

+ Mái che giữa xưởng 03 và văn phòng
+ Mái che giữa xưởng 03 và kho 01
+ Mái che giữa xưởng 04 và kho 01
+ Mái che giữa xưởng 04 và kho 02
+ Mái che giữa xưởng 04 và kho 02; kho 01
+ Mái che giữa xưởng 04; kho 02 và xưởng 10A
+ Mái che giữa xưởng kho 02 và xưởng 10A
+ Mái che giữa xưởng 10C và kho gỗ

Vì vậy Công ty chúng tôi xin ý kiến Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai tạo điều kiện chấp thuận về việc lắp mái che để che nắng, che mưa để cho công ty thuận việc đề nghị trên đưa vào sử dụng theo quy định.

Hồ sơ gửi kèm gồm có:

+ 01 Công văn xin trả lời ý kiến về việc sử dụng mái che.
+ Bản vẽ kèm theo.
+ 01 Bản sao giấy chứng nhận đầu tư của công ty.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!...

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HCNS.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Hồ Đắc Công Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 32/HĐNT-SDV-NT

- *Căn cứ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;*
- *Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 về việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường;*
- *Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 137/HĐ-TLĐ ngày 15/07/2005 giữa Công ty TNHH SX-TM Miền Quê và Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2.*

Hôm nay, ngày 01 tháng 6 năm 2012, tại văn phòng Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sonadezi, chúng tôi gồm có:

BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH SX-TM MIỀN QUÊ
- Địa chỉ : Lô 3, Đường 5A,KCN Nhơn Trạch 2, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0613.569.720 Fax: 0613.569.721
- Số tài khoản : 072.100.051.682.2 Ngân Hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Kỳ Đồng
- Mã số thuế : 3600758168
- Người đại diện : Ông **HỒ ĐẮC CÔNG MINH**
- Chức vụ : Giám Đốc

BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI
- Địa chỉ : Số 22B, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Biên Hòa, Đồng Nai
- Điện thoại : 061. 8890 888 Fax: 061. 8890 199
- Số tài khoản : 0481000043367 Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – CN Biên Hòa
- Mã số thuế : 3600890938
- Người đại diện : Bà **LƯƠNG MINH HIỀN**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC.

1.1. Bên A thuê Bên B xử lý nước thải phát sinh từ nhà máy của Bên A tại lô số 3 đường 5A Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Tỉnh Đồng Nai (mặt bằng theo bản vẽ đính kèm).

1.2. Bên B nhận và xử lý nước thải của Bên A đạt giới hạn cho phép theo qui định tại cột B của quy chuẩn nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT) và theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt nam.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI.

2.1. Thành phần và tính chất nước thải của bên A chảy vào hệ thống thoát nước thải của KCN:

2.1.1. Thành phần và nồng độ nước thải của Bên A khi chảy vào hệ thống thu nước thải của KCN không vượt quá trị số giới hạn qui định theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng này.

2.1.2. Ngừng dịch vụ xử lý nước thải:

Bên A cam kết có biện pháp và chịu trách nhiệm tự kiểm soát tính chất nước thải trong phạm vi nhà máy cho phù hợp với yêu cầu tại Phụ lục 1. Trong quá trình sản

xuất, nếu xảy ra trường hợp thành phần và nồng độ nước thải từ nhà máy chảy vào hệ thống thu nước thải của khu công nghiệp không đảm bảo theo qui định như trên, Bên B sẽ thông báo đề nghị Bên A khắc phục.

+ Sau 15 ngày, nếu Bên A chưa khắc phục, Bên B ra thông báo lần hai; nếu sau 15 ngày tiếp theo mà Bên A vẫn chưa khắc phục thì Bên B ngưng tiếp nhận nước thải, đồng thời yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngưng cung cấp nước sạch cho Bên A. Ngoài ra Bên B sẽ tính thêm phí xử lý cho việc nước thải xả vào hệ thống không đạt giới hạn tiếp nhận.

+ Trường hợp tính chất nước thải của Bên A gây ảnh hưởng xấu đến hệ thống xử lý nước thải của Bên B, Bên B sẽ lập Biên bản và yêu cầu Bên A khắc phục ngay. Nếu Bên A không khắc phục, Bên B được quyền ngưng tiếp nhận nước thải và yêu cầu đơn vị cấp nước ngừng cung cấp nước sạch; đồng thời, Bên B sẽ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm các điểm nêu ở mục 2.1.1. và 2.1.2. trên đây mà gây thiệt hại cho Bên B thì Bên A phải bồi thường hoặc chi trả thêm cho Bên B chi phí phát sinh do những thiệt hại đó.

2.2. Vị trí và điều kiện kỹ thuật khác:

Nước thải của Bên A được Bên B tiếp nhận khi hệ thống thoát nước thải từ nhà máy của Bên A được đấu nối đúng vị trí vào hệ thống thu nước thải của KCN và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định tại Biên bản làm việc về việc xác nhận vị trí đấu nối nước thải, nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch 2 ngày 14/5/2012 đã ký giữa Công ty D2D, Công ty SDV và Công ty TNHH SX-TM Miền Quê.

ĐIỀU 3: PHÍ XỬ LÝ, KHỐI LƯỢNG TÍNH PHÍ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN.

3.1. Phí xử lý nước thải:

3.1.1. Phí xử lý nước thải sẽ được tính bằng đồng tiền VNĐ/m^3 nước thải và được xác định từng năm. Phí xử lý nước thải áp dụng cho cả năm 2012: **5.883 VNĐ/m^3** nước thải (tương đương 0,28 USD/m^3 nước thải) - đơn giá chưa bao gồm thuế VAT.

+ Đơn giá này được áp dụng trong trường hợp thành phần và nồng độ nước thải của Bên A đạt yêu cầu theo quy định tại Phụ lục 1.

+ Bên A thực hiện thanh toán thuế VAT theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Bên A trả phí xử lý nước thải cho Bên B kể từ ngày 01/6/2012

3.1.2. Trong trường hợp Bên A có yêu cầu xử lý nước thải có thành phần và nồng độ không đáp ứng giới hạn qui định tại Phụ lục 1 thì Bên A phải báo cho Bên B biết để có những thỏa thuận khác trước khi thực hiện. Bên B có quyền từ chối hoặc gia hạn hợp đồng có điều kiện.

3.2. Lượng nước thải tính phí:

Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% lượng nước sạch ghi trên hóa đơn cấp nước cho nhà máy của Bên A.

Lượng nước thải tối đa Nhà máy Xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp tiếp nhận từ Nhà máy của Bên A là **20m^3/ngày**. Trường hợp Bên A muốn tăng lượng nước thải lên trên 20 m^3/ngày thì Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B và được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên B trước thời điểm cần tăng lượng nước thải ít nhất là 06 (sáu) tháng.

3.3. Điều chỉnh phí thoát nước:

Phí xử lý nước thải sẽ được xem xét điều chỉnh trong trường hợp có biến động về giá (gồm các loại giá cả chủ yếu như điện, nước, hóa chất, công lao động) hoặc có sự thay đổi về chính sách của Nhà nước và quy định của Khu Công nghiệp hoặc do hai Bên thỏa thuận.

3.4. Phương thức và thời hạn thanh toán:

3.4.1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.

3.4.2. Thời hạn thanh toán: Hàng tháng Bên B sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên A và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B.

3.4.4. Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A nếu không nhận được khoản thanh toán sau 2 kỳ giấy báo liên tiếp và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên A.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN.

4.1. Trách nhiệm của Bên A:

4.1.1. Thực hiện các cam kết ghi trong Hợp đồng này.

4.1.2. Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo qui định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

4.1.3. Không sử dụng các nguồn nước ngoài nguồn nước sạch cấp qua đồng hồ. Trường hợp Bên A được phép sử dụng các nguồn nước khác (nước ngầm, nước mặt, nước mưa...) thì phải báo cho Bên B biết để thảo luận trước khi sử dụng. Bên A sẽ phải trả đầy đủ mọi thiệt hại cho Bên B khi sử dụng các nguồn nước khác (nước ngầm, nước mặt, nước mưa....) không được sự chấp thuận của Bên B.

4.1.4. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên A phải tuân thủ các luật hiện hành về Môi trường.

4.2. Trách nhiệm của Bên B:

4.2.1. Thực hiện việc xử lý như qui định tại mục 1.2

4.2.2. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên A trong phạm vi qui định của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG.

Hợp đồng có thời hạn đến hết ngày 31/12/2018.

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

6.1. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

6.1.1. Khi hết thời hạn như qui định tại điều 5 của Hợp đồng này.

6.1.2. Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.1 của Hợp đồng này.

6.1.3. Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

6.1.4. Hai bên không thống nhất được phí xử lý nước thải quy định tại điều 3.1 trên cơ sở Biên bản ghi nhớ ngày 01/6/2012.

6.2. Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A vẫn phải trả đủ cho Bên B các khoản phí xử lý chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại KCN.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

7.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này trên tinh thần hiểu biết và hợp tác.

7.2. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

7.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỄN QUÊ	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI
Hồ Đắc Công Minh	TỔNG GIÁM ĐỐC Tương Minh Hiện

PHỤ LỤC 1

Giới hạn tiếp nhận và tiêu chuẩn nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch II

Áp dụng kể từ ngày 01/03/2012

1. Giới hạn tiếp nhận vào nhà máy XLNT:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
1	pH	-	5 -10
2	Màu sắc (ở pH=7)	Co-Pt	150
3	BOD_5 (20°C)	mg/l	200
4	COD	mg/l	400
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
6	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	30
8	Tổng phốt pho	mg/l	8
9	Tổng Nitơ	mg/l	40
10	Coliform	MPN/100ml	10.000
11	Amoniac (tính theo N)	mg/l	20
12	Sulfua	mg/l	1
13	Nhiệt độ	°C	32
14	Asenic	mg/l	0,1
15	Thủy ngân	mg/l	0,01
16	Chì	mg/l	0,5
17	Cadimi	mg/l	0,01
18	Crom VI	mg/l	0,1
19	Crom III	mg/l	1
20	Đồng	mg/l	2
21	Kẽm	mg/l	3
22	Niken	mg/l	0,5
23	Mangan	mg/l	1
24	Sắt	mg/l	5
25	Thiếc	mg/l	1
26	Xianua	mg/l	0,1
27	Phenol	mg/l	0,5
28	Clo dư	mg/l	2
29	PCBs	mg/l	0,01
30	Hoá chất BVTV: Lân hữu cơ	mg/l	1
31	Hoá chất BVTV: Clo hữu cơ	mg/l	0,1
32	Florua (F^-)	mg/l	10
33	Clorua (Cl^-)	mg/l	1000
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

2. Tiêu chuẩn nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải

Tiêu chuẩn nước thải đầu ra của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhơn Trạch II được áp dụng theo Quy chuẩn số QCVN 40:2011/BTNMT.

Phụ lục này sẽ được điều chỉnh khi Nhà nước điều chỉnh QCVN 40:2011/BTNMT hoặc/ và ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn mới.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GHI NHỚ
Về việc thông báo phí xử lý nước thải

- *Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/6/2012 giữa Công ty TNHH SX-TM Miền Quê và Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi*

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2012, tại văn phòng Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sonadezi, chúng tôi gồm có:

BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH SX-TM MIỀN QUÊ
- Địa chỉ : Lô số 3,Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Đồng Nai
- Điện thoại : 0613.569.720 Fax: 0613.569.721
- Người đại diện : Ông **HỒ ĐẮC CÔNG MINH**
- Chức vụ : Giám Đốc

BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI
- Địa chỉ : Số 22B, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2
- Điện thoại : 061. 8890 888 Fax: 061. 8890 199
- Người đại diện : Bà **LƯƠNG MINH HIỀN**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký biên bản làm việc này để thống nhất cách thức thông báo phí xử lý nước thải của hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/6/2012 với nội dung sau:

Định kỳ vào tháng 12 của mỗi năm, Bên B sẽ thông báo phí xử lý nước thải (bằng tiền Việt Nam đồng) của năm kế tiếp cho Bên A (trên cơ sở tham khảo đơn giá xử lý nước thải được quy định cho KCN Nhơn Trạch 2 là 0,28 USD/m^3 nước thải nhân với tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương tại thời điểm thông báo).

Đơn giá này được áp dụng trong trường hợp thành phần và nồng độ nước thải của Bên A đạt yêu cầu theo quy định tại Phụ lục 1 tại hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT, ngày 01/6/2012 đã ký giữa hai bên.

Hai bên cùng thống nhất với các nội dung trên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có cùng giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Đắc Công Minh	Lương Minh Hiền

C.TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI
BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 32-04/PL.HĐNT-SDV-NT

- *Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/06/2012 và phụ lục hợp đồng đã ký giữa Công ty TNHH SX và TM Miền Quê và Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi,*

Hôm nay, ngày 06 tháng 06 năm 2023, chúng tôi gồm có:

BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH SX VÀ TM MIỀN QUÊ

- Địa chỉ : Lô 3, đường 75A, KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251 3569 720
- Mã số thuế : 3600758168
- Người đại diện : Ông **NGUYỄN TIẾN THỌ**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : 0251 8890 888 Fax: 0251 8890 199
- Số tài khoản : 67210000362939 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh KCN Biên Hòa
- Mã số thuế : 3600890938
- Người đại diện : Bà **ĐẶNG THỊ NGỌC HÀ**
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 344/SDV-KD ngày 30/5/2022)

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: Gia hạn Hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/06/2012 như sau:

Gia hạn Hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/06/2012 đến hết ngày 05/6/2028.

ĐIỀU 2: Điều khoản chung

- Tất cả những nội dung không nêu trong phụ lục Hợp đồng này đều được thực hiện theo Hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/06/2012 và phụ lục Hợp đồng đã ký giữa hai Bên và Luật pháp Việt Nam.
- Phụ lục này là một phần pháp lý không thể tách rời Hợp đồng xử lý nước thải số 32/HĐNT-SDV-NT ngày 01/06/2012.

– Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ	ĐẶNG THỊ NGỌC HÀ

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CS.PCCC
Số:217 /TD - PC23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
--------oOo--------

PC07:.....38.....

Biên Hòa, ngày 20 tháng 06 năm 2006

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PCCC

- *Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.*
- *Căn cứ vào nghị định số 35/2003/NĐ – CP ngày 04/04/2003 chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.*
- *Căn cứ vào thông tư 04/2004/TT – BCA ngày 31 tháng 03 năm 2004 của Bộ công an.*

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
CHỨNG NHẬN

Công trình : NHÀ MÁY GỖ XUẤT KHẨU MIỀN QUÊ.
Địa điểm : KCN NHƠN TRẠCH III – ĐN.
Chủ đầu tư : CTY TNHH SX VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ.
Đơn vị thiết kế : CÔNG TY CP FULL POWER.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau :*Bậc chịu lửa, hạng sản xuất, lối và đường thoát nạn, đường giao thông xe chữa cháy, khoảng cách an toàn PCCC, diện tích sàn cho phép, hệ thống cấp nước chữa cháy, báo cháy tự động, chống sét đánh thẳng, hệ thống điện*

Theo bản vẽ kỹ thuật kèm theo : BVTT A1-01÷BCTT-07; Văn phòng : A2-01÷A2-03;A3-01÷A304;A4-01÷A4-02;Kho nguyên liệu : A2-01;A2-02;A3-01÷A3-06; A4-01÷A4-03; S-F02-01÷S-F02-14; Xưởng sản xuất + kho thành phẩm A : A2-01÷A2-03;A3-01÷A3-04; A4-01÷A4-03;S-W-01÷S-W-15; Xưởng sản xuất (10a): A2-01;A2-02;A3-01÷A3-04;A4-01÷A4-03;S-10-01÷S-10-12. Cấp nước, báo cháy, chống sét đánh thẳng : BCCC01/05÷BCCC05/05.

Các yêu cầu kèm theo :

1. Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho kho thành phẩm A (03) theo quy định TCVN4317-86. Hệ thống báo cháy tự động lắp tại kho nguyên liệu thì diện tích bảo vệ của 01 kênh (Zone) báo cháy không được lớn hơn 500m², trung tâm báo cháy phải có số lượng kênh báo cháy dự trữ là 10%. Tiết diện từng dây tín hiệu trục chính > 0,4mm², dây tín hiệu bằng lõi đồng tiết diện > 0,75mm² ~ 1mm. Thi công lắp đặt hệ thống báo cháy tự động phải theo TCVN5738-2000.

2. Lắp đặt bổ sung kim thu sét tại nhà xưởng – kho thành phẩm A (03), kim thu sét có bán kính bảo vệ hết hạng mục nhà xưởng-kho thành phẩm A. Bổ sung 01 dây thoát sét xuống hệ thống tiếp địa của kim thu sét lắp đặt xưởng sản xuất A (10a), điện trở hệ thống tiếp địa < 10Ω

3. Máy bơm chữa cháy có lưu lượng ≥ 30l/s, Nguồn điện cung cấp cho máy bơm điện phải độc lập với các nguồn điện khác. Bể nước dự trữ chữa cháy có khối tích 324m³ và cách công trình 10m. Bổ sung trụ nước chữa cháy ngoài nhà cho hệ thống cấp nước chữa cháy, khoảng cách các trụ 150m/01 trụ và trụ cách công trình ≥ 5m. Trên các nhánh đường ống cấp nước chữa cháy lắp đặt van chặn.

4. Theo chu vi nhà xưởng và kho ≤ 75m thiết kế 01 cửa thoát nạn mở ra ngoài, cửa có chiều rộng 0,8m, chiều cao 2m.

5. Nhà kho có tiện tích ≥ 1000m² bảo quản hàng hóa cháy được phải trang bị thiết bị chữa cháy tự động theo qui định 4.3TCVN4317-86.

6. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu cho nhà xưởng theo TCVN5760-1993 và theo hướng dẫn của cơ quan CSPCCC – CAĐN.

Nơi nhận :
- *Chủ đầu tư.*
- *Lưu PC23.*

TL.GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỞNG PHÒNG CS. PCCC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số: 180 /SĐK-CCBVMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 6 năm 2015

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 75.000813.T

(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH SX TM Miền Quê.

Địa chỉ văn phòng: Lô 3, KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061.3569721 Fax: 061.3569720

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600758168 do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/6/2005, chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2014.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế sổ đăng ký có mã số QLCTNH 75.001289.T cấp lần 1 ngày 22/5/2009)./.

Nơi nhận:
- Như phần I;
- Sở TN&MT (báo cáo);
- P.ĐKTNMT (phối hợp);
- Lưu: VT, P.KSON(3b).

D/Cuong/SoCNT/nam2015/T6/CTyMienQue.doc

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trần Trọng Toàn

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 75.000813.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 05 tháng 6 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Công ty TNHH SX TM Miền Quê.

Địa chỉ: Lô 3, KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061.3569721 Fax: 061.3569720

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600758168 do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/6/2005, chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2014.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	90	16 01 06
2	Hộp mực in thải	Rắn	06	08 02 04
3	Nhớt bôi trơn thải	Lỏng	100	17 02 03
4	Giẻ lau dính dầu nhớt, xơ dừa dính sơn, giẻ lau dính sơn	Rắn	9.720	18 02 01
5	Bao bì mềm thải	Rắn	360	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	1.020	18 01 02
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	600	18 01 03
8	Cặn sơn thải	Rắn	2.400	08 01 01
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	40	19 06 01
	Tổng số lượng		**14.336**	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Giẻ chà nhám, lau sạch bề mặt gỗ	Rắn	10.000
2	Mùn cưa	Rắn	216.000
3	Nhóm giấy bao bì vụn	Rắn	5.400
4	Chất thải sinh hoạt	Rắn	24.000
	Tổng số lượng		**255.400**

3	Keo dán gỗ	Kg	27.000
4	Thuốc chống ẩm	Kg	8.280
5	Xăng thơm	Lít	405.000

2.2. Danh mục sản phẩm và số lượng trong 1 năm:

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
1	Bàn	Cái	120 container 40"
2	Tủ	Cái	
3	Ghế	Cái	
4	Giường	Cái	

3. Dữ liệu về chất thải:

3.1. Chất thải nguy hại phát sinh trung bình trong 1 năm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	90	16 01 06
2	Hộp mực in thải	Rắn	06	08 02 04
3	Nhớt bôi trơn thải	Lỏng	100	17 02 03
4	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại thải	Rắn	9.600	18 02 01
5	Bao bì mềm thải	Rắn	360	18 01 01
6	Cặn sơn thải	Rắn	2.400	08 01 01
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	1.020	18 01 02
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	600	18 01 03
9	Xơ dừa dính sơn thải	Rắn	120	18 02 01
10	Pin/ ắc quy chì thải	Rắn	40	19 06 01
	Tổng số lượng		14.336	

3.2. Danh sách chất thải thông thường phát sinh trung bình trong 1 năm

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ chà nhám, lau sạch bề mặt gỗ	Rắn	10.000
2	Mùn cưa	Rắn	216.000
3	Nhóm giấy bao bì vụn	Rắn	5.400
4	Chất thải sinh hoạt	Rắn	24.000
	Tổng số lượng		255.400

CÔNG TY TNHH SX &TM MIỀN QUÊ

Số: 002/2015/ĐXMT-MQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày 24 tháng 04 năm 2015

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

(Cấp lại lần 2)

Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải
Mã số QLCTNH: 75.000818.T
do Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh
Đồng Nai cấp lần 02 ngày 05/6/2015

Kính gửi: **Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đồng Nai**

1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:

1.1. Tên chủ nguồn thải:

- Tên công ty: Công ty TNHH SX TM MIỀN QUÊ
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 3, KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 061.3569721 Fax: 061.3569720
- Loại hình kinh doanh: Sản xuất đồ gỗ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4702001597 chứng nhận lần đầu ngày 20/06/2005; chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Tên người liên hệ *(trong quá trình tiến hành thủ tục):* Hồ Đắc Công Minh; Chức vụ: Giám đốc.

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH

- Tên cơ sở: Công ty TNHH SX TM MIỀN QUÊ
- Địa chỉ nhà máy: Lô 3, KCN Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 061. 3569721 Fax: 061. 3569720
- Loại hình kinh doanh: Sản xuất đồ gỗ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4702001597 chứng nhận lần đầu ngày 20/06/2005; chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Tên người liên hệ *(trong quá trình tiến hành thủ tục):* Hồ Đắc Công Minh; Chức vụ: Giám đốc.

2. Dữ liệu sản xuất:

2.1. Danh mục nguyên liệu thô/hoá chất/nhiên liệu và số lượng dùng trong 1 năm:

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Gỗ xẻ	M^3	7.200
2	Sơn các loại	Kg	37.800

4. Danh sách các hồ sơ giấy tờ đi kèm

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH;
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư (có dấu xác nhận của Công ty);
- Bản sao phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (có dấu xác nhận của Công ty);
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 268/SĐK-CCBVMT ngày 22 tháng 05 năm 2009. Mã số QLCTNH: 75.000813.T (cấp lần 1);
- Công văn giải trình bổ sung hồ sơ sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Công ty chúng tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Sở cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Nhơn Trạch, ngày 25 tháng 04 năm 2015

Công ty TNHH SX TM Miền Quê

Giám đốc

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Hồ Đắc Công Minh

HỢP TÁC XÃ HỒNG HÀ

Số: 20.2022/HH/HĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

"Vv: Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt không độc hại"

- *Căn cứ Luật dân sự số 33/2005-QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2006.*
- *Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.*
- *Căn cứ theo giấy phép hoạt động của Công ty KBEC VINA, đính kèm hợp đồng số: 2021.54 giữa Hợp Tác Xã Hồng Hà và Công ty KBEC VINA.*
- *Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.*

Hôm nay ngày 02 tháng 01 năm 2022, tại văn phòng HTX Hồng Hà, chúng tôi gồm có:

BÊN A: **CÓ YÊU CẦU DỊCH VỤ.**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Người đại diện : Ông **NGUYỄN TIẾN THỌ** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : Lô 3, đường số 5A, KCN Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế : 3600758168

Điện thoại : 02513.569720 Fax: 02513.569721

BÊN B: **LÀM DỊCH VỤ**

HỢP TÁC XÃ HỒNG HÀ

Người đại diện : Bà **TRẦN THUÝ HỒNG** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Ấp 6, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0903.676.921 Fax: 02513.549475

Email : htxhongha@gmail.com

Mã số thuế : 3602716558

Tên tài khoản: HTX Hồng Hà

Số tài khoản : 6278191-001 Ngân hàng Indovinabank chi nhánh Nhơn Trạch

Văn phòng đại diện: Đường A3, Khu chợ mới Long Thành, TT. Long Thành .

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế về dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt không độc hại có nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Bên B đồng ý thu gom và vận chuyển toàn bộ số rác sinh hoạt không độc hại cho bên A với nội dung như sau:

- Địa điểm lấy rác: Bên B nhận vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt không nguy hại cho bên A tại khu vực chứa rác cố định mà bên A bố trí.
- Phương tiện vận chuyển: Bằng xe chuyên dùng của bên B
- Số lần vận chuyển: 2 lần /1 tuần (theo yêu cầu của bên A)
- Khối lượng vận chuyển: theo khối lượng thực tế tại thời điểm vận chuyển

ĐIỀU 2: GIAO – NHẬN CHẤT THẢI

Địa điểm : Công Ty Cổ Phần Sản Xuất & Thương Mại Miền Quê

Thời gian giao nhận : Từ 9h00 đến 16h00 *(một tuần lấy 3 lần theo yêu cầu của Bên A)*

ĐIỀU 3: PHÍ XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1: Phí xử lý

STT	Loại chất thải	ĐVT	Số Lượng	Gián vận chuyển	Ghi chú
01	Thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt không độc hại	Tháng	01	12.000.000 VNĐ	

Ghi chú: *Giá trên chưa bao gồm các loại thuế VAT*

3.2 Phương thức thanh toán

- Thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày sau khi bên A nhận được hóa đơn tài chính của bên B

ĐIỀU 4 : TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- Bên A tạo điều kiền cho Bên B thu gom rác.
- Tập kết rác vào đúng nơi quy định của công ty.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Đảm bảo vận chuyển toàn bộ số chất thải đã nhận của bên A đến địa điểm xử lý
- Bên B đảm bảo chất thải được tiếp nhận, xử lý và tái chế (nếu có) đúng các quy định về quản lý chất thải, phế liệu của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam đối với số rác thải sinh hoạt sau khi đã vận chuyển ra khỏi Công Ty Cổ Phần Sản Xuất & Thương Mại Miền Quê.
- Không để rác rơi vãi trên đường vận chuyển về địa điểm xử lý rác tập trung.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực từ 02/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng sẽ được chấm dứt trong các tường hợp sau:

- Khi Hợp đồng hết thời hạn như qui định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- Khi bên B không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.2, Điều 4 của hợp đồng này hoặc bên B có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam.

- Nếu bên A có thái độ vi phạm ăn trộm cắp lấy đồ của Bên A thì bên B có quyền cắt hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản của hợp đồng này và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc phát sinh hai bên sẽ tự thỏa thuận, trường hợp không thể tự thỏa thuận tranh chấp sẽ được đưa đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau:

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
NGUYỄN TIẾN THỌ	TRẦN THUỶ HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt không độc hại)

Số: 02-20.2023/PL/HĐKT-HH-MQ

- Căn cứ Hợp đồng số 20.2023/HH/HĐKT ngày 02 tháng 01 năm 2023, giữa Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Miền Quê và Hợp Tác Xã Hồng Hà

Hôm này, ngày 01 tháng 04 năm 2023, Tại văn phòng Hợp Tác Xã Hồng Hà, hai bên gồm có:

I/BÊN CÓ YÊU CẦU DỊCH VỤ: (Gọi tắt là bên A)

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ**

Người đại diện: **Ông NGUYỄN TIẾN THỌ** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Địa chỉ : Lô 3,Đường Số 5A, KCN Nhơn Trạch 2, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế : 3600758168

Điện thoại : 02513.569720 Fax : 02513.569721

II/BÊN LÀM DỊCH VỤ: (Gọi tắt là bên B)

Bên B : **HỢP TÁC XÃ HỒNG HÀ**

Người đại diện: Bà **TRẦN THUÝ HỒNG** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Ấp 6, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0903.676.921 Fax : 02513.549.475

Mã số thuế : 3602716558

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN: Đường A3 khu chợ mới Long Thành, H. Long Thành,T. Đồng Nai.

Số tài khoản : 6278191- 001, Ngân hàng Indovinabank - chi nhánh Nhơn Trạch

Sau khi bàn bạc và thỏa thuận, hai bên đã nhất trí ký kết Phụ lục Hợp đồng bổ sung cho Hợp đồng số 20.2023/HH/HĐKT ngày 02 tháng 01 năm 2023, giữa Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Miền Quê và Hợp Tác Xã Hồng Hà với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: Điều chỉnh giá trị của hợp đồng xử lý rác thải sinh hoạt thông thường theo Hợp đồng số 20.2023/HH/HĐKT ngày 02 tháng 01 năm 2023 như sau:

- Trước khi điều chỉnh:

STT	LOẠI CHẤT THẢI	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GIÁ VẬN CHUYỂN (VND)	GHI CHÚ
01	Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt không độc hại	Tháng	01	12.000.000 (Mười hai triệu đồng)	không độc hại

(Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT)

- Sau khi điều chỉnh lại:

STT	LOẠI CHẤT THẢI	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GIÁ VẬN CHUYỂN (VND)	GHI CHÚ
01	Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt không độc hại	Tháng	01	5.000.000 (Năm triệu đồng)	không độc hại

(Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT)

ĐIỀU 2: CÁC NỘI DUNG KHÁC

1/. Các nội dung khác còn lại trong Hợp đồng số 20.2023/HH/HĐKT ngày 02 tháng 01 năm 2023, giữa Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Miền Quê và Hợp Tác Xã Hồng Hà sẽ được giữ nguyên giá trị pháp lý.

2/. Phụ lục hợp đồng này là một bộ phần không tách rời của Hợp đồng 20.2023/HH/HĐKT ngày 02 tháng 01 năm 2023. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh thì các bên sẽ thỏa thuận để ký kết Phụ lục hợp đồng bổ sung.

3/. Phụ lục hợp đồng này được lập tại văn phòng HTX Hồng Hà và Phụ lục Hợp Đồng này là một phần không thể tách rời hợp đồng số 20.2023/HH/HĐKT ngày 02 tháng 01 năm 2023 có hiệu lực từ ngày ký kết.

4/. Phụ lục Hợp đồng này có hiệu kể từ ngày 01/04/2023 và chỉ chấm dứt khi hai bên xác nhận với nhau bằng văn bản thể hiện việc chấm dứt hợp đồng.

5/. Phụ lục hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, bên A giữ 01 (một) bản, bên B giữa 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

Các bên đã đọc lại nội dung phụ lục Hợp đồng, hiểu rõ và nhìn nhận những nội dung trên là phù hợp với nguyện vọng của mình và cùng thống nhất ký tên làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
NGUYỄN TIẾN THỌ	TRẦN THÚY HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 139./2023/HDKT/TTN-MIENQUE

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về Quản lý Chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu, hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.137.VX (cấp lần đầu) của bộ tài nguyên môi trường cấp ngày 26/11/2020 cho Công Ty Cổ Phần Môi Trường Tân Thiên Nhiên.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của 2 bên

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2023, các Bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

Địa chỉ : Ấp 7, Xã Bàu Cạn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0913.900.048 - 0902.789.899

Mã số thuế : 3600648510

Tài khoản số **118619738888** Tại Ngân Hàng Vietinbank, CN Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện : Ông **TỔNG QUÝ KHIÊM** - Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Địa chỉ : Lô số 3 đường 5A KCN Nhơn Trạch II xã Phú Hội Huyện Nhơn Trạch – Đồng Nai

Điện thoại :

Mã số thuế : 3600758168

Tài khoản số : 13210000184631 BIDV Chi nhánh nam Sài Gòn - TPHCM
Đại diện : Ông NGUYỄN TIẾN THỌ Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) theo những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B. Danh mục CTNH được nêu tại Điều 2 của Hợp đồng.

Địa điểm xử lý CTNH: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

ĐIỀU 2: DANH MỤC CHẤT THẢI VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Danh mục chất thải

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Đơn vị tính (ĐVT)	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)
1.	Chất thải công nghiệp không nguy hại		Kg	2.200
2.	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	2.700
3.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	2.700
4.	Dầu, nhớt bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	Kg	2.700
5.	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	2.700
6.	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	2.700
7.	Cặn sơn thải	08 01 03	Kg	2.700
8.	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Kg	2.700
9.	Bao bì mềm thải chứa các thành phần nguy hại	18 01 01	Kg	2.700
10.	Giẻ lau dính dầu nhớt, xơ dừa dính sơn, giẻ lau dính sơn	18 02 01	Kg	2.700

Ghi chú:
- *Đơn giá trên chưa bao gồm VAT.*
- *Khối lượng xử lý căn cứ theo bảng kê khối lượng thực tế có xác nhận giữa 02 bên.*

2.2 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

- Phương thức thanh toán đối với chi phí xử lý: Bên B thanh toán cho bên A 100% giá

trị hóa đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hoá đơn GTGT và bảng kê khối lượng thực tế có xác nhận giữa 02 bên .

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản .

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN

3.1 Địa điểm tiếp nhận

Bên A sẽ tiếp nhận chất thải tại kho chứa chất thải của bên B, địa chỉ: Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

3.2 Điều kiện lưu chứa

Chất thải được thu gom, phân loại và tập trung tại Kho chứa chất thải riêng biệt của bên B và được chứa trong các bao bì, thùng chứa chuyên dụng theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải; đảm bảo an toàn, tránh rò rỉ ra môi trường.

3.3 Thời gian tiếp nhận

Thời gian thu gom, vận chuyển chất thải sẽ được bên B thông báo bằng văn bản, e-mail, điện thoại hoặc trao đổi trực tiếp cho bên A trước 01 ngày để bên A sắp xếp kế hoạch thu gom. Thời gian thu gom được thực hiện trong giờ hành chính từ 7h30 đến 17h00 cùng ngày.

3.4 Khối lượng chất thải tiếp nhận

Khối lượng chất thải bên A tiếp nhận theo yêu cầu của bên B.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm bên A

- Vận chuyển chất thải từ kho chứa của bên B và xử lý tại Nhà máy của bên A theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại của Nhà nước Việt Nam;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho chứa của bên B;
- Phối hợp với Bên B lập và giao nhận chứng từ CTNH theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải của Nhà nước Việt Nam;
- Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển nằm trong danh mục Giấy phép xử lý CTNH do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp và giấy phép bổ sung. Nếu bên A sử dụng không đúng phương tiện vận chuyển được cấp phép, bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm;
- Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên A phải tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên B. Đảm bảo tính an toàn của các trang thiết bị dụng cụ cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên B. Thu gom theo đúng yêu cầu của bên B để tránh gây tồn đọng kho bãi.
- Hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B ngay sau khi thực hiện xong việc xử

lý CTNH theo đúng quy định hiện hành về quản lý CTNH;

- Được quyền từ chối nhận chất thải ngoài danh mục chất thải và địa điểm tiếp nhận được nêu trong Hợp đồng, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục, địa điểm tiếp nhận chất thải của Hợp đồng được hoàn tất;
- Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải, hoàn trả chứng từ CTNH nếu bên B không thực hiện thanh toán đúng theo quy định của Hợp đồng.

4.2 Quyền và trách nhiệm bên B

- Có quyền từ chối chuyển giao CTNH nếu bên A điều động phương tiện, vận chuyển không nằm trong danh mục Giấy phép Xử lý CTNH do Bộ Tài nguyên Môi trường cấp;
- Lập, ký và giao nhận Biên bản giao nhận chất thải, chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý CTNH;
- Tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thu gom.
- Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, nếu Bên B có bất kỳ sự thay đổi nào như: Tên cơ sở, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho Bên A biết. Nếu không, mọi sai sót về sau Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm;
- Thanh toán đúng theo quy định của hợp đồng.

ĐIỀU 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết thực hiện các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng. Mọi sự thay đổi nội dung cam kết của Hợp đồng này, nếu có, sẽ cùng được thảo luận và đồng thuận, trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lợi ích của nhau;

- Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, án phí do Bên thua chịu;

- Những gì không được quy định trong hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản mỗi Bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2023 đến hết ngày 31/10/2024. Nếu đến ngày hết hạn hợp đồng mà hai bên không có những thỏa thuận khác thì hợp đồng vẫn có hiệu lực

- Trong vòng 30 ngày sau khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nếu không còn vướng mắc, khiếu nại thì Hợp đồng được xem như tự động thanh lý;

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
TỐNG QUÝ KHIÊM	NGUYỄN TIẾN THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

(V/v Xác nhận vị trí đấu nối nước thải, nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2)

Hôm nay, ngày ..14.... tháng ...5..... năm 2012 tại Công ty T.N.H.H..SX-TM.....
.Miền...Quê...KCN..Nhơn.Trạch.2...Nhơn..Đạo,..Đồng..Nai.....

Chúng tôi gồm có:

ĐẠI DIỆN CÔNG TY D2D

ÔNG/BÀ:...Nguyễn...Đức...Sơn..... Chức vụ:...CB..Mời..thầu.....
ÔNG/BÀ:..... Chức vụ:.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY SDV

ÔNG/BÀ:...Trần..Anh..Tuấn..... Chức vụ:...Quản..đốc..khu..ccn.....
ÔNG/BÀ:..... Chức vụ:.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY..T.N.H.H...SX.TM...Miền..Quê.....

ÔNG/BÀ:...Phạm..Hồng..Duy.... Chức vụ:...Nhân..sự.....
ÔNG/BÀ:..... Chức vụ:.....

NỘI DUNG LÀM VIỆC

Xác nhận vị trí đấu nối nước mưa, nước thải của Công ty :T.N.H.H..SX.TM..Miền..Quê
Nhà..máy..Thu...gom...của..KCN..Nhơn..Trạch..2.....

1. Vị trí đấu nước thải của Công ty vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch 2:
...01.(một).vị..trí..tại...lô...CN...số..12..(HTKNT17)...trên..đường..CA
.KCN..Nhơn..Trạch..2.....
.....

2. Vị trí đấu nước mưa của Công ty vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch 2:
...02..(hai)..vị..trí...tại...lô...CN...số..19..(HTKNT6)..lô...CN...số..21..(HTKNT1).
.lô..CN...số...22..(HTKNT12)...trên...đường...CA...KCN..Nhơn..Trạch..2.....
...Nước..sau..khi..TNHH..SX..TM..Miền..Quê..xong..thay..đổi..vị..trí..đấu..nối
.phải..thông..báo...Chấp...thuận...của...bên..Bán.....

Biên bản này được thành lập 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản

ĐD CÔNG TY T.N.H.H...SX...TM.....	ĐD CÔNG TY SDV	ĐD CÔNG TY D2D
Phạm Hồng Duy	Trần Anh Tuấn	Nguyễn Đức Sơn

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 7 5 8 1 6 8**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô số 3, Đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

Tài khoản *(A/C number)*: **132.10.00.0184631 Ngân hàng BIDV CN Nam Sài Gòn - TP. HCM**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 30 tháng *(month)* 08 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TYY

Số *(No.)*: **121**

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0303292182**

Địa chỉ *(Address)*: **71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: **Chuyển khoản** Số tài khoản *(A/C No.)*:

Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: **VND**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Nước sinh hoạt	Tháng	1	11.807.491	11.807.491
			Cộng tiền hàng *(Sub total)*:		11.807.491
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **5%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:		590.375
			Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:		12.397.866

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Mười hai triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng.**

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Ký ngày: 30- 08- 2024

Mã của cơ quan thuế *(Tax authority code)*: **001529A0B141B849C48C85088AA685CCC3**

Trang tra cứu : http://3600758168hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu : Z6x3d8A60053467629539671obpU

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 7 5 8 1 6 8**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô số 3, Đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

Tài khoản *(A/C number)*: **132.10.00.0184631 Ngân hàng BIDV CN Nam Sài Gòn - TP. HCM**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 30 tháng *(month)* 08 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TYY

Số *(No.)*: **123**

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0303292182**

Địa chỉ *(Address)*: **71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: **Chuyển khoản** Số tài khoản *(A/C No.)*:

Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: **VND**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Điện sản xuất	Tháng	1	482.188.873	482.188.873
2	Nước uống đóng bình	Tháng	1	2.078.311	2.078.311
3	Chi phí dịch vụ bảo vệ	Tháng	1	34.000.000	34.000.000
4	Xử lý rác thải sinh hoạt	Tháng	1	4.125.091	4.125.091
5	Xử lý rác thải Công nghiệp	Tháng	1	2.269.709	2.269.709
6	Xử lý rác thải nguy hại	Tháng	1	3.385.839	3.385.839
7	Phí thuê máy photocopy	Tháng	1	1.000.000	1.000.000
8	Xử lý nước thải	Tháng	1	6.426.561	6.426.561
9	Chi phí nhân công	Tháng	1	67.329.555	67.329.555
10	Chi phí xe	Tháng	1	4.859.721	4.859.721
				Cộng tiền hàng *(Sub total)*:	607.663.660
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **8%**				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	48.613.093
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	656.276.753

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Sáu trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng.**

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Ký ngày: 30- 08- 2024

Mã của cơ quan thuế *(Tax authority code)*: **00F0B2E268B27D447F83450196B95EA8CD**

Trang tra cứu : http://3600758168hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu : W6Q3b8T60053463984209601PPTy

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 7 5 8 1 6 8**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô số 3, Đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

Tài khoản *(A/C number)*: **132.10.00.0184631 Ngân hàng BIDV CN Nam Sài Gòn - TP. HCM**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 30 tháng *(month)* 09 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TYY

Số *(No.)*: **134**

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0303292182**

Địa chỉ *(Address)*: **71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: **Chuyển khoản** Số tài khoản *(A/C No.)*:

Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: **VND**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Điện sản xuất	Tháng	1	441.276.063	441.276.063
2	Chi phí dịch vụ bảo vệ	Tháng	1	25.500.000	25.500.000
3	Xử lý rác thải sinh hoạt	Tháng	1	3.277.709	3.277.709
4	Xử lý rác thải Công nghiệp	Tháng	1	22.992.562	22.992.562
5	Xử lý rác thải nguy hại	Tháng	1	3.214.286	3.214.286
6	Phí thuê máy photocopy	Tháng	1	2.573.110	2.573.110
7	Xử lý nước thải	Tháng	1	5.821.429	5.821.429
8	Chi phí nhân công	Tháng	1	419.579.880	419.579.880
9	Chi phí xe	Tháng	1	1.691.285	1.691.285
				Cộng tiền hàng *(Sub total)*:	925.926.324
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **8%**				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	74.074.106
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	1.000.000.430

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Một tỷ bốn trăm ba mươi đồng.**

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Ký ngày: 30- 09- 2024

Mã của cơ quan thuế *(Tax authority code)*: **00CDDC5D46A55342CEA8C2FF781362E053**

Trang tra cứu : http://3600758168hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu : n6o3X8E603298746789069 31FPUH

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 7 5 8 1 6 8**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô số 3, Đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

Tài khoản *(A/C number)*: **132.10.00.0184631 Ngân hàng BIDV CN Nam Sài Gòn - TP. HCM**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 30 tháng *(month)* 09 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TYY

Số *(No.)*: **136**

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0303292182**

Địa chỉ *(Address)*: **71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: **Chuyển khoản** Số tài khoản *(A/C No.)*:

Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: **VND**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Nước sinh hoạt	Tháng	1	10.695.685	10.695.685
			Cộng tiền hàng *(Sub total)*:		10.695.685
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **5%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:		534.784
			Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:		11.230.469

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Mười một triệu hai trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng.**

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Ký ngày: 30- 09- 2024

Mã của cơ quan thuế *(Tax authority code)*: **0097DB0585E87E4E358E2EF091274388F8**

Trang tra cứu : http://3600758168hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu : r6I3c8A60329868529597161Uunu

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 7 5 8 1 6 8**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô số 3, Đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

Tài khoản *(A/C number)*: **132.10.00.0184631 Ngân hàng BIDV CN Nam Sài Gòn - TP. HCM**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TYY

Số *(No.)*: **153**

Ngày *(Date)* 31 tháng *(month)* 10 năm *(year)* 2024

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0303292182**

Địa chỉ *(Address)*: **71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: **Chuyển khoản** Số tài khoản *(A/C No.)*:

Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: **VND**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Điện sản xuất	Tháng	1	501.520.030	501.520.030
2	Chi phí dịch vụ bảo vệ	Tháng	1	25.500.000	25.500.000
3	Xử lý rác thải sinh hoạt	Tháng	1	3.720.238	3.720.238
4	Xử lý rác thải Công nghiệp	Tháng	1	24.717.262	24.717.262
5	Xử lý rác thải nguy hại	Tháng	1	3.214.286	3.214.286
6	Phí thuê máy photocopy	Tháng	1	1.573.110	1.573.110
7	Xử lý nước thải	Tháng	1	4.671.115	4.671.115
8	Chi phí nhân công	Tháng	1	446.453.575	446.453.575
9	Chi phí xe	Tháng	1	1.691.285	1.691.285
				Cộng tiền hàng *(Sub total)*:	1.013.060.901
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **8%**				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	81.044.872
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	1.094.105.773

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Một tỷ không trăm chín mươi bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng.**

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Ký ngày: 31- 10- 2024

Mã của cơ quan thuế *(Tax authority code)*: **00BCB36B1BD29249CE9C71A8B02BBF384D**

Trang tra cứu : http://3600758168hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu : S6d3L8T60598605967387921uNfZ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 7 5 8 1 6 8**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô số 3, Đường 5A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

Tài khoản *(A/C number)*: **132.10.00.0184631 Ngân hàng BIDV CN Nam Sài Gòn - TP. HCM**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 31 tháng *(month)* 10 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TYY

Số *(No.)*: **155**

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA**

Mã số thuế *(Tax code)*: **0303292182**

Địa chỉ *(Address)*: **71/4a, đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: **Chuyển khoản** Số tài khoản *(A/C No.)*:

Đơn vị tiền tệ *(Currency)*: **VND**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Nước sinh hoạt	Tháng	1	8.222.842	8.222.842
			Cộng tiền hàng *(Sub total)*:		8.222.842
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **5%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:		411.142
			Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:		8.633.984

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Tám triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng.**

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Ký ngày: 31- 10- 2024

Mã của cơ quan thuế *(Tax authority code)*: **000D082EA2DBDB4D8491666B570CE5528A**

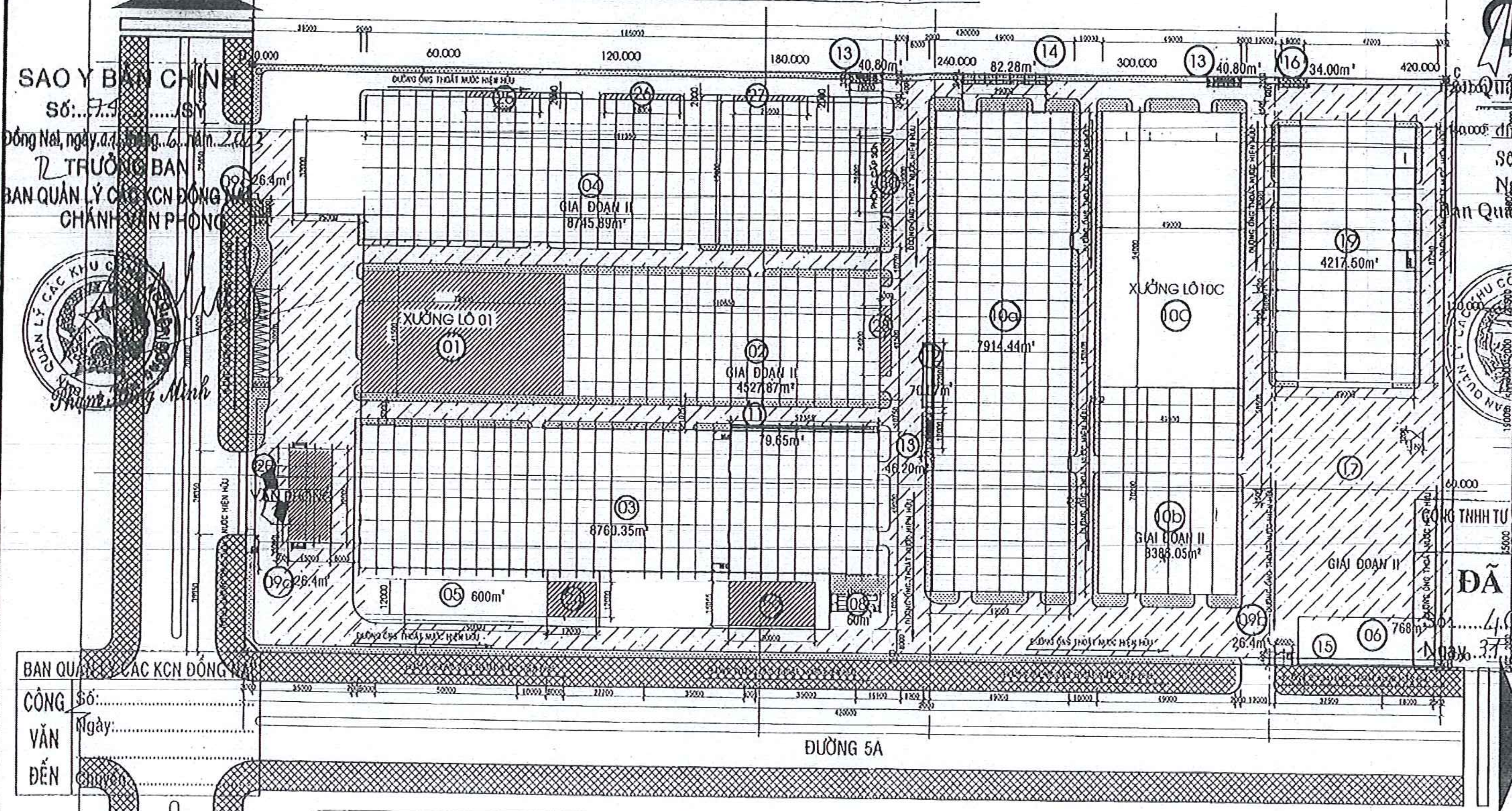
Trang tra cứu : http://3600758168hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu : h6R3k8V60598642642901181LvfS

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL 1/1000

SAO Y BẢN CHÍNH
Số: 79 /SY
Đồng Nai, ngày 01 tháng 6 năm 2023
KT. TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI
CHÁNH VĂN PHÒNG
Phạm Hồng Minh

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai
Bản vẽ đính kèm Giấy phép xây dựng
Số: 162 /GPXD
Ngày 04/9/2015
Ban Quản lý các KCN Đồng Nai
Phạm Văn Cường



BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI
CÔNG VĂN ĐẾN Số: ...
Ngày: ...
Chuyển: ...

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG & THƯƠNG M... CHẤN HƯNG
ĐÃ THẨM TRA
Số: 401/KQTT
Ngày 31 tháng 8 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

(20) VĂN PHÒNG	(05) NHÀ ĂN	(09) NHÀ BẢO VỆ	(12) NHÀ NÉN KHÍ	(16) XƯỞNG CƯA	SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ	(01) NHÀ XƯỞNG LÔ 01
(02) KHO NGUYÊN LIỆU	(06) NHÀ XE 2 BÁNH	(10a) XƯỞNG SX A	(13) NHÀ VỆ SINH	(17) BÃI GỖ TRÒN	CÔNG TRÌNH XÂY MỚI	(10c) XƯỞNG XƯỞNG LÔ 10C
(03) KHO THÀNH PHẨM A	(07) BỂ NƯỚC THUỶ ĐÀI	(10b) XƯỞNG SX B	(14) NHÀ CHỨA BỤI	(18) MÁI CHE	CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU	(24) NHÀ ĂN MỞ RỘNG
(04) KHO THÀNH PHẨM B	(08) TRẠM PHÁT ĐIỆN	(11) NHÀ KHỬ BỤI	(15) HỒ NƯỚC	(19) NHÀ SẤY	CÂY XANH	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC HIỆN HỮU

(25) VĂN PHÒNG CHỨA BAO BÌ
(26) PHÒNG CẤP SƠN
(27) PHÒNG SẤY
(28) PHÒNG NÉN KHÍ
(29) TRẠM PCCC
(30) PHÒNG CẤP SƠN

DIỆN TÍCH KHU ĐẤT : 84.105,00 (m²) ; tỷ lệ : 100%
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 47.321,94 (m²) ; tỷ lệ : 56,26%
DIỆN TÍCH CÂY XANH : 17.132,19 (m²) ; tỷ lệ : 20,37%
DIỆN TÍCH GIAO THÔNG : 19.650,87 (m²) ; tỷ lệ : 23,37%

CHỦ ĐẦU TƯ	NHÀ MÁY XUẤT KHẨU GỖ MIỀN QUÊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG	T.CONS
TÊN BẢN VẼ	MẶT BẰNG TỔNG THỂ
BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT	TKKT
NGÀY	28-07-2015

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ TL 1/1000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG T.CONS

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
	GIAI ĐOẠN II Giám đốc dự án	
	Nguyễn Xuân Lực	

CÔNG TY CỔ PHẦN T.CONS

ĐƯỜNG 5C

ĐƯỜNG 5A

GIAI ĐOẠN II

XƯỞNG SẤY

ĐƯỜNG TẢI SIÊU NẶNG

VỊ TRÍ ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA CỦA KCN

VỊ TRÍ ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA CỦA KCN

VỊ TRÍ ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA CỦA KCN

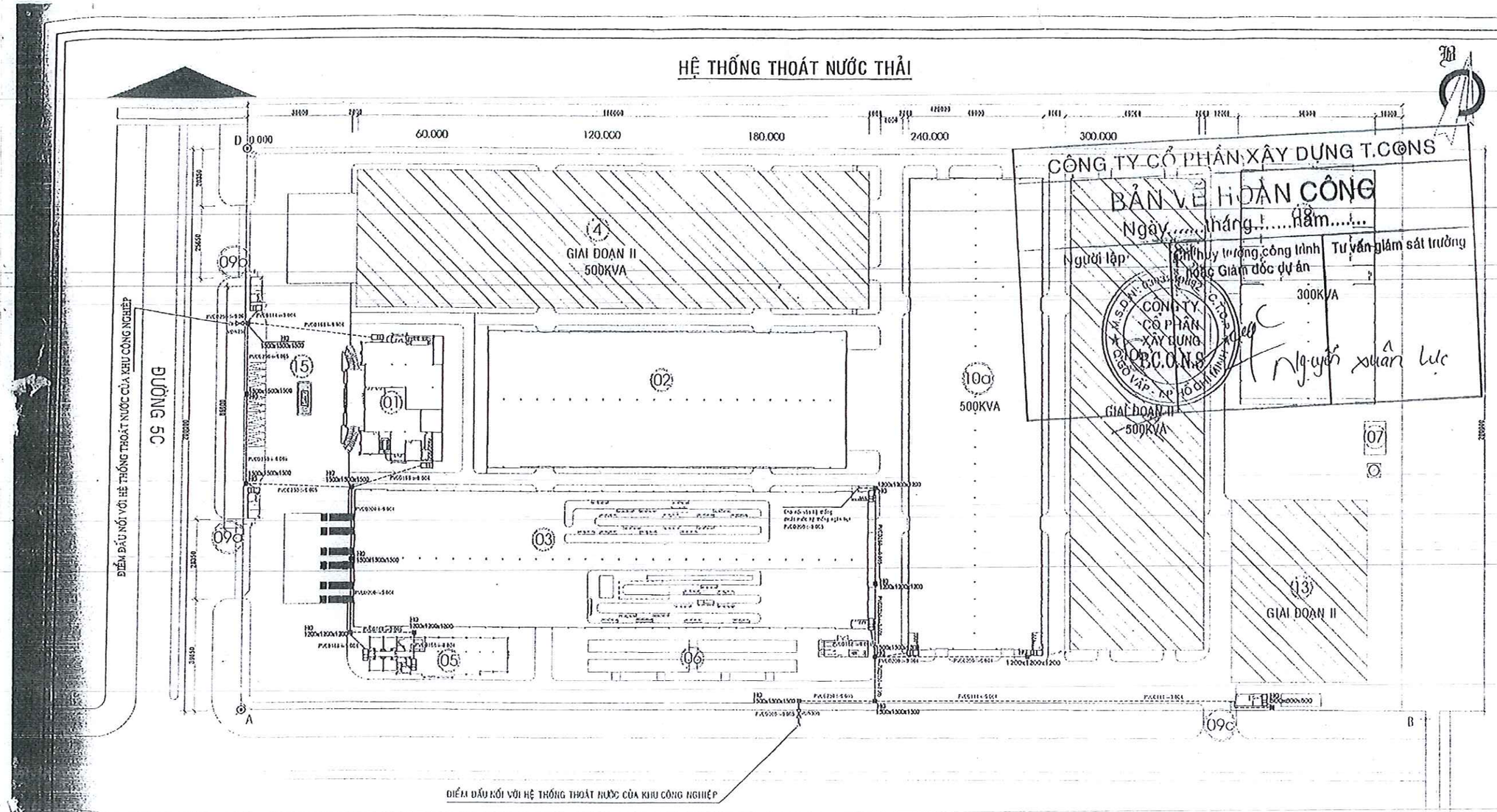
TỔNG GIÁM ĐỐC

01 VĂN PHÒNG & NHÀ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM	04 XƯỞNG - KHO THÀNH PHẨM B	08 TRẠM PHÁT ĐIỆN	XƯỞNG CƯA	15 HỒ NƯỚC
02 KHO HÀNG NGUYÊN LIỆU	05 NHÀ ĂN	09 NHÀ BẢO VỆ	12 KHU NHÀ LUỘC, SẤY	GIAI ĐOẠN 2
03 XƯỞNG - KHO THÀNH PHẨM A	06 NHÀ XE 2 BÁNH	0C XƯỞNG SẢN XUẤT A	BÃI GỖ TRÒN	
	07 BỂ NƯỚC - THỦY ĐÀI	XƯỞNG SẢN XUẤT B	14 MÁI CHE	CÂY XANH

D400 i=0.003 L=35	ĐƯỜNG KÍNH CỐNG , ĐỘ DỐC	MƯƠNG BTCT	
	CHIỀU DÀI	CỐNG BTCT	
BXH i=0.003 L=35	CHIỀU RỘNG MƯƠNG , ĐỘ DỐC	HỐ GA	
	CHIỀU DÀI		
	HƯỚNG THOÁT NƯỚC	HỐ GA KCN	
	CAO ĐỘ NẮP HỐ GA	(25) SỐ HIỆU HỐ GA KCN	
	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG		

TRÌNH DUYỆT	CHỦ ĐẦU TƯ	THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ	CHỦ TRÌ	KTS. YEH CHIH CHUNG	HẠNG MỤC	TÊN BẢN VẼ	KÍ HIỆU	DỰ ÁN: NHÀ MÁY GỖ XUẤT KHẨU MIỀN GIÓ
			THIẾT KẾ	KS. HUỲNH MINH CÔNG				ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ SỐ 3, ĐƯỜNG 5A, KCN NHƠN TRẠCH II, HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI
	GIÁM ĐỐC		KIỂM	KS. ĐẶNG THANH SANG	H. TẦNG	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ	TH-03	CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER, KHU CÔNG NGHIỆP SÓNG THẦN II, TỈNH BÌNH DƯƠNG
			GIÁM ĐỐC	KTS. TONG JENN SHIAW				

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG T.CONS

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình hoặc Giám đốc dự án	Tư vấn giám sát trưởng
	300KVA	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG T.C.O.N.S

Nguyễn Xuân Lực

(01) VĂN PHÒNG & NHÀ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM	(04) XƯỞNG - KHO THÀNH PHẨM B	(08) TRẠM PHÁT ĐIỆN	(11)	(15) HỒ NƯỚC
(02) KHO HÀNG NGUYÊN LIỆU	(05) NHÀ ĂN	(09) NHÀ BẢO VỆ	(12) KHU NHÀ LUỘC, SẤY	GIAI ĐOẠN 2
(03) XƯỞNG - KHO THÀNH PHẨM A	(06) NHÀ XE 2 BÁNH	(10a) XƯỞNG SẢN XUẤT A	(13) BÃI GỖ TRÒN	ĐƯỜNG BT NHỰA
	(07) BỂ NƯỚC - THỦY ĐÀI	(10b) XƯỞNG SẢN XUẤT B	(14) MÁI CHE	CÂY XANH

TỔNG GIÁM ĐỐC

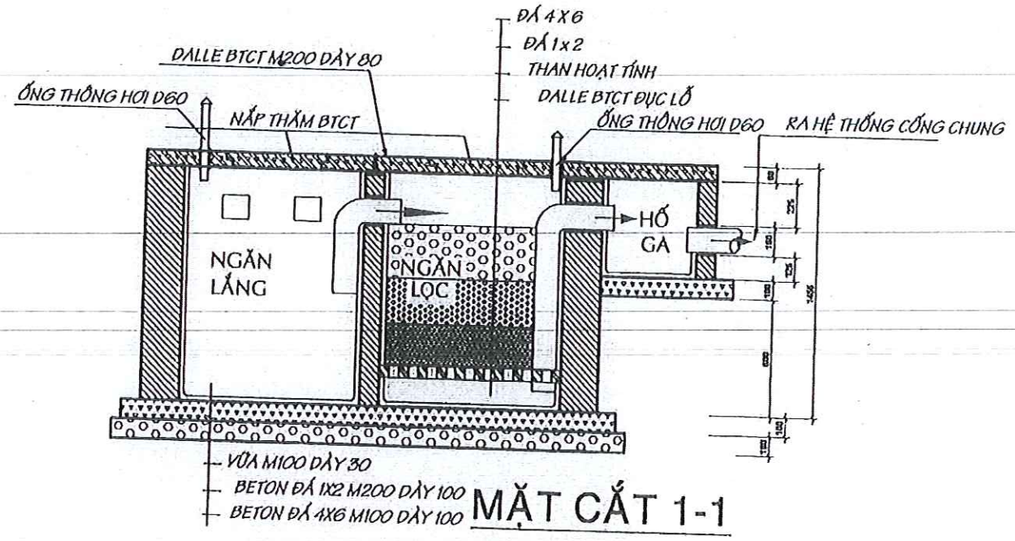
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

Vũ Văn Sơn

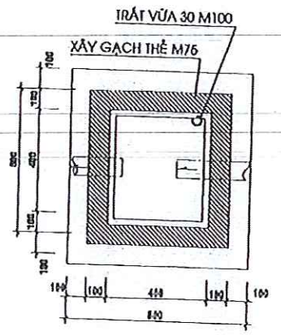
(1) THIẾT KẾ SƠ BỘ (Preliminary)		THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ (Examine and revise)	CHỦ TRÌ (Presided by)	DỰ ÁN: (Project) NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ XUẤT KHẨU MIỀN QUÊ		ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ SỐ 3-ĐƯỜNG SỐ 5A-KCN NHƠN TRẠCH 2 (Location) HUYỆN NHƠN TRẠCH-TỈNH ĐỒNG NAI		KÍ HIỆU - SỐ LƯỢNG (Drawing No - Quantity)
(2) TRÌNH DUYỆT (For approval)			THIẾT KẾ (Designed by)	HẠNG MỤC (Item)	TÊN BẢN VẼ (Drawing title)	HIỆU CHỈNH (Revised)	NGÀY HOÀN THÀNH (Completion Date)	MD-W-11
(3) THI CÔNG (Construction)			KIỂM (Checked by)	MẶT BẰNG TỔNG THỂ	THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ			
(4) HOÀN CÔNG (As-Built)			GIÁM ĐỐC (Director)					TỶ LỆ : 1/1000 (Scale)

GIÁM ĐỐC (Director)

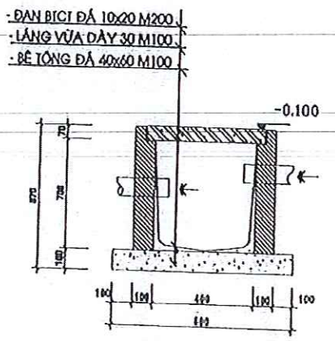
Nguyễn Đỗ Đức Minh



MẶT CẮT 1-1

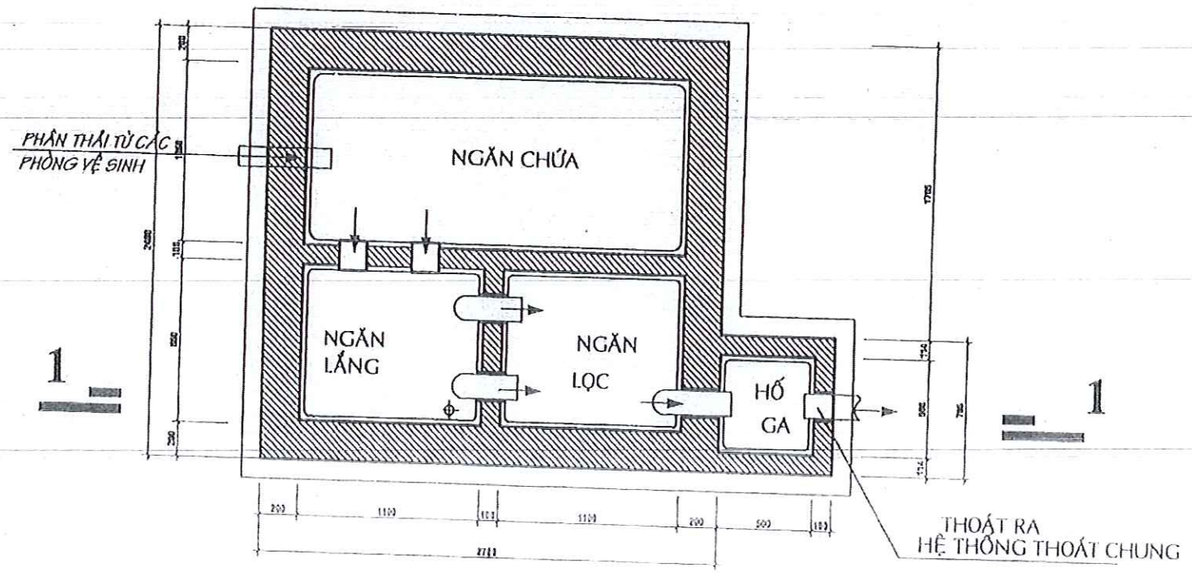


MẶT BẰNG HỐ GA



MẶT CẮT HỐ GA

CHI TIẾT HỐ GA



CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI ĐIỂN HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG T.CONS

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình hoặc Giám đốc dự án	Tư vấn giám sát trưởng
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG T.C.O.N.S	Nguyễn Xuân Lực

CÔNG TRÌNH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG & THẨM ĐỊNH

CHẤP THUẬN

ĐÃ THẨM TRA

Số:.....

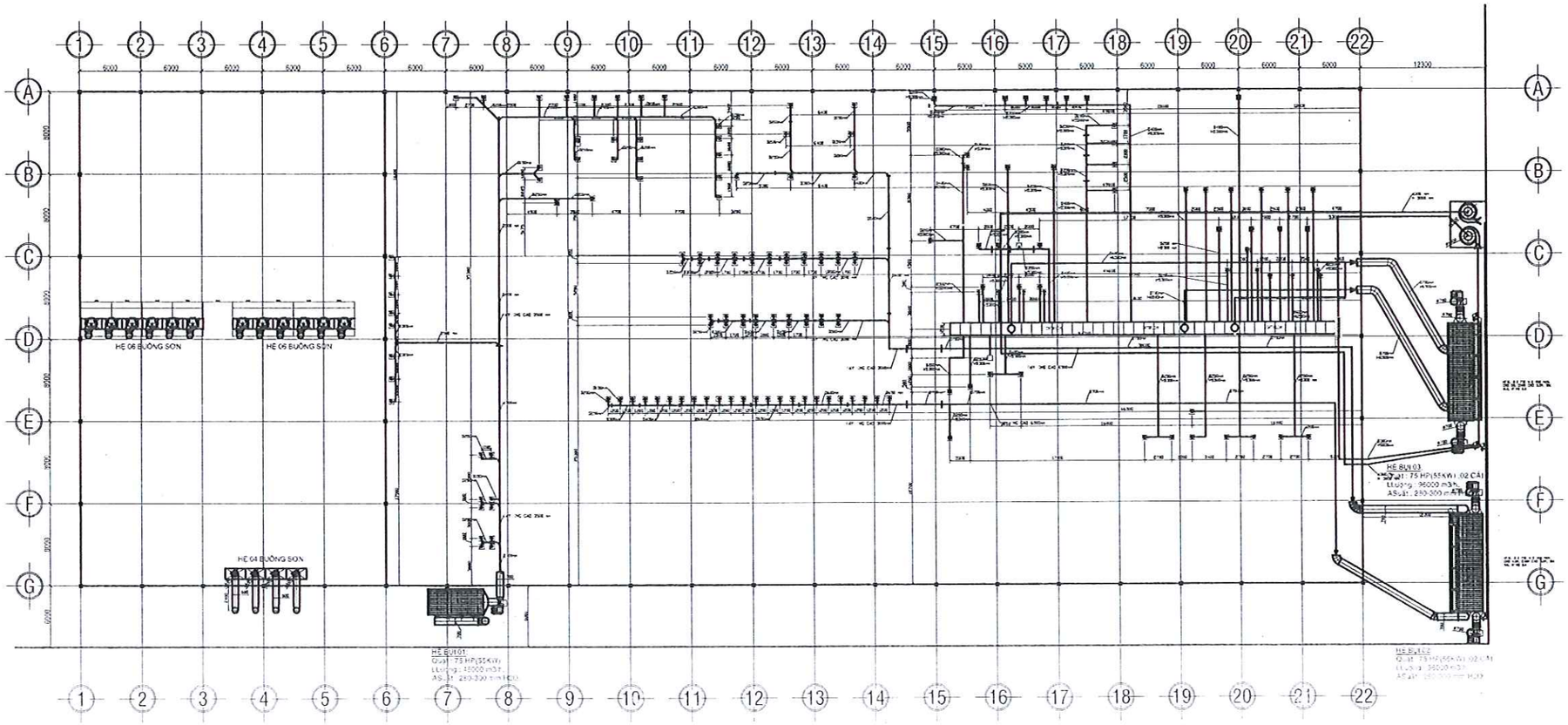
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN QUÊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG T.CONS	CÔNG TRÌNH PROJECT: THE COUNTRY VĂN PHÒNG	TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE: CHI TIẾT HỐ GA HẦM TỰ HOẠI	TKKT; 28-07-2015
			SỐ BẢN VẼ DRAWING No: N-09; TỔNG SỐ BẢN VẼ TOTAL DRAWING: 09

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG HÚT VÀ XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
DECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel. 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

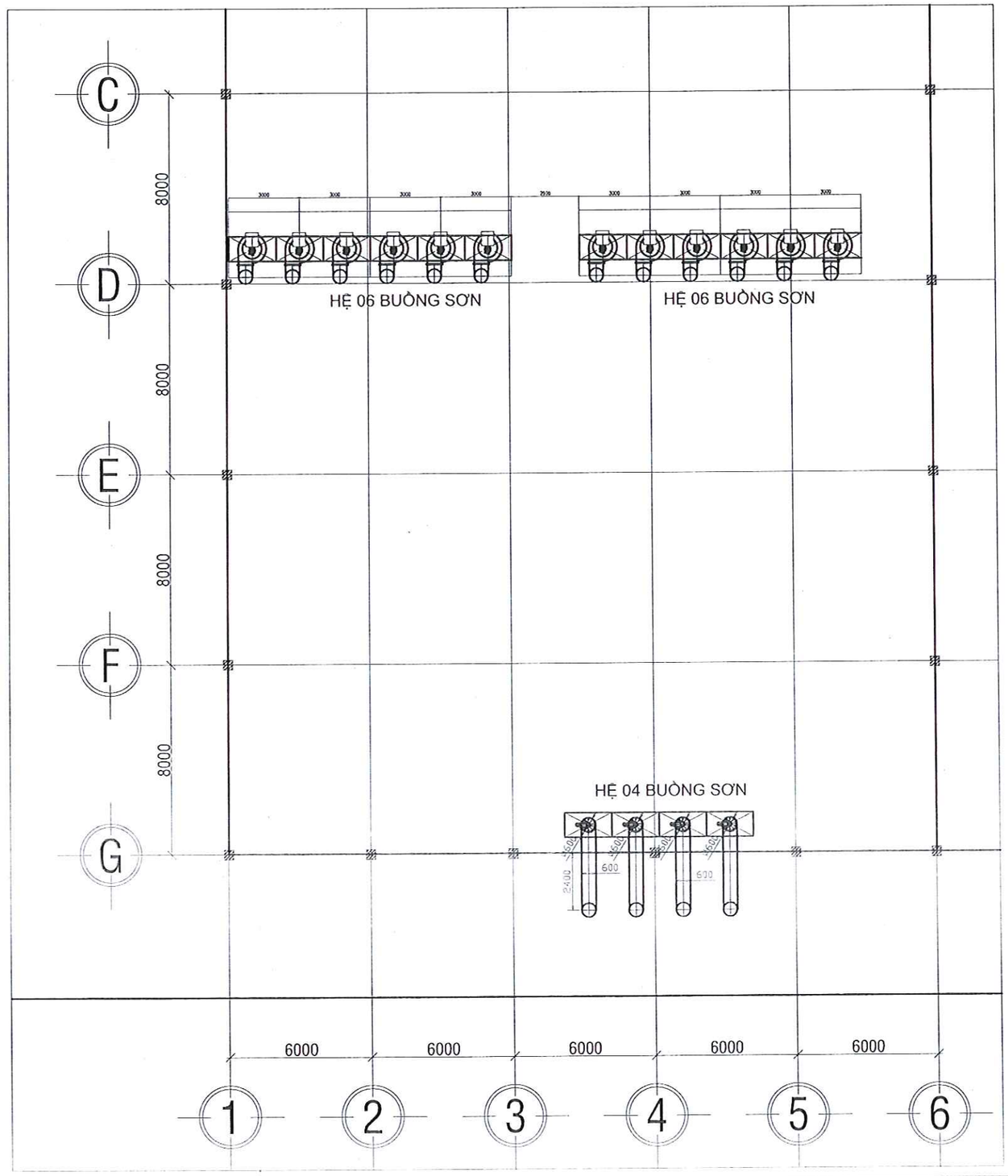
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H NHƠN TRẠCH T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

SCALE	1/100	PROJECT No.	
DATE			

MẶT BẰNG HỆ THỐNG HÚT VÀ XỬ LÝ KHÍ THẢI 16 BUỒNG SƠN



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

M.S.D.N: 0303292... CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN TIẾN THỌ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
DECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

KIỂM / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

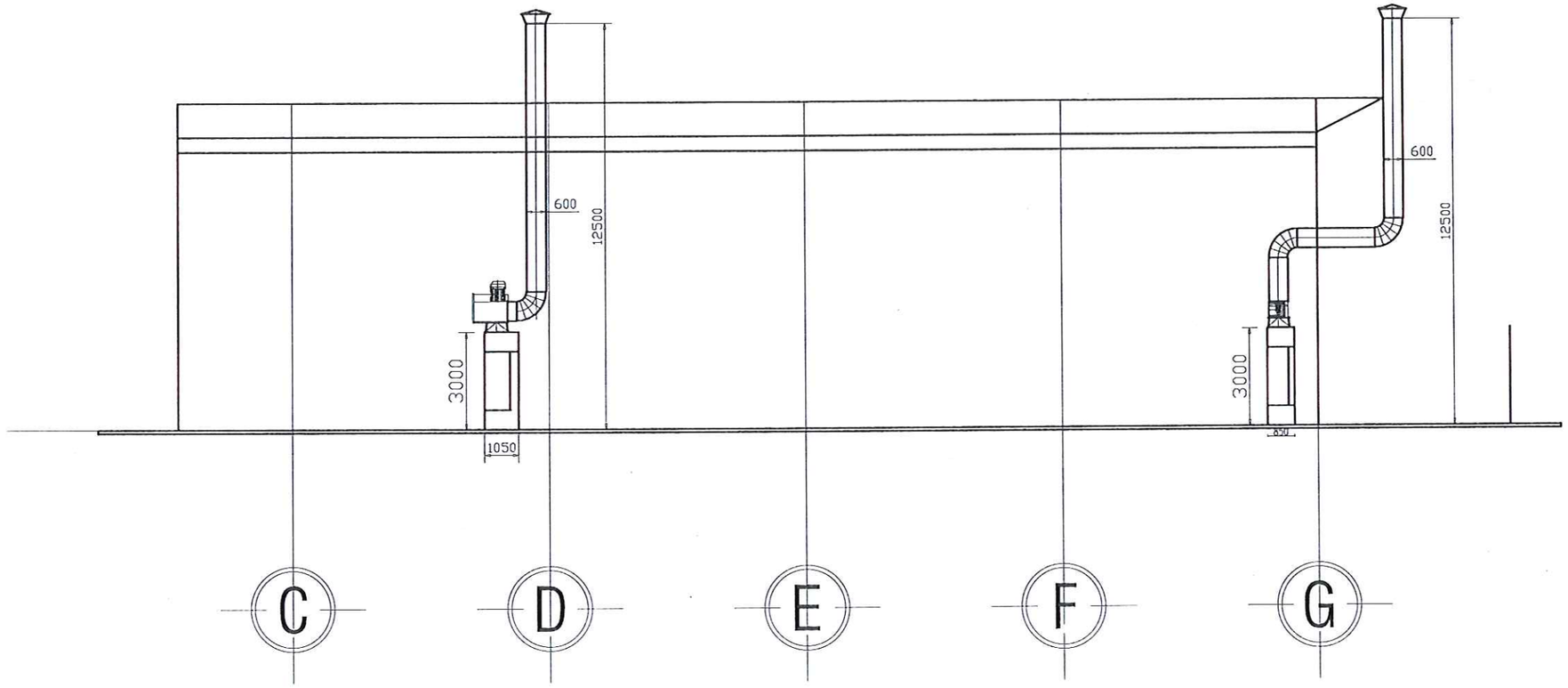
KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H NHƠN TRẠCH-T ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	TỔNG SỐ BẢN VẼ TOTAL	
SỐ BẢN VẼ			



MẶT CẮT TRỤC 1 - 2

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TIẾN THỌ

No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG

ĐẠI DƯƠNG XANH

BECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT

LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :

HÀ HUY MINH

CHỦ TRÌ / CHECKED BY :

KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :

KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :

KS. TRẦN TRỌNG KHA

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

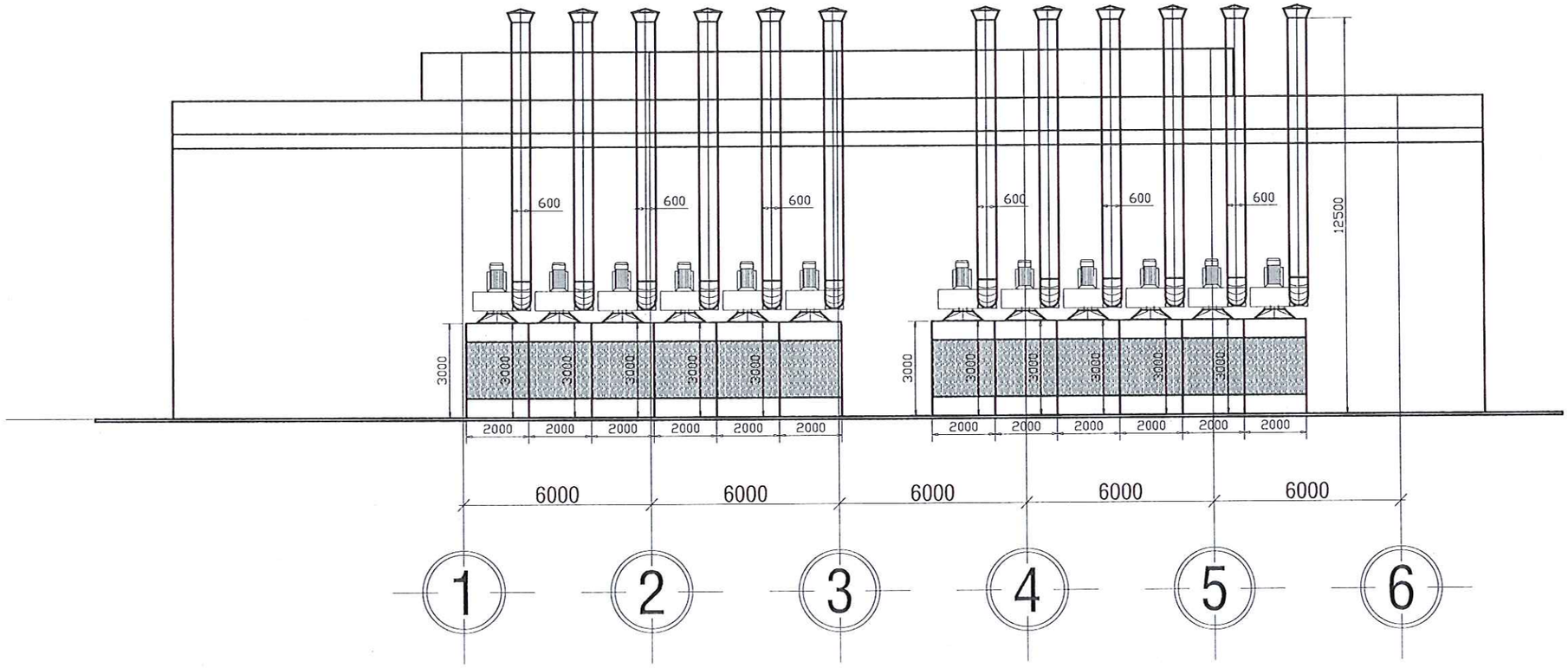
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2,H.NHƠN TRẠCH,T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	KÍCH THƯỚC KHỔ GIẤY PAPER SIZE	
NGÀY DATE			



MẶT CẮT TRỤC E - D

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

M.S.D.N: 0303292182 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TIẾN THỌ

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

- T.K CƠ SỞ ☒
- THI CÔNG ☐
- HOÀN CÔNG ☐
- HIỆN TRẠNG ☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG

ĐẠI DƯƠNG XANH

LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :

HÀ HUY MINH

KIỂM TRA / CHECKED BY :

KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :

KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :

KS. TRẦN TRỌNG KHA

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2 H. NHƠN TRẠCH T. ĐỒNG NAI

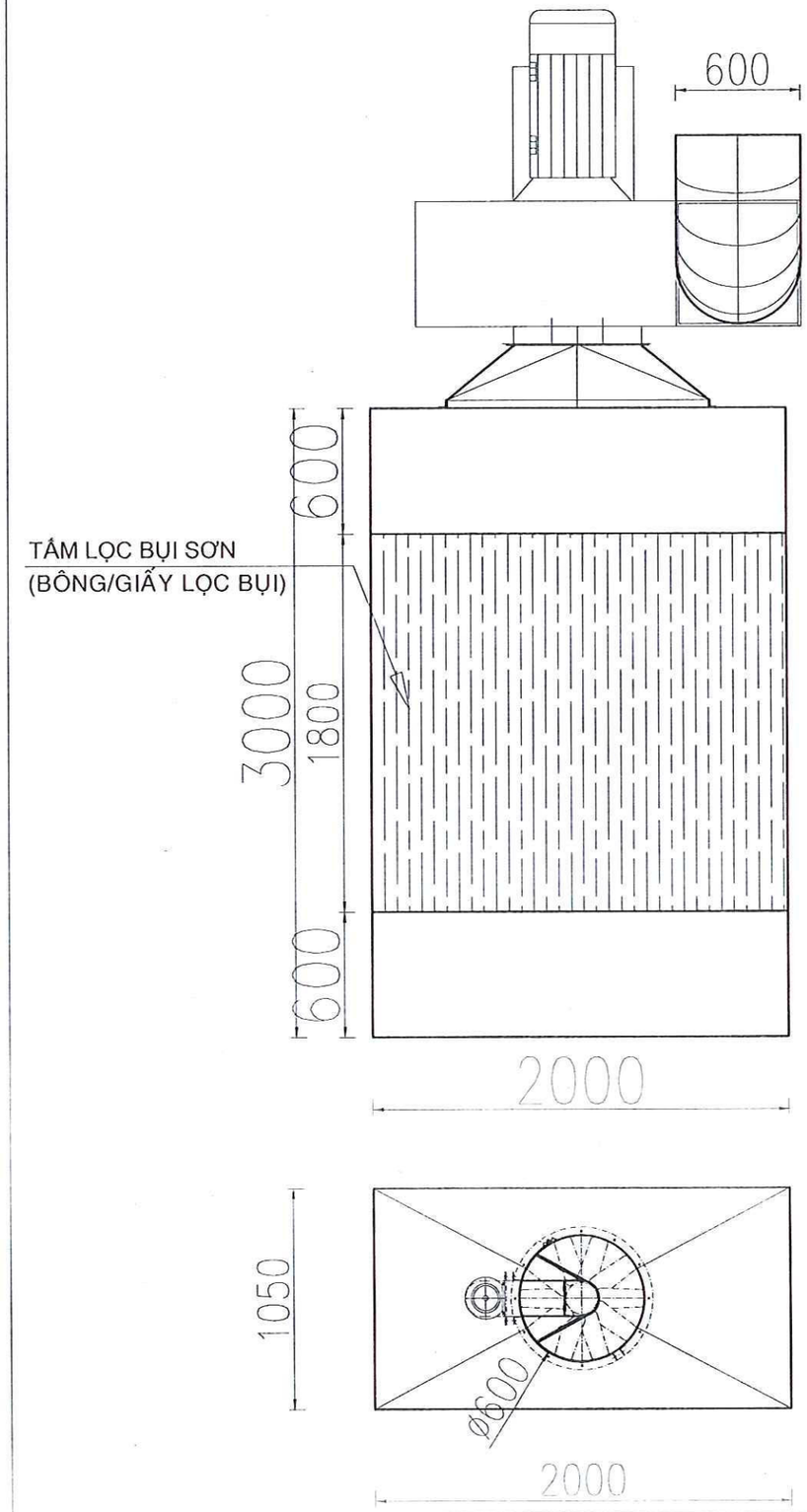
HẠNG MỤC - ITEM

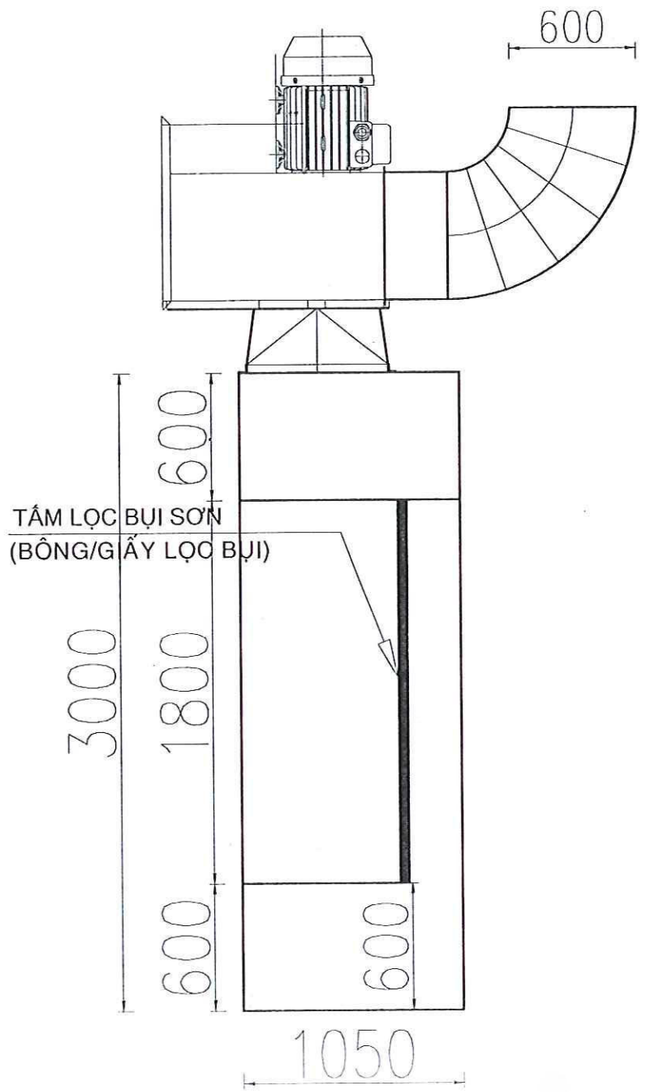
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	NGÀY HOÀN THÀNH DATE	

THIẾT BỊ XỬ LÝ HỆ 12 BUỒNG SƠN





THÔNG SỐ KỸ THUẬT

BUỒNG SƠN LxBxH=2.0x1.05x3.0m

+ Tấm lọc bụi D2.0xH1.8 (m)
+ Quạt hút ly tâm : 2.2 Kw (3 Hp)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

M.S.D.N: 0303292183 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
BECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

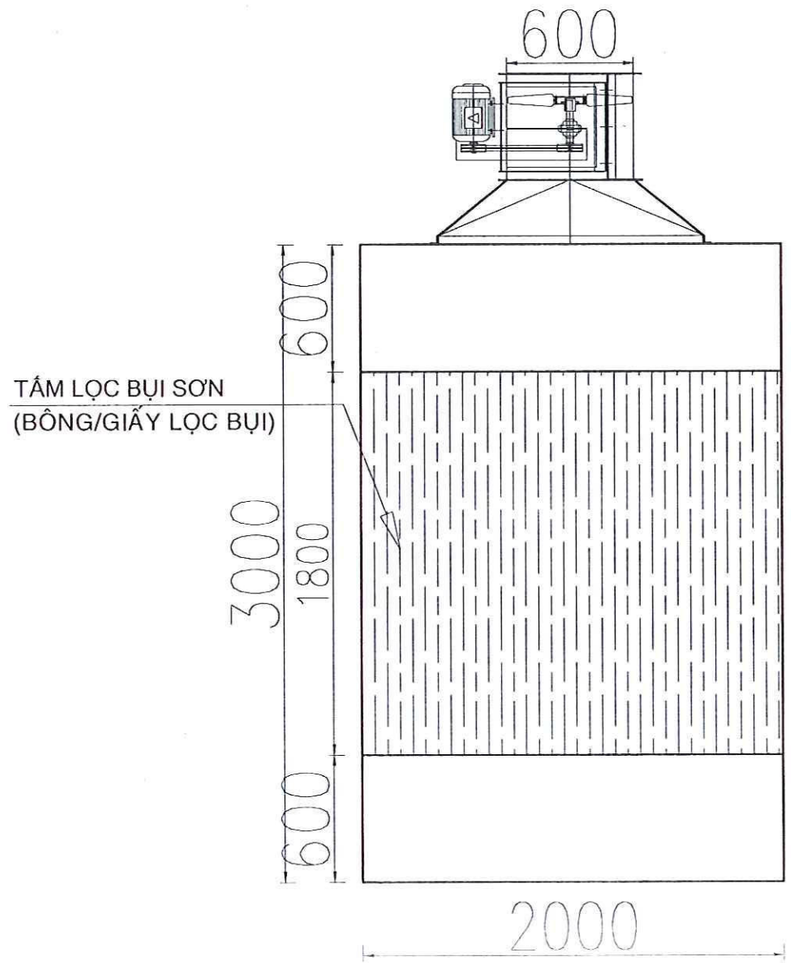
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2,H.NHƠN TRẠCH,T.ĐỒNG NAI

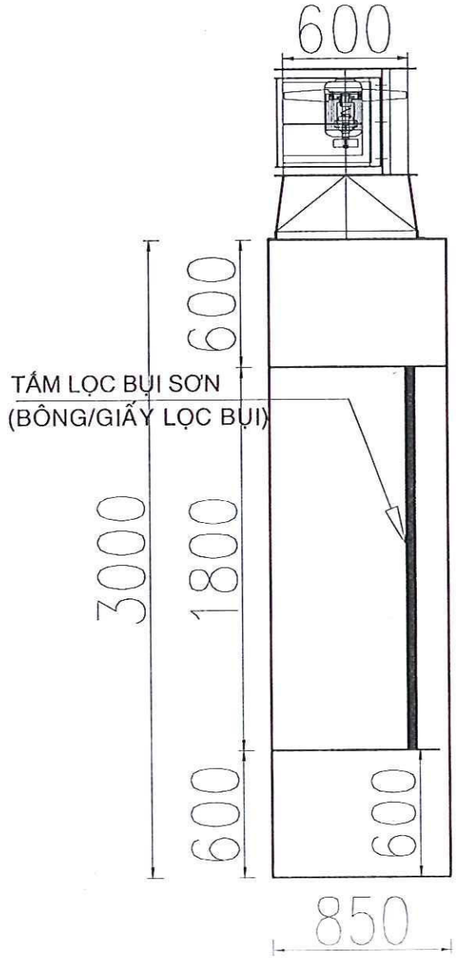
HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

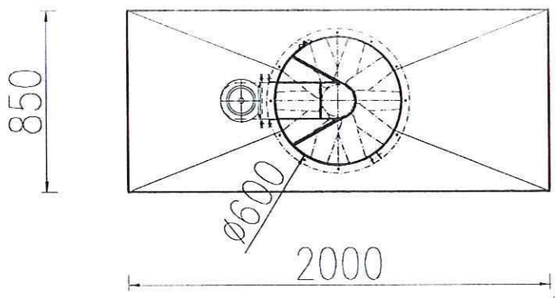
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ	1/100	KÍCH THƯỚC BẢN VẼ

THIẾT BỊ XỬ LÝ HỆ 04 BUỒNG SƠN







THÔNG SỐ KỸ THUẬT

BUỒNG SƠN LxBxH=2.0x1.05x3.0m

+ Tấm lọc bụi D2.0xH1.8 (m)
+ Quạt hút hướng trục : 2.2 Kw (3 Hp)

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

M.S.D.N: 0303292102 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
BECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

KT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

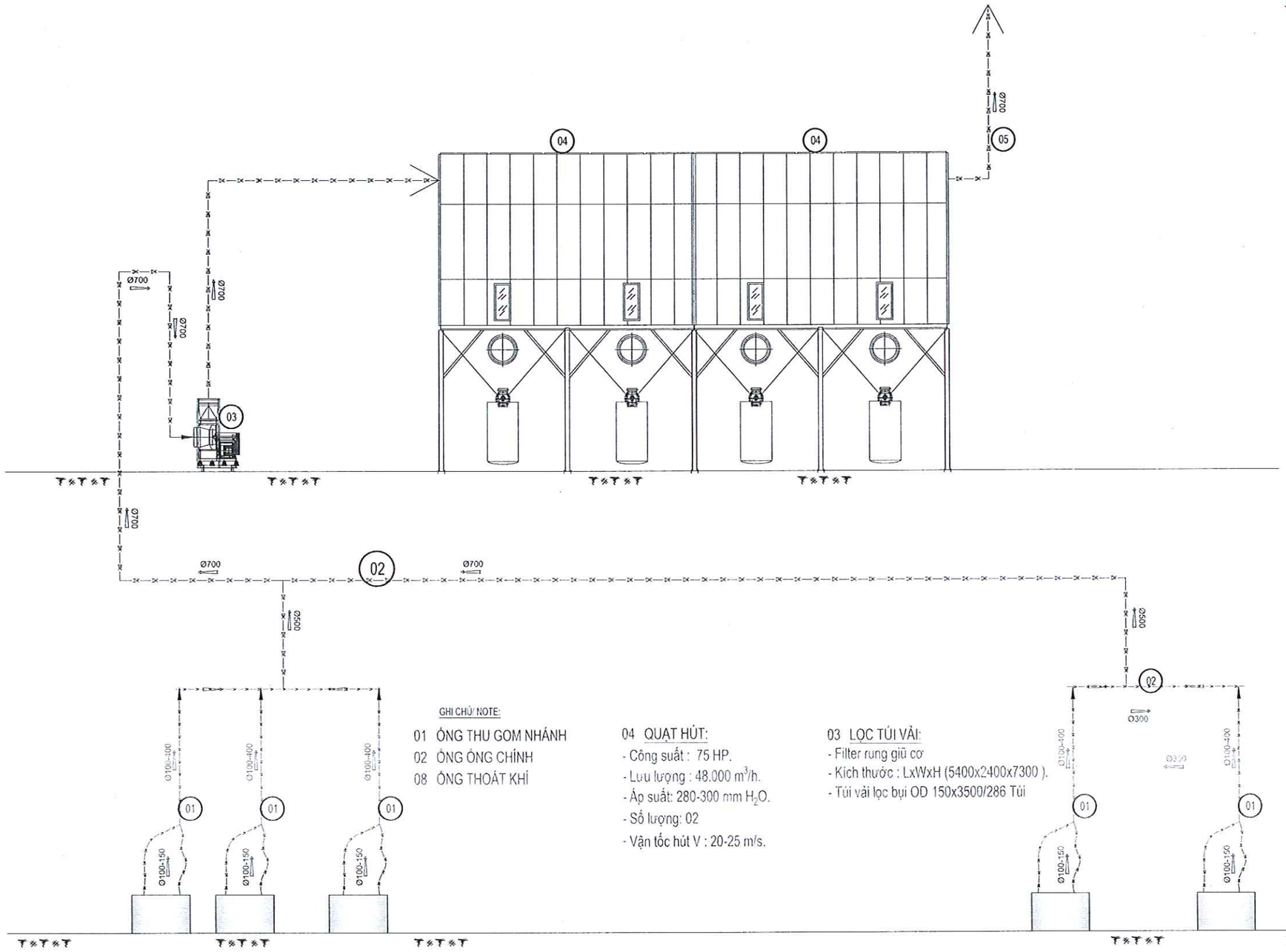
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2,H NHƠN TRẠCH,T ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO.	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 01 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



GHI CHÚ/ NOTE:

01 ỐNG THU GOM NHÁNH
02 ỐNG ỐNG CHÍNH
08 ỐNG THOÁT KHÍ

04 QUẠT HÚT:
- Công suất : 75 HP.
- Lưu lượng : 48.000 m^3/h.
- Áp suất: 280-300 mm H_2O.
- Số lượng: 02
- Vận tốc hút V : 20-25 m/s.

03 LỌC TÚI VẢI:
- Filter rung giũ cơ
- Kích thước : LxWxH (5400x2400x7300).
- Túi vải lọc bụi OD 150x3500/286 Túi

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

M.S.D.N: 0303292102 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
BECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

GIÁM SÁT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

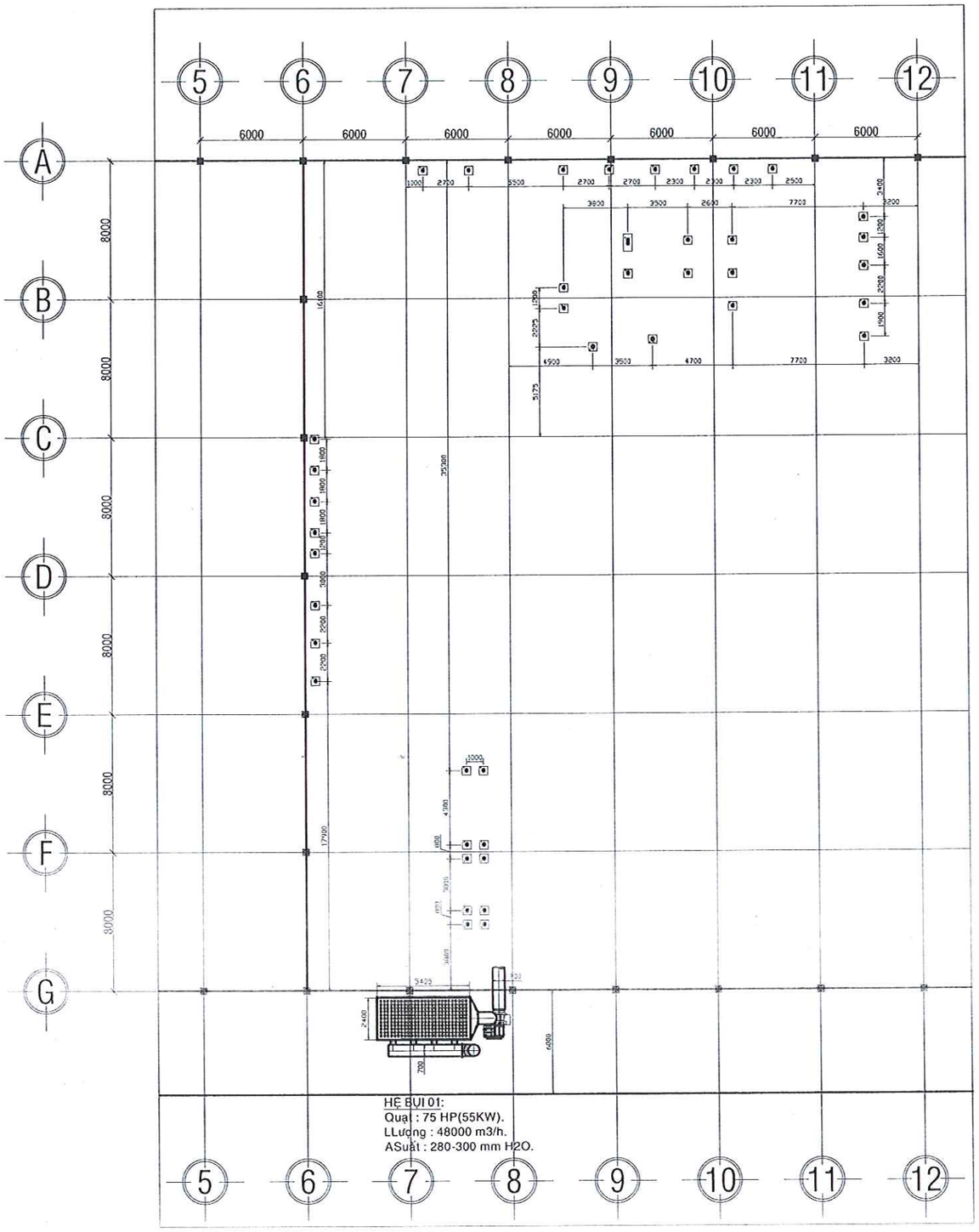
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2,H NHƠN TRẠCH,T ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	KHỔ GIẤY BẢN VẼ	
NGÀY HOÀN THÀNH			

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐẦU HÚT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 01 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TIẾN THỌ

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
BEOC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

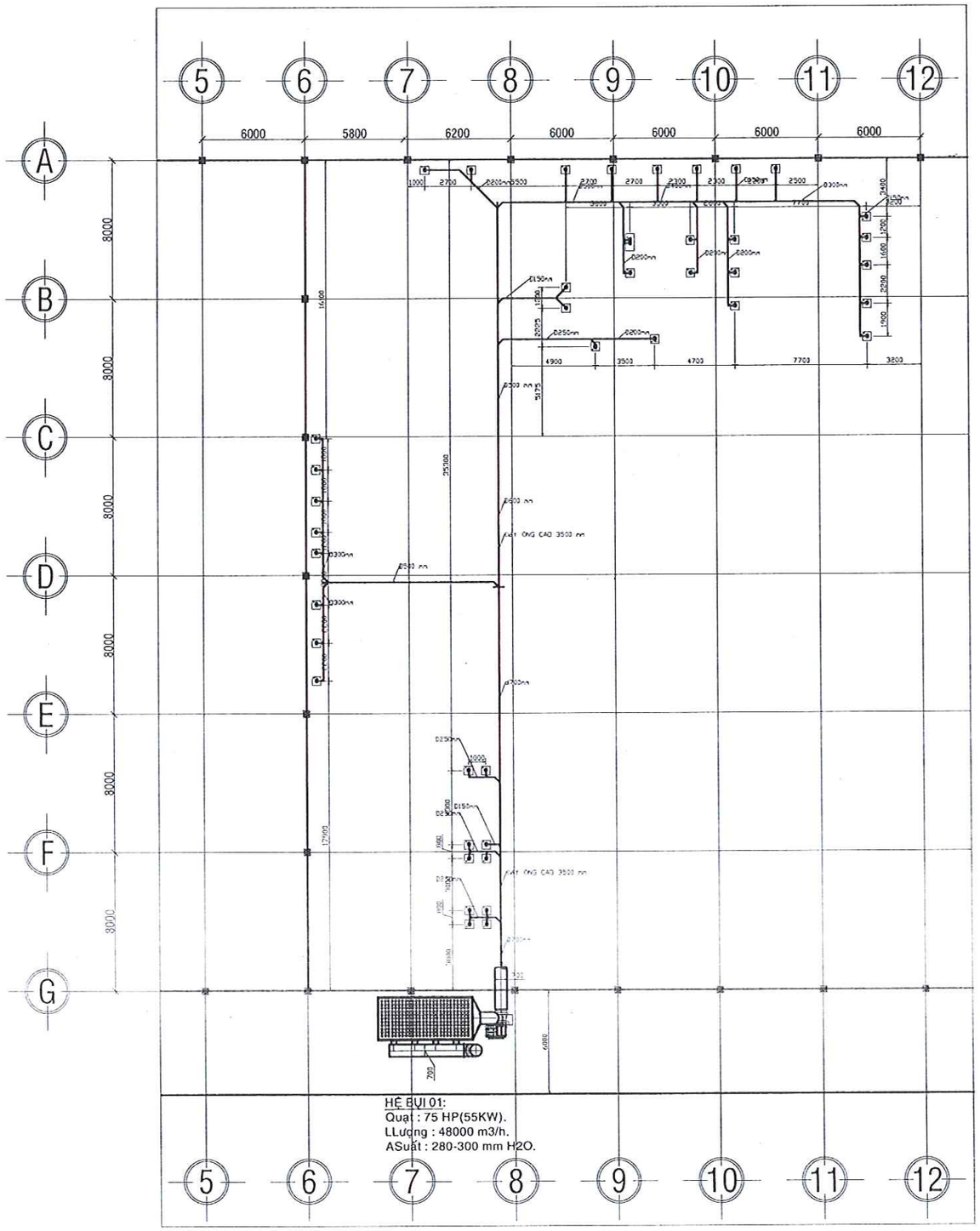
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H NHƠN TRẠCH T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	KÍCH CỠ BẢN VẼ SIZE A1	
NGÀY ...			
KÝ HIỆU ...			

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG HÚT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 01 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

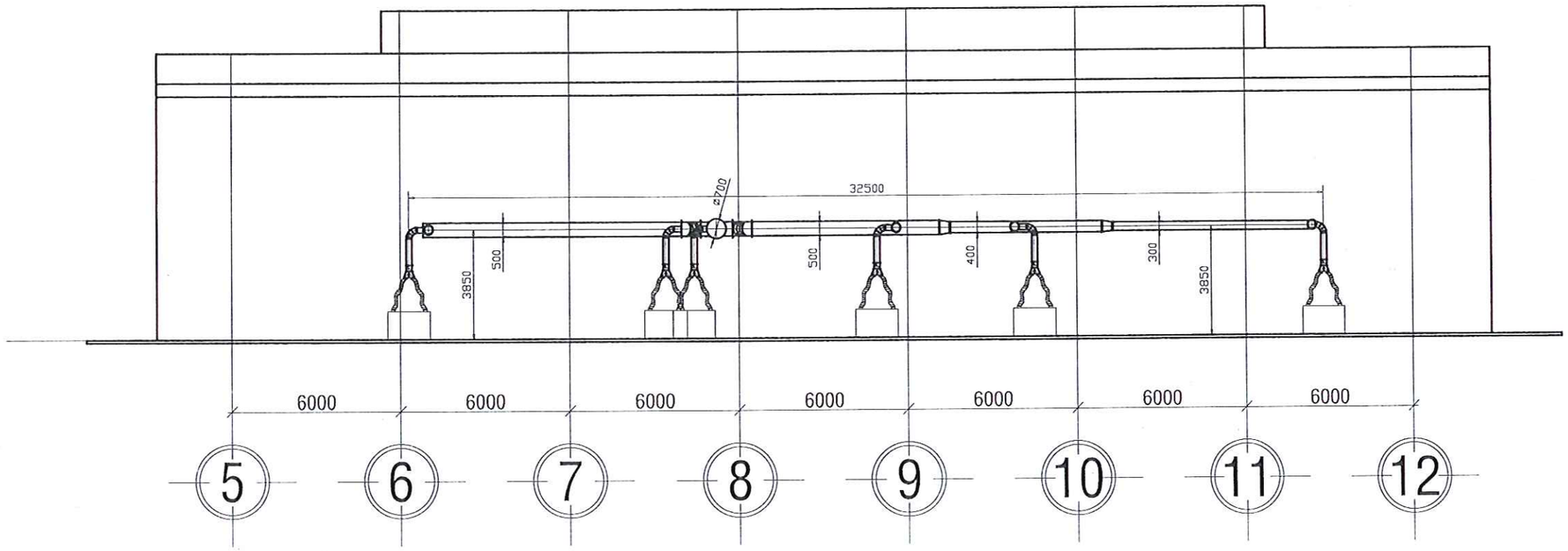
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2,H NHƠN TRẠCH,T ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	KHỔ GIẤY BẢN VẼ DRAWING PAPER	
MÃ BẢN VẼ DRAWING NO.			

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 01 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



MẶT CẮT TRỤC A - B

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

M.S.D.N: 0303292782 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.535
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

GL/KT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ/ DRAWN BY :
KIS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

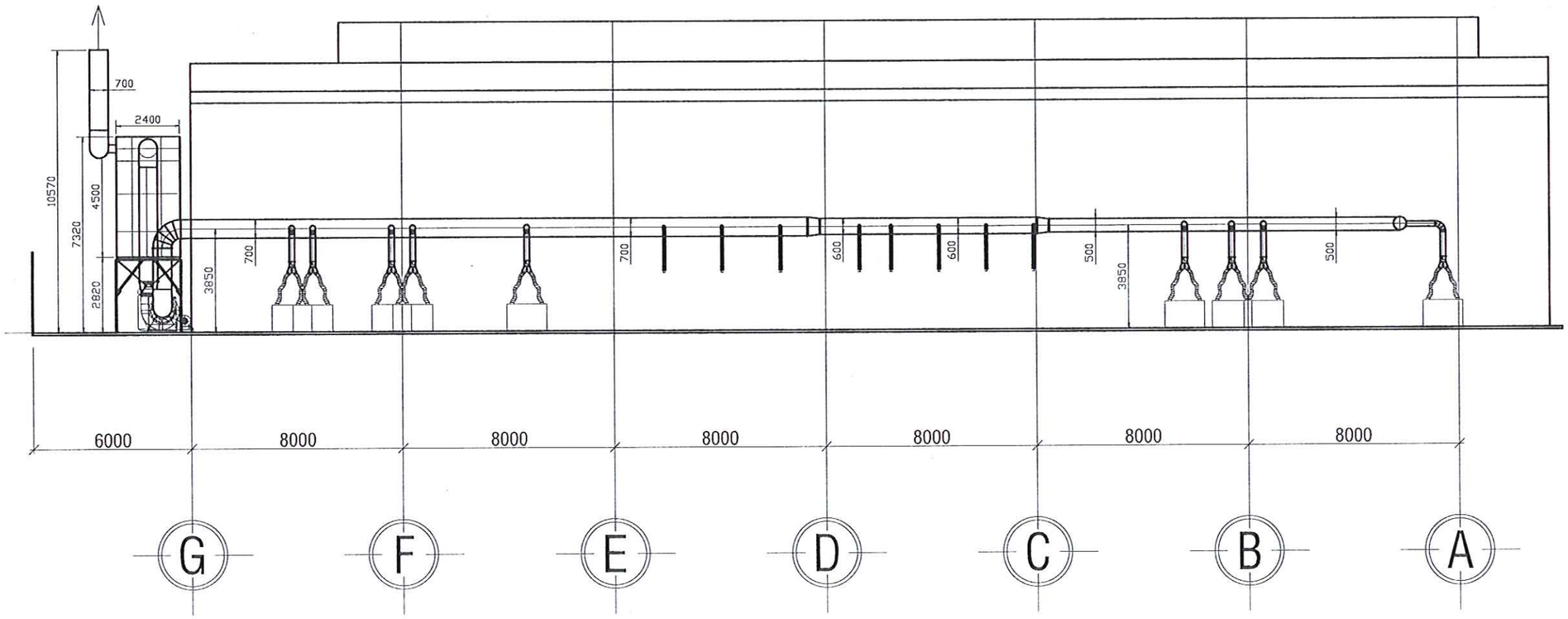
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H NHƠN TRẠCH-T ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	SỐ BẢN VẼ DWG NO.	
NGÀY HOÀN THÀNH DATE			

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 01 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



MẶT CẮT TRỤC 12 - 11

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

M.S.D.N: 0303292182 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
BECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

GLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

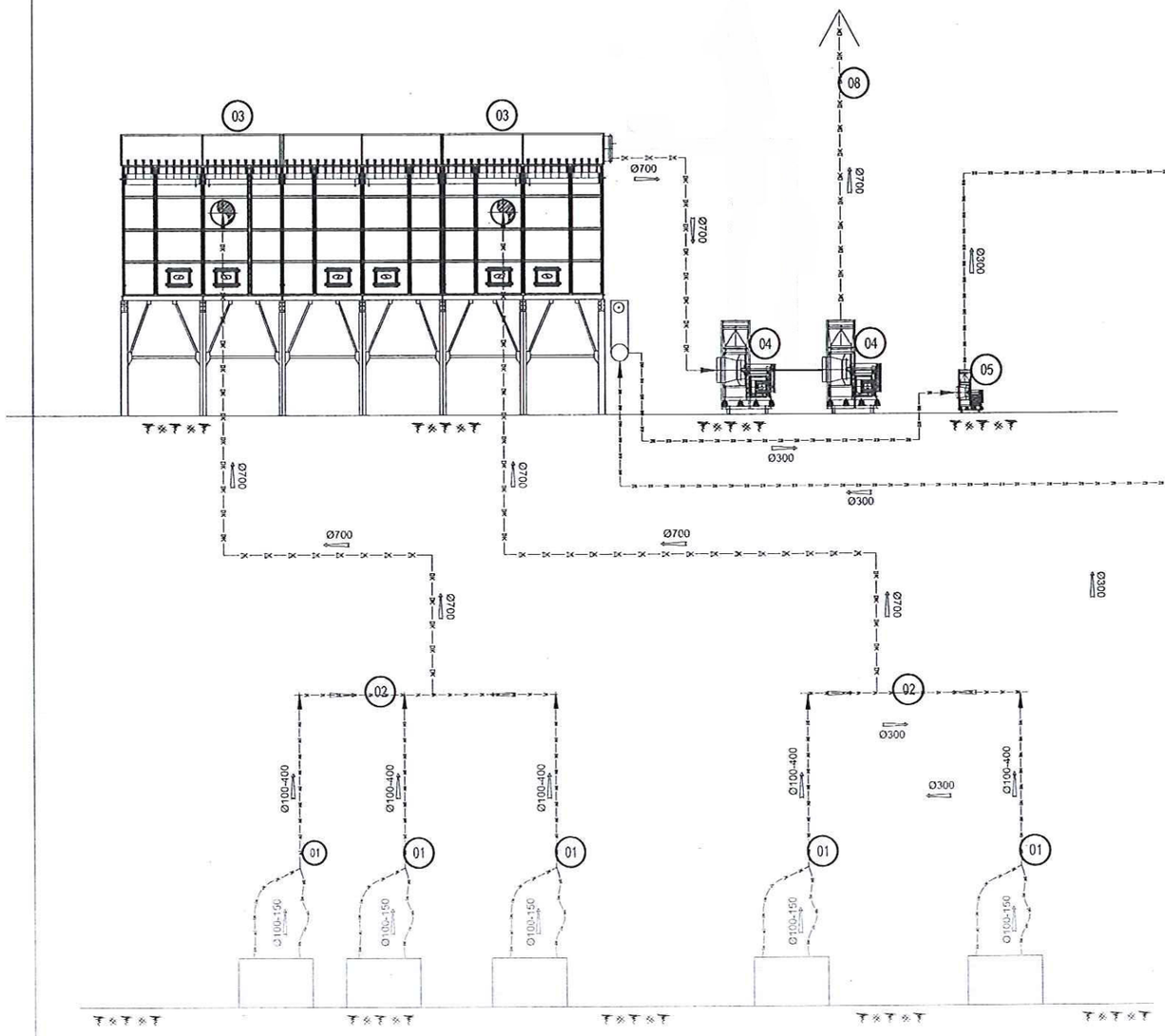
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H NHƠN TRẠCH-T ĐỒNG NAI

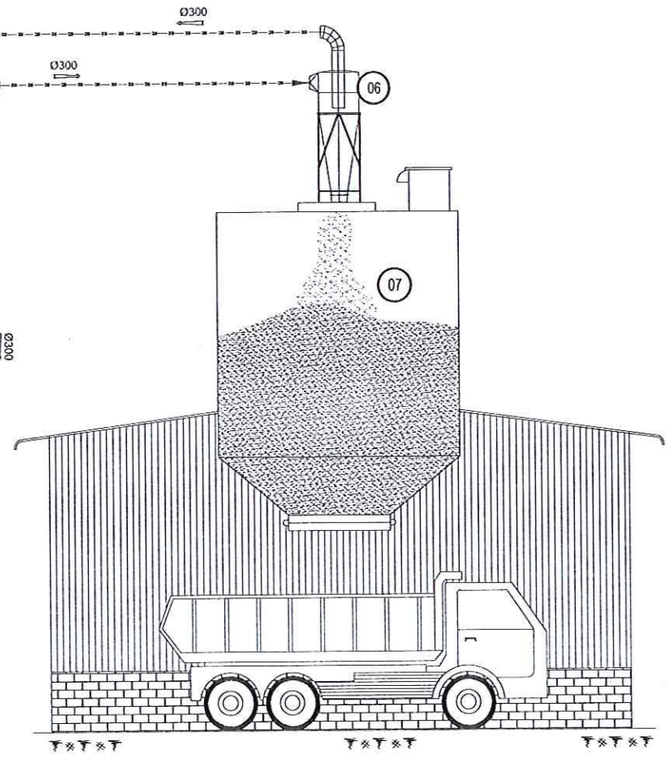
HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE 1/100

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 02 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H





GHI CHÚ/ NOTE:

01 ỐNG THU GOM NHÁNH
02 ỐNG THU GOM CHÍNH
08 ỐNG THOÁT KHÍ

03 LỌC TÚI VẢI:
- Filter rung giũ khí nén
- Kích thước : LxWxH (9500x2400x7700).
- Túi vải lọc bụi OD 150x3500/506 Túi

04 QUẠT HÚT:
- Công suất : 75 HP.
- Lưu lượng : 48.000 m^3/h.
- Áp suất: 280-300 mm H_2O.
- Số lượng: 02
- Vận tốc hút V : 20-25 m/s.

05 QUẠT TẢI BỤI:
- Công suất/ Wattage: 30 HP.
- Lưu lượng/ Flow: 8.000 m^3/h.
- Áp suất/ Pressure: 550 mm H_2O.
- Số lượng: 01

06 CYCLONE
- Kích thước/ Size : DxH (1500x3500).

07 NHÀ CHỨA BỤI
- Kích thước/ Size : LxWxH (4500x3500x9000).

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
M.S.D.N: 3603292102 - C.T.C.P
TRẦN TIẾN THỌ

GHI CHÚ CHUNG

1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

DUYỆT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

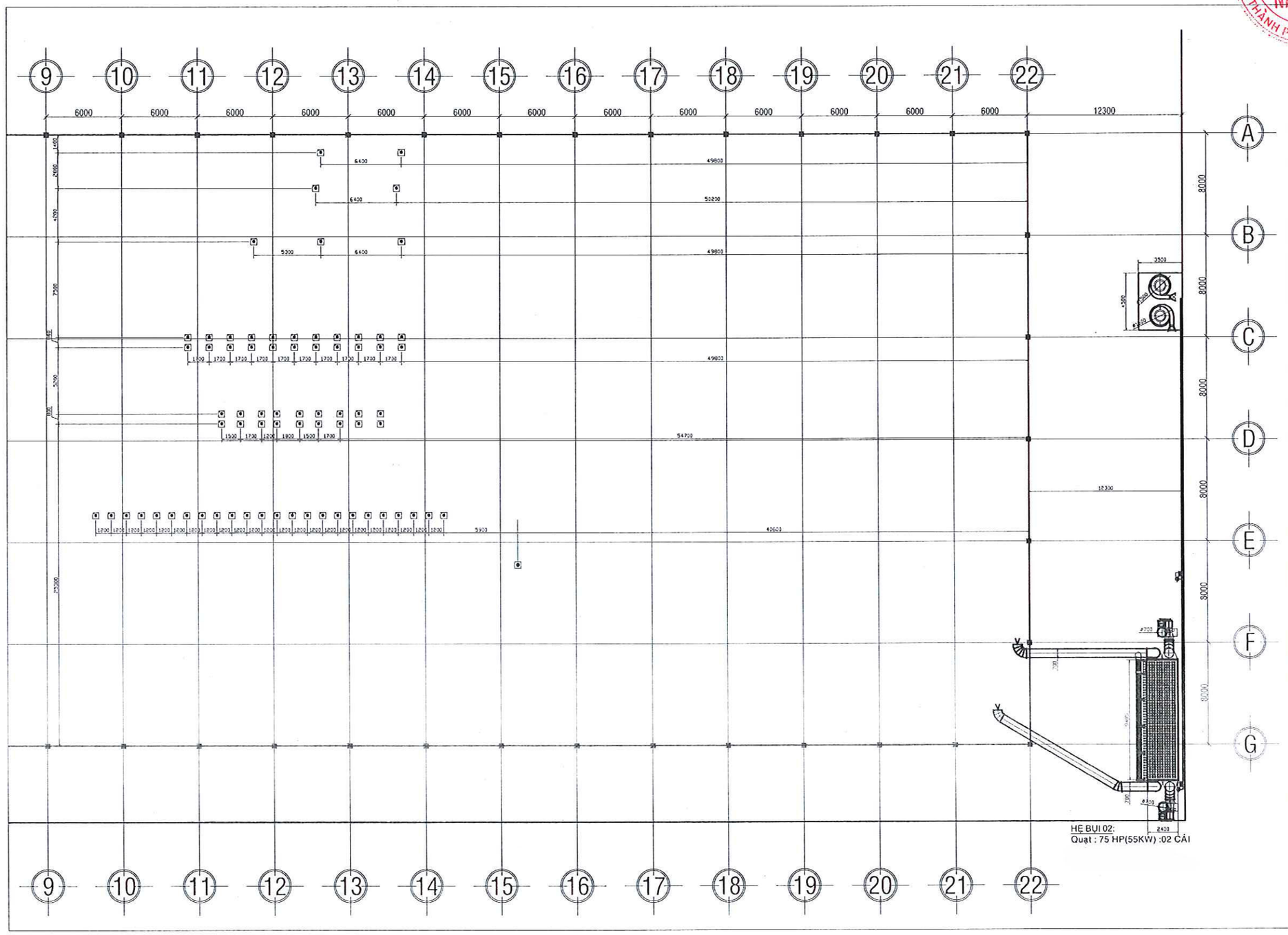
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H, NHƠN TRẠCH-T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.	
NGÀY NGÀY			

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐẦU HÚT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 02 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TIẾN THỌ

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG

ĐẠI DƯƠNG XANH

LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :

HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :

KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :

KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :

KS. TRẦN TRỌNG KHA

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2 H.NHƠN TRẠCH T.ĐỒNG NAI

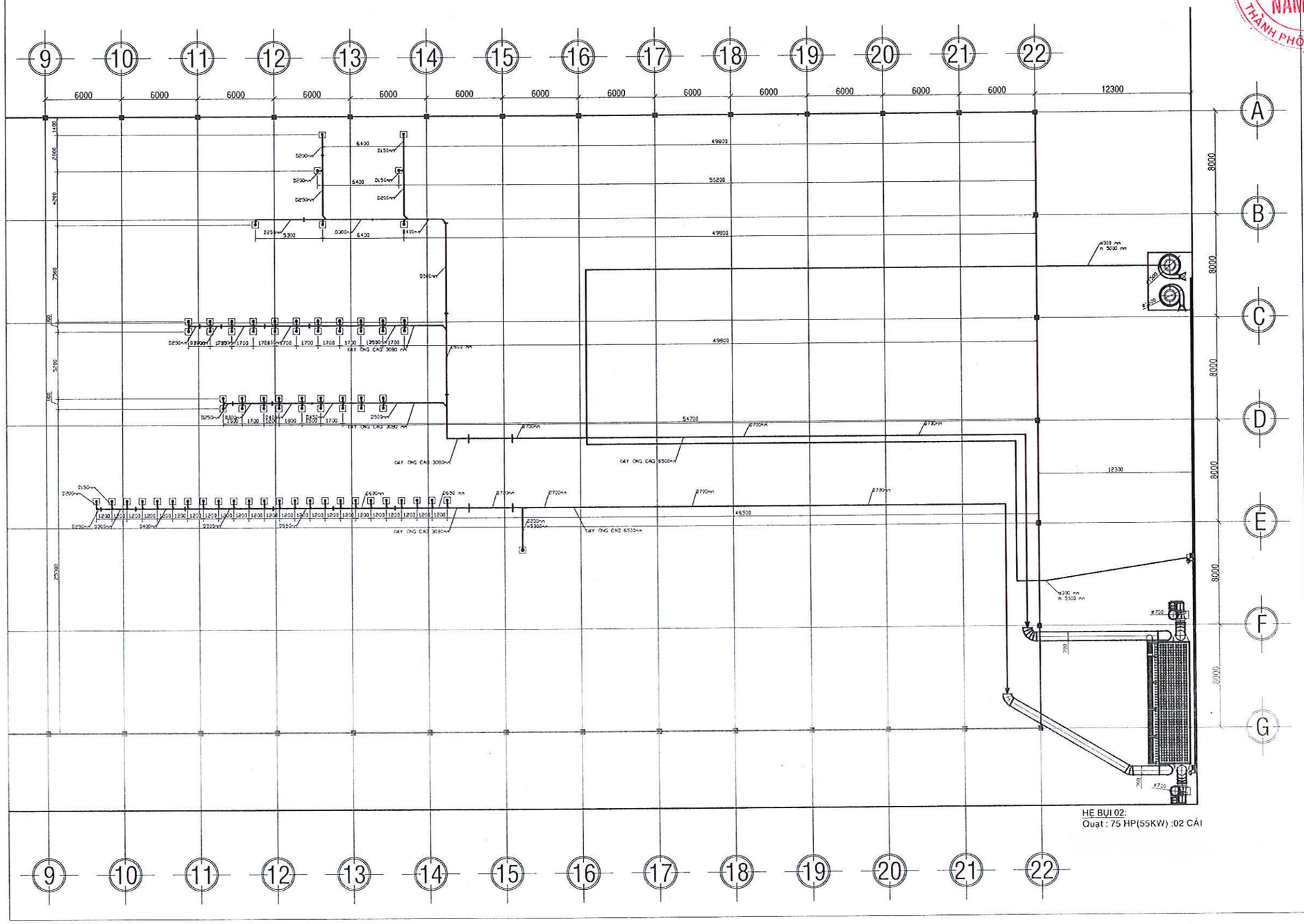
HẠNG MỤC - ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO.	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG HÚT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 02 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0303292182 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TIẾN THỌ

No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
BECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

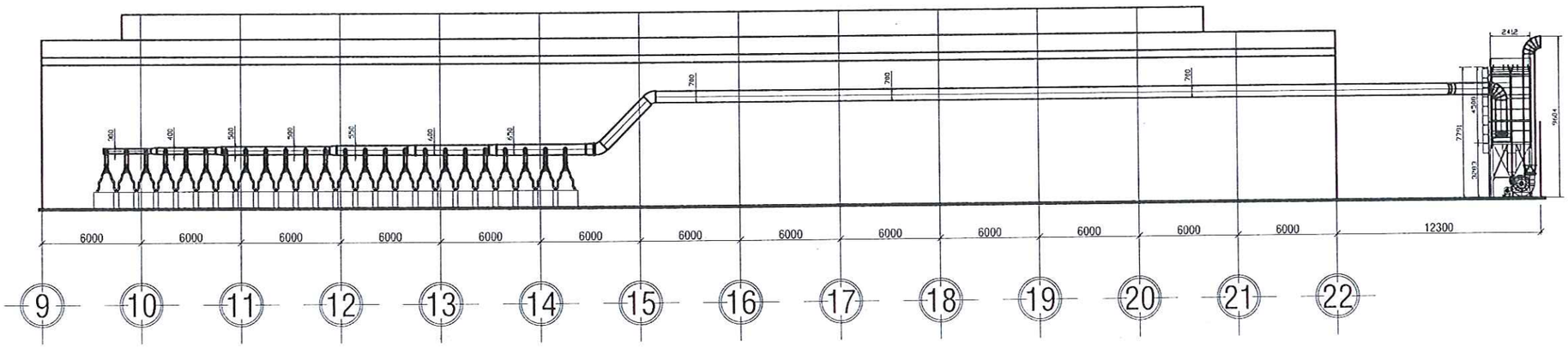
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2 H NHƠN TRẠCH,T ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ	1/100	NGÀY HOÀN THÀNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 02 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



MẶT CẮT TRỤC G - F

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

M.S.D.N: 0303292152 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

- T.K CƠ SỞ ☒
- THI CÔNG ☐
- HOÀN CÔNG ☐
- HIỆN TRẠNG ☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
BECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ/ DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA/ CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

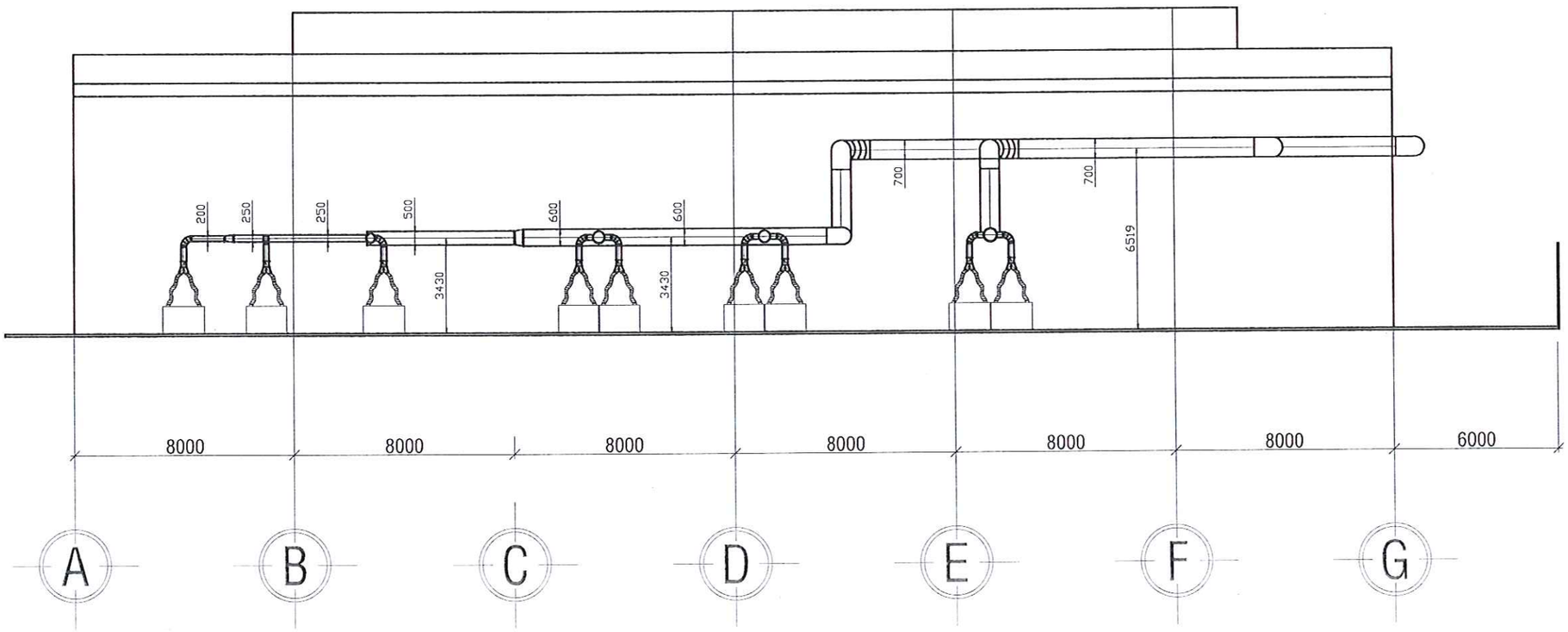
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H NHƠN TRẠCH T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	NGÀY HOÀN THÀNH DATE	
SỐ BẢN VẼ DRAWING NO.			

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 02 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



MẶT CẮT TRỤC 9 - 10

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel. 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

GL/KT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ/ DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

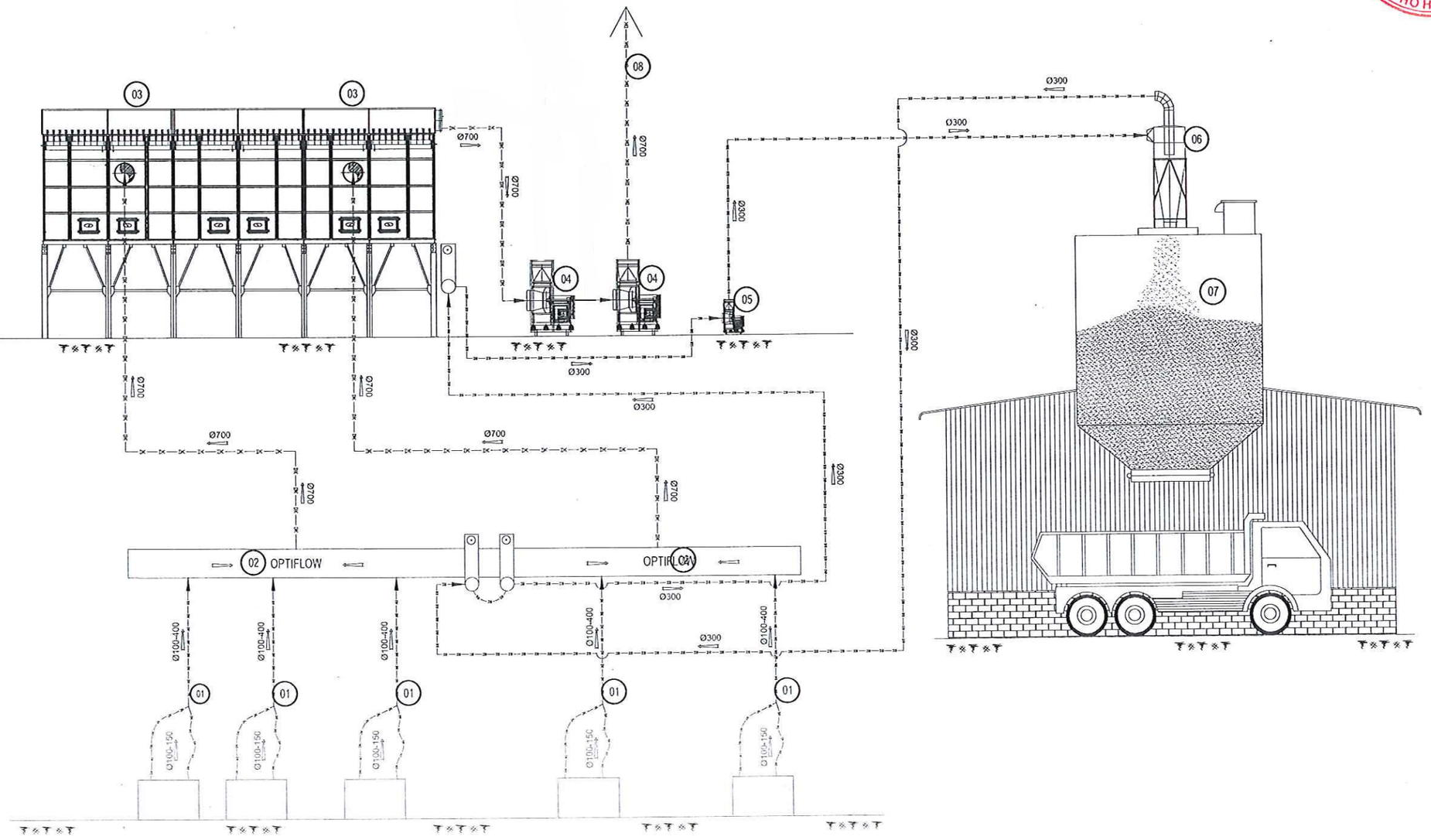
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2 H.NHƠN TRẠCH T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ	1/100	KÍCH CỠ BẢN VẼ	
NGÀY HT			

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 02 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



GHI CHÚ/ NOTE:

01 ỐNG THU GOM NHÁNH
02 OPTIFLOW
08 ỐNG THOÁT KHÍ

03 LỌC TÚI VẢI:
- Filter rung giũ khí nén
- Kích thước/ Size : LxWxH (9500x2400x7700).
- Túi vải lọc bụi OD 150x3500/506 Túi

04 QUẠT HÚT:
- Công suất : 75 HP.
- Lưu lượng : 48.000 m^3/h.
- Áp suất: 280-300 mm H_2O.
- Số lượng: 02
- Vận tốc hút V : 20-25 m/s.

05 QUẠT TẢI BỤI:
- Công suất/ Wattage: 30 HP.
- Lưu lượng/ Flow: 8.000 m^3/h.
- Áp suất/ Pressure: 550 mm H_2O.
- Số lượng: 01

06 CYCLONE
- Kích thước/ Size : DxH (1500x3500).

07 NHÀ CHỨA BỤI
- Kích thước/ Size : LxWxH (4500x3500x9000).

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

M.S.D.N: 0303292182 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
DECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

DUYỆT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ/ DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA/ CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

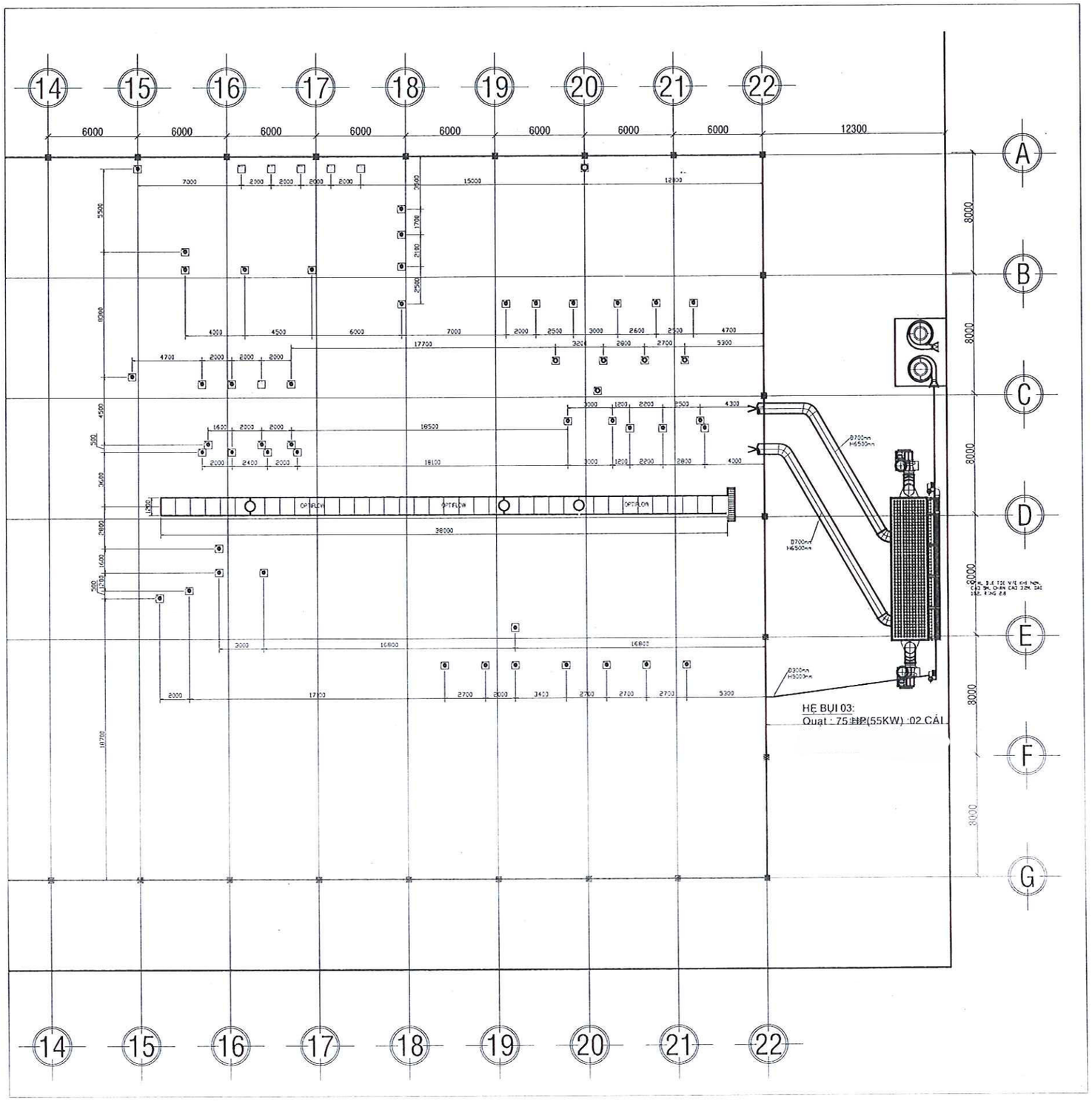
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H NHƠN TRẠCH T. ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	TRANG SỐ/ TỔNG SỐ TRANG	
NGÀY HT DATE			

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐẦU HÚT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 03 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

M.S.D.N: 0303292182 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel. 02513.943.595
Email: daid.dongxanh.dongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

CHK'T / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

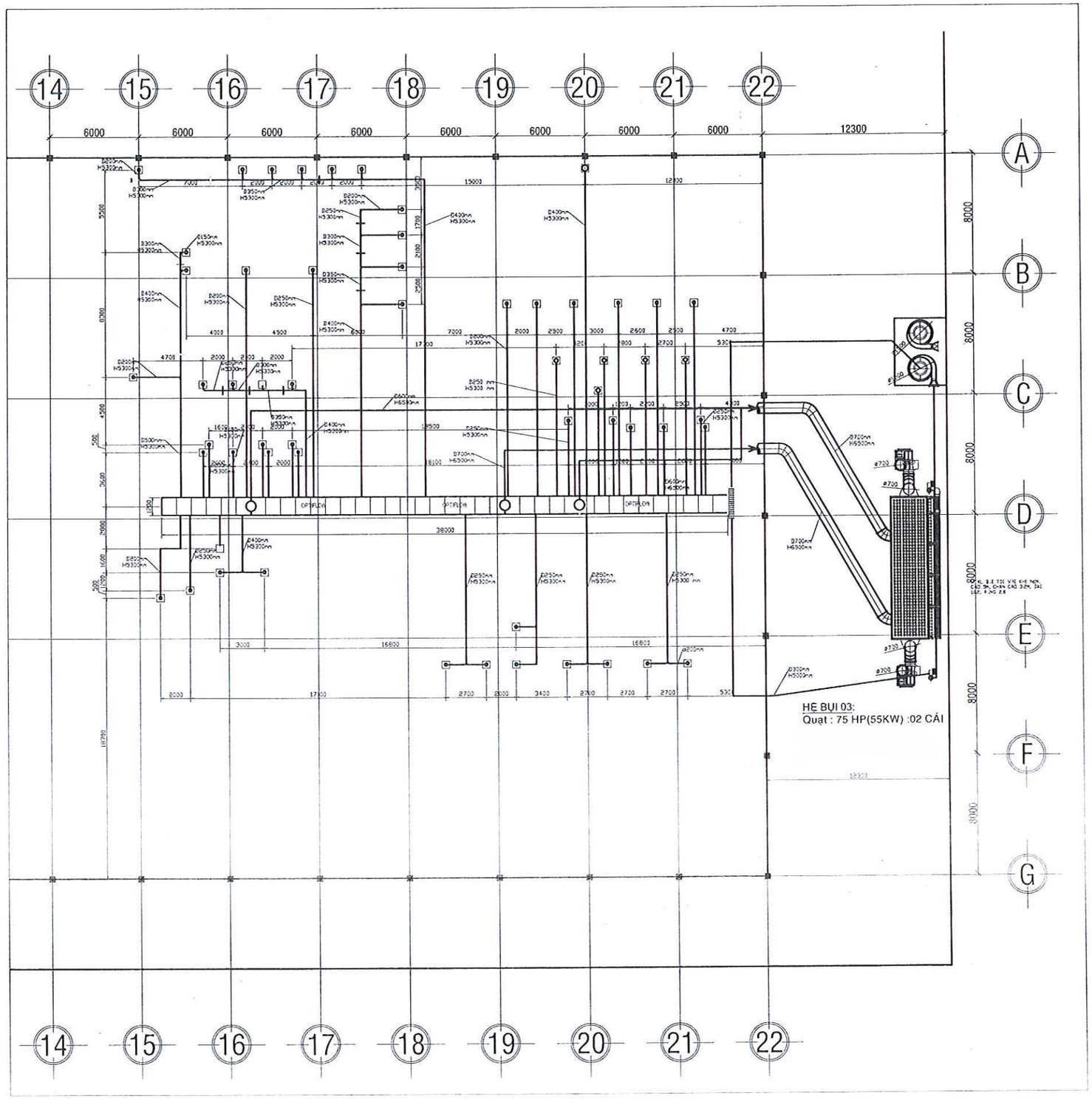
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2 H.NHƠN TRẠCH T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE 1/100

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG HÚT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 03 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

- T.K CƠ SỞ ☒
- THI CÔNG ☐
- HOÀN CÔNG ☐
- HIỆN TRẠNG ☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

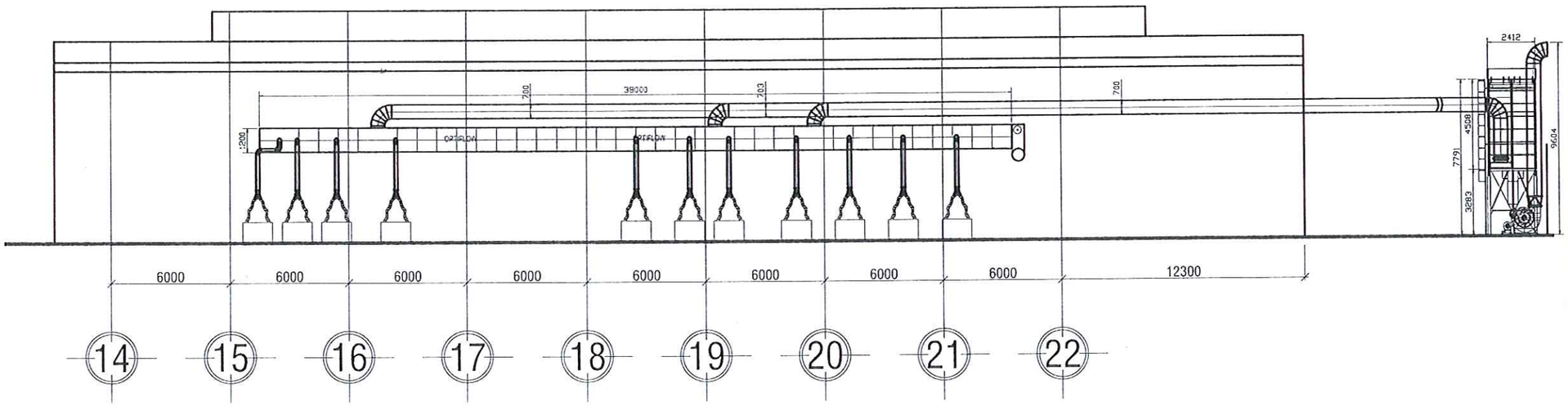
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2-H NHƠN TRẠCH-T. ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ / SCALE 1/100

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 03 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



MẶT CẮT TRỤC F - E

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

M.S.D.N: 0303292782 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

CHKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ/ DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA/ CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

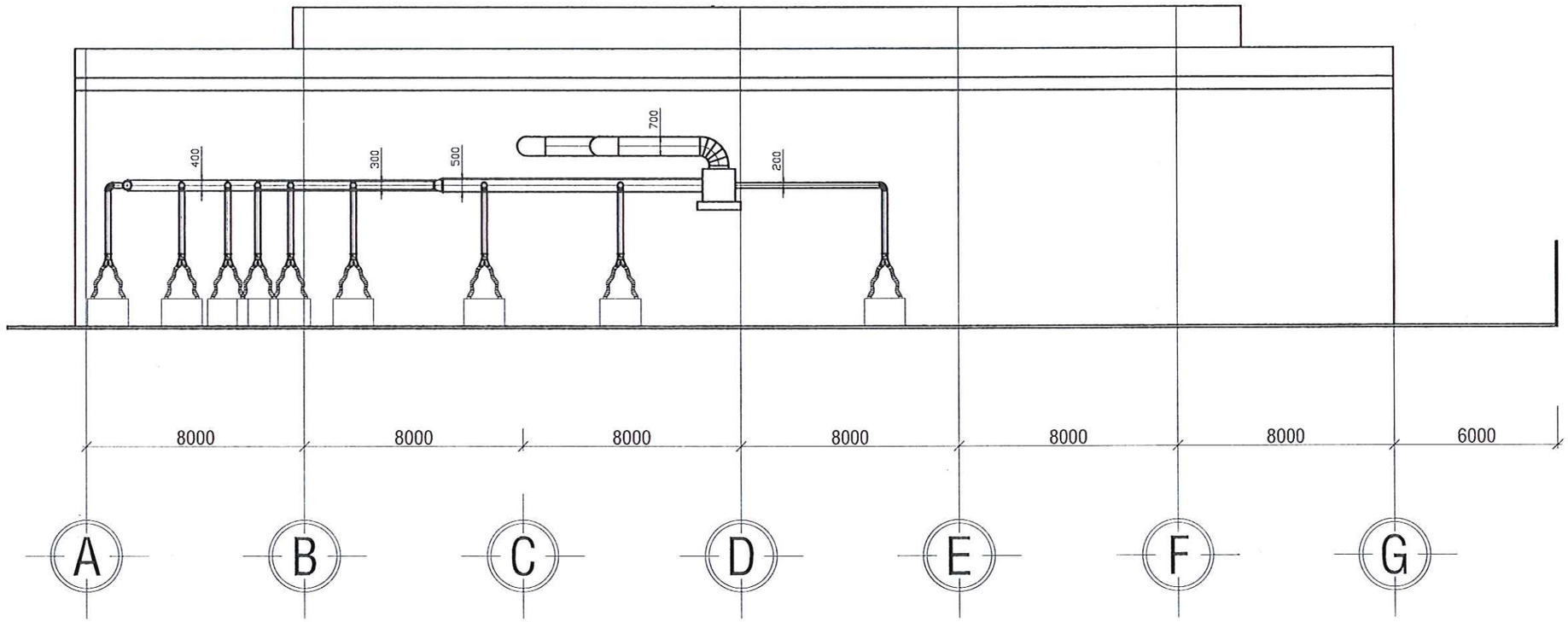
CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 2,H.NHƠN TRẠCH,T.ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO.	

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI 03 - CÔNG SUẤT 48.000 M3/H



MẶT CẮT TRỤC 14 - 15

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM NAM HOA

M.S.D.N: 0303292182 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TIẾN THỌ

T.T No	GHI CHÚ CHUNG
1	
2	
3	
4	
5	

T.T No	NGÀY LẬP/THIẾT KẾ THI CÔNG SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	☒
THI CÔNG	☐
HOÀN CÔNG	☐
HIỆN TRẠNG	☐

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH
BECC FOR THE GREEN DEVELOPMENT
LÔ BN1-LK17, ĐƯỜNG N1, KHU PHỐ 7, P. THỐNG NHẤT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
Tel: 02513.943.595
Email: daiduongxanhdongnai@gmail.com

GIÁM ĐỐC :
HÀ HUY MINH

QLKT / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

VẼ / DRAWN BY :
KTS. LÊ VĂN NGHĨA

KIỂM TRA / CHECKED BY :
KS. TRẦN TRỌNG KHA

CÔNG TRÌNH - PROJECT
NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN TRẠCH 2,H NHƠN TRẠCH,T ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỶ LỆ SCALE	1/100	TỔNG SỐ BẢN VẼ TOTAL SHEETS	